

CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)

----- QR 80 -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**“ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY THẺ THAO XUẤT KHẨU ”**

Địa điểm: xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

CHỦ DỰ ÁN



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Cường*

Hải Dương, năm 2024

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	3
1. Tên chủ dự án.....	3
2. Tên dự án đầu tư.....	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư .....	3
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	3
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	6
4.1. Nhu cầu nguyên, vật liệu.....	6
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu, điện, nước cho sản xuất .....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	8
5.1. Vị trí dự án.....	8
5.2. Các hạng mục công trình của dự án .....	8
5.3. Máy móc thiết bị dự án.....	11
5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án .....	14
5.4.1. Tiến độ thực hiện dự án .....	14
5.4.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư.....	14
5.4.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án .....	14
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch .....	16
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	16
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	22
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	22
1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường.....	22
1.2. Đối tượng nhạy cảm về môi trường, hiện trạng tài nguyên sinh học.....	22
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án .....	22
2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải.....	22
2.2. Hoạt động khai thác sử dụng nước.....	22
3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí.....	22
3.1. Đối với môi trường không khí .....	23
3.2. Đối với môi trường nước .....	24
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	26

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành ổn định .....	26
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:.....	26
1.1.1 Về hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	26
1.1.2. Về hệ thống thu gom, thoát nước thải.....	26
1.1.3 Về công trình xử lý nước thải.....	27
1.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	30
1.2.1 Đối với hoạt động thuê nhà xưởng .....	30
1.2.2. Đối với hoạt động sản xuất của Công ty .....	30
1.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	32
1.3.1. Đối với hoạt động của các đơn vị vào thuê nhà xưởng .....	32
1.3.2 Đối với hoạt động sản xuất của Công ty .....	32
1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	34
1.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	35
2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	38
2.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án .....	38
2.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục .....	39
2.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường .....	39
2.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT .....	39
2.5. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường .....	40
3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy, chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo ..	40
<b>CHƯƠNG V NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>41</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	41
2. Nội dung đối với tiếng ồn, độ rung.....	41
3. Nội dung yêu cầu về quản lý đối với chất thải.....	42
4. Đề xuất thời hạn của Giấy phép môi trường .....	42
<b>CHƯƠNG VI . KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>44</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	44
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật .....	44
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	44
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	44
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	44
<b>CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>45</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu của dự án .....	6
Bảng 2. Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước cho sản xuất.....	7
Bảng 3. Cơ cấu sử dụng đất của dự án.....	8
Bảng 4. Danh mục các công trình xây dựng .....	8
Bảng 5. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất.....	11
Bảng 6. Nồng độ các thông số tính toán trong nước thải.....	17
Bảng 7. Nồng độ các thông số tính toán trong nước mặt.....	18
Bảng 8. Tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm .....	19
Bảng 9. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên sông Kinh Môn (ngay tại điểm tiếp nhận nước từ kênh dẫn hạ lưu Cổ Phục) .....	19
Bảng 10. Tải lượng ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn tiếp nhận .....	20
Bảng 11. Khả năng tiếp nhận nguồn nước thải .....	21
Bảng 12. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí trong các khu vực sản xuất .....	23
Bảng 13. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực công .....	24
Bảng 14. Kết quả phân tích chất lượng thải sau hệ thống xử lý.....	24
Bảng 15. Thông số kỹ thuật của bể phốt.....	27
Bảng 16. Các công trình, thiết bị chính của hệ thống xử lý .....	29
Bảng 17. Danh mục hóa chất sử dụng.....	29
Bảng 18. Loại và khối lượng chất thải công nghiệp thông thường của nhà máy.....	32
Bảng 19. Loại và khối lượng chất thải nguy hại của nhà máy .....	33
Bảng 20. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	38
Bảng 21. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.....	39
Bảng 22. Kinh phí đầu tư các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	39

## DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Quy trình gia công giấy thể thao xuất khẩu.....	4
Hình 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý sản xuất của Nhà máy.....	14
Hình 3. Sơ đồ phân lập và thu gom nước thải của cơ sở .....	26
Hình 4. Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt.....	28



## MỞ ĐẦU

Công ty giấy Bình Dương (TNHH) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số 0800280268, đăng ký lần đầu ngày 21/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 12/05/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Công ty có trụ sở tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Theo văn bản chấp thuận số 704/CV-UB ngày 26/08/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Công ty giấy Bình Dương (TNHH) được tiếp nhận mặt bằng và tài sản để làm chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy xuất khẩu thay cho chủ đầu tư cũ là Công ty TNHH Bình Dương. Công ty giấy Bình Dương (TNHH) có trách nhiệm thực hiện các nội dung khác của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy xuất khẩu theo văn bản chấp thuận đầu tư số 967/CV-UB ngày 25/11/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Quy mô của dự án như sau:

- Diện tích sử dụng: 19.200m<sup>2</sup>.
- Quy mô dự án: Sản xuất giấy thể thao xuất khẩu 1.200.000 đôi/năm và sản xuất đế giày EVA 1.000.000 đôi/năm.

Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương cấp phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 183/TN&MT ngày 24/10/2003.

Sau thời gian dài thực hiện sản xuất, Công ty nhận thấy thị hiếu về thời trang, chất liệu giày dép có nhiều thay đổi. Gần đây thị trường giày dép lại chịu ảnh hưởng lớn bởi đại dịch covid và suy thoái kinh tế. Công ty chưa ký thêm được những đơn hàng mới nên hoạt động sản xuất giảm sút, nhà xưởng để trống gây lãng phí nguồn vốn đầu tư. Nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng đất, tránh lãng phí và tháo gỡ khó khăn Công ty đã quyết định điều chỉnh dự án giảm quy mô sản xuất giấy, bổ sung thêm mục tiêu cho thuê nhà xưởng, kho. Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 1588/QĐ – UBND ngày 01/7/2024 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu (điều chỉnh lần thứ hai). Nội dung thay đổi như sau:

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu.
- Diện tích sử dụng: 19.200 m<sup>2</sup> (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 447619 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 20/5/2016).
- Quy mô dự án:
  - + Giấy thể thao xuất khẩu: 1.000.000 đôi/ năm.

*Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu*  
*Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

---

+ Cho thuê nhà xưởng, kho (sản xuất, chứa nông sản, phụ kiện giấy,...):  
5.608,8m<sup>2</sup>.

Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu có tổng vốn đầu tư là 20.985.000.000 (Hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu đồng) – dự án thuộc nhóm C được phân loại theo tiêu chí tại khoản 3 điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Dự án đầu tư nhóm III, thuộc mục số 2, mục II, phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Theo khoản 1, điều 39 và theo khoản 4, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án là đối tượng phải lập giấy phép môi trường theo mẫu tại phụ lục XI, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 trình Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành cấp giấy phép môi trường.

## **CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

### **1. Tên chủ dự án**

- Công ty giấy Bình Dương (TNHH)
- Địa chỉ trụ sở chính: xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:  
Đại diện: Ông Lê Văn Cường Chức vụ: Tổng giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800280268, đăng ký lần đầu ngày 21/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 12/05/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
- Quyết định số 1588/QĐ – UBND ngày 01/7/2024 về chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu (điều chỉnh lần thứ hai).

### **2. Tên dự án đầu tư**

- Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan phê duyệt giấy phép môi trường: Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành.
- Phiếu xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 183/TN&MT ngày 24/10/2003 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 213/GP-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc nhóm C được phân loại theo tiêu chí tại khoản 3 điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư**

#### **3.1. Công suất của dự án đầu tư**

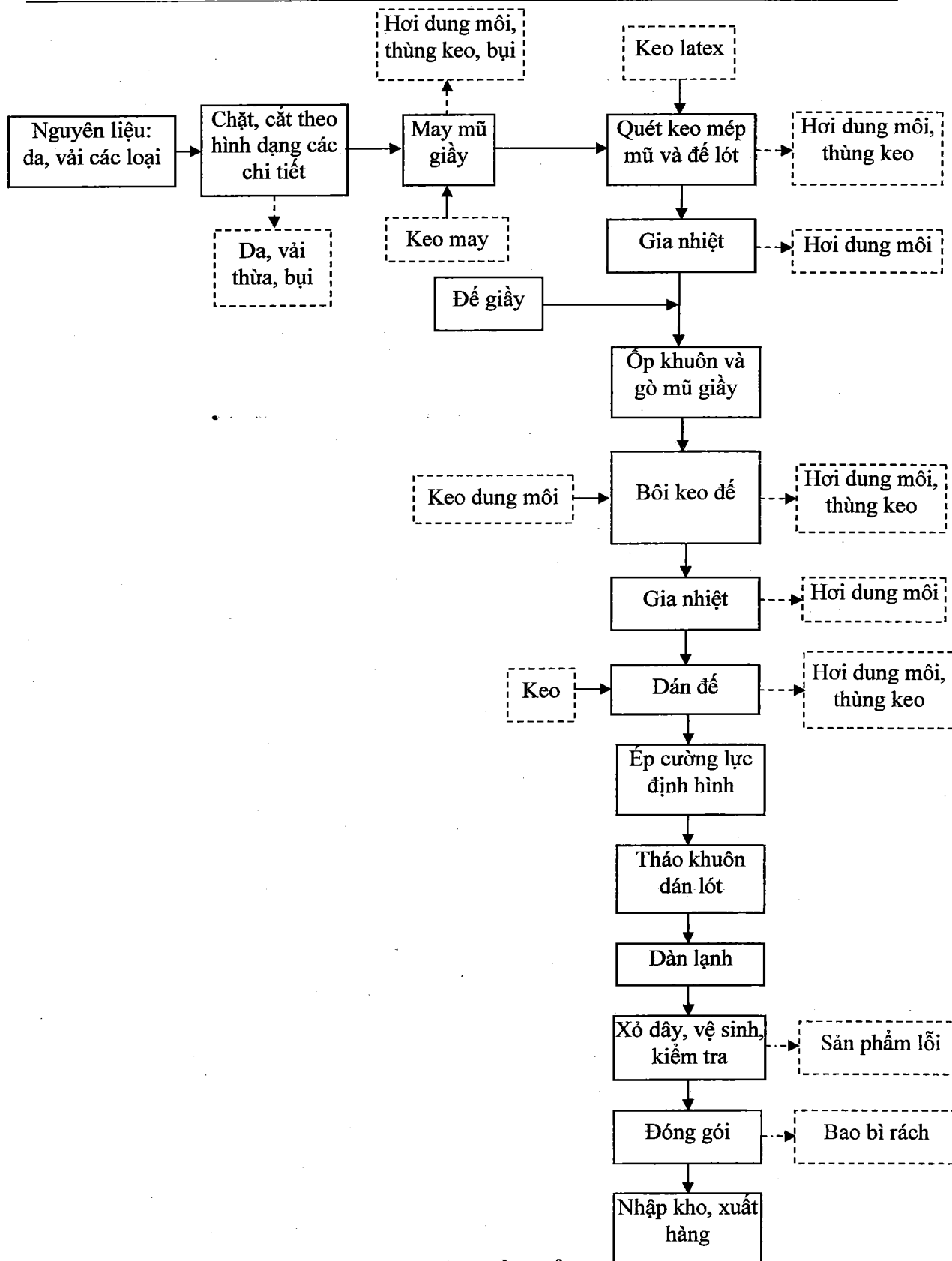
Theo Quyết định số 1588/QĐ – UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu (điều chỉnh lần thứ hai):

- Sản xuất giấy thể thao xuất khẩu: 1.000.000 đôi/năm.
- Cho thuê nhà xưởng, kho với diện tích 5.608,8m<sup>2</sup>.

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư**

##### **a. Quy trình gia công giấy thể thao xuất khẩu**





Hình 1. Quy trình gia công giày thể thao xuất khẩu

**\* Thuyết minh quy trình công nghệ**

Nguyên liệu ban đầu dùng trong quy trình gia công giày bao gồm: các loại da, vải các loại và đế giày đã gia công sẵn được nhập về nhà máy theo từng đơn hàng và đưa vào dây chuyền gia công, cụ thể:

- Các loại da, vải đưa vào công đoạn chặt cắt theo hình dạng các chi tiết đã định sẵn bằng dưỡng kim loại sau đó được đưa lại công đoạn may thành mũ giày. Trong công đoạn may, có sử dụng các loại keo thuộc tính dầu để dán các chi tiết lại với nhau.

- Mũ giày sau khi may xong đưa sang bộ phận quét keo vào mũ và đế lót sau đó đưa qua lò sấy nhiệt ở nhiệt độ từ 50°C – 60°C tiến hành dán đế vào mũ giày, ốp khuôn và gò theo (phom) mũ giày để tạo lực ép dính mũ và đế lót với nhau theo đúng phom.

- Tiếp tục bôi keo vào đế và gia nhiệt, ép cường lực định hình với bán thành phẩm trên sau đó tháo khuôn dán lót đưa qua dàn lạnh để tạo đông cứng lớp keo dán thành hình chiếc giày hoàn chỉnh.

- Bán thành phẩm sau khi hoàn chỉnh được đưa sang xô dây, vệ sinh, kiểm tra sản phẩm ngoại quan lần cuối. Tiếp đó, sản phẩm được đi qua máy dò kim loại, diệt khuẩn, đóng gói nhập kho và xuất hàng. Đế giày được công ty mua về là loại đế đã được gia công sẵn do đó không có công đoạn mài đế trong quá trình sản xuất.

- Đối với đế giày nhập về, sau khi kiểm tra một số đế lỗi nhẹ có thể khắc phục được như sần sùi được công nhân đưa vào mài và cắt gọt bavie cho phù hợp trước khi đưa vào dây chuyền.

Sau mỗi công đoạn đều được đưa qua kiểm tra, sản phẩm lỗi tại công đoạn nào sẽ được đưa về công đoạn đó để chỉnh sửa và quay lại dây chuyền. Đối với những sản phẩm không thể chỉnh sửa được nữa sẽ được công ty hủy để thu gom cùng rác thải sản xuất. Lượng giấy lỗi phát sinh chiếm tỷ lệ nhỏ khoảng 0,1%.

**b. Quy trình cho thuê nhà xưởng**

Công ty tiến hành cho thuê nhà xưởng, nhà kho với tổng diện tích là 5.608,8m<sup>2</sup>. Đơn vị thuê nhà xưởng sử dụng độc lập với nhà xưởng của Công ty, tự chịu trách nhiệm làm các thủ tục môi trường, đầu tư lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải, xây dựng kho chứa và ký hợp đồng thu gom xử lý chất thải với đơn vị có chức năng; tự lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất (nếu có). Công ty giày Bình Dương (TNHH) có nhiệm vụ xây dựng hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và chịu trách nhiệm xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh cho tất cả các đơn vị vào thuê nhà xưởng.

Các ngành nghề được phép vào thuê nhà xưởng là các ngành nghề ít gây ô nhiễm như: Làm kho chứa nông sản, kho chứa hàng may mặc, sản xuất gia công

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

hàng may mặc, giấy da.... và một số ngành nghề không thuộc ngành nghề hạn chế của UBND tỉnh.

### 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

- Sản xuất giấy thể thao xuất khẩu: 1.000.000 đôi/năm.
- Cho thuê nhà xưởng, nhà kho: 5.608,8m<sup>2</sup>.

Hiện tại, nhà máy đang tiến hành sản phẩm giấy thể thao xuất khẩu với công suất đạt khoảng 72% công suất đăng ký tương đương 720.000 sản phẩm/năm. Khu vực nhà xưởng cho thuê hiện đang để trống.

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

### 4.1. Nhu cầu nguyên, vật liệu

**Bảng 1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu của dự án**

TT	Tên nguyên phụ liệu, vật tư	Đơn vị	Định mức sử dụng	Tỷ lệ hao hụt (%)	Định mức kể cả hao hụt	Nhu cầu nguyên vật liệu	
						Hiện tại	100% công suất
1	Vải dệt kim	m <sup>2</sup>	0,45	5	0,4725	340.200	472.500
2	Giả da PU, PVC	m <sup>2</sup>	0,06	3	0,0618	44.496	61.800
3	Xốp các loại	m <sup>2</sup>	0,1	2	0,102	73.440	10.2000
4	Chỉ may giấy	m	45	0,2	45,09	32.464.800	45.090.000
5	Băng dính Catton	m	0,9	0,2	0,9018	649.296	901.800
6	Hộp đựng giày	chiếc	1	0,2	1,002	721.440	1.002.000
7	Thùng Catton	chiếc	0,08	0,1	0,08008	57.657	80.080
8	Tem mác	chiếc	2	0,1	2,002	1.441.440	2.002.000
9	Keo may, keo đế	kg	0,08	0,15	0,08012	57.686	80.120
10	Nước vệ sinh đế giày	kg	0,005	0	0,005	3.600	5.000
11	Đế ngoài các loại bằng cao su	Đôi	1	0,1	1,001	720.720	1.001.000
12	Đệm lót	Đôi	1	0,1	1,001	720.720	1.001.000
13	Dây giày	Chiếc	2	0	2	1.440.000	2.000.000
14	Các loại đường	Đôi	1	0	1	720.000	1.000.000

**\* Tính chất, công thức hóa học của từng loại nguyên liệu:**

- Keo may bao gồm keo 722N, 163N: Là loại keo tổng hợp thuộc tính dầu, thành phần chủ yếu là Resin, Methyl ethyl Ketone, Cyclo hexane, Methyl Cyclohexane, acetone. Keo có mùi xăng dầu, có độ sôi là 81<sup>0</sup>C. Khi tiếp xúc với da sẽ gây kích ứng

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương

Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

khó chịu, khi hít phải gây nhức đầu, chóng mặt, ói mửa, mệt mỏi.

- Keo latex: Là dung dịch màu trắng, điểm sôi  $100^{\circ}\text{C}$ , thành phần hóa học: nhựa cây cao su 60-62%, nước 24-28%, KOH 5-8% và amoniac 6-7%, nếu hít phải sẽ gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn, nếu mắt bị tiếp xúc với dung dịch này sẽ gây nhức ngứa khó chịu. Keo latex được sử dụng trong công đoạn quét keo đế giấy.

- Nước tẩy vệ sinh đế giấy: mục đích làm sạch đế giấy trước khi quét keo gò, vệ sinh bề mặt, thay đổi cấu trúc bề mặt bán thành phẩm, dùng để xử lý vải phủ PU, PVC và đế PU, PVC để phát huy tính hiệu quả tối ưu của keo dán, là chất lỏng màu vàng nhạt, có mùi ketone, độ sôi  $75-85^{\circ}\text{C}$ , thành phần hóa học gồm có Methyl ethyl Ketone, Ethyl actate, Resin, Acetone, xăng, toluene... Có khả năng gây kích ứng da và mắt, gây đau đầu, chóng mặt, gây nôn...

Lượng hoá chất nhập về và chỉ sản xuất trong tháng, không để lưu trữ nhiều trong kho.

#### 4.2. Nhu cầu về nhiên liệu, điện, nước cho sản xuất

**Bảng 2. Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước cho sản xuất**

TT	Nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng	
			Hiện tại	Khi đạt 100% công suất
1	Điện	kWh/tháng	50.000	100.000
2	Nước cấp sinh hoạt	$\text{m}^3$ /tháng	328	436,8
3	Nước cho PCCC	$\text{m}^3$	110	110
4	Dầu bảo dưỡng máy móc	kg/tháng	20	40

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng từ mạng lưới cấp nước sạch cho khu vực.

- Nguồn cung cấp điện: Từ mạng lưới cấp điện của khu vực.

- Dầu: Công ty mua từ các đơn vị cung cấp.

##### \* Cân bằng sử dụng nước:

- Hiện tại, theo hóa đơn nước 03 tháng gần nhất (Tháng 4/2024 – tháng 06/2024) thì lượng nước sử dụng khoảng  $328\text{m}^3$ /tháng tương đương khoảng  $12,6\text{m}^3$ /ngày đêm phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt với số lượng cán bộ công nhân viên của nhà máy hiện tại khoảng 300 người nên định mức sử dụng nước là 42 lít/người/ngày.

- Khi hoạt động ổn định lượng công nhân khoảng 400 công nhân (bao gồm cả công nhân của đơn vị thuê nhà xưởng), định mức sử dụng nước là 42 lít/người/ngày thì lượng nước sử dụng khoảng  $16,8\text{m}^3$ /ngày đêm tương đương  $436,8\text{m}^3$ /tháng.

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

## 5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

### 5.1. Vị trí dự án

Dự án Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu của Công ty giấy Bình Dương (TNHH) tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương được thực hiện trên tổng diện tích 19.200 m<sup>2</sup>.

**Bảng 3. Cơ cấu sử dụng đất của dự án**

STT	Cơ cấu sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích xây dựng	10.433,2	54,34
2	Diện tích cây xanh	3.840	20
3	Diện tích sân đường giao thông nội bộ	4.926,8	25,66
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>19.200,0</b>	<b>100</b>

### 5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình của Dự án được bố trí như sau:

**Bảng 4. Danh mục các công trình xây dựng**

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Số tầng
<b>I</b>	<b>Các công trình chính</b>			
1	Nhà xưởng sản xuất	m <sup>2</sup>	3.528	01 tầng
2	Kho nguyên liệu	m <sup>2</sup>	5.608,8	01 tầng
<b>II</b>	<b>Công trình phụ trợ</b>			
1	Nhà văn phòng	m <sup>2</sup>	403,4	02 tầng
2	Nhà ăn ca	m <sup>2</sup>	384	01 tầng
3	Phòng cơ khí	m <sup>2</sup>	96	01 tầng
4	Phòng cân	m <sup>2</sup>	40	01 tầng
5	Nhà bảo vệ	m <sup>2</sup>	30	01 tầng
6	Bàn cân điện tử	m <sup>2</sup>	63	-
7	Lán xe	m <sup>2</sup>	530	-
8	Trạm biến áp	m <sup>2</sup>	20	-
9	Bể chứa nước ngầm PCCC		55	-
<b>IV</b>	<b>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b>			
1	Bể xử lý nước thải	m <sup>2</sup>	30	-
2	Nhà vệ sinh (02 nhà)	m <sup>2</sup>	84	-
3	Bãi phế liệu	m <sup>2</sup>	168	-
4	Kho chứa chất thải rắn nguy hại	m <sup>2</sup>	150	-
<b>V</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>			

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

*Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu*  
*Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

1	Diện tích sân đường nội bộ	m <sup>2</sup>	4.926,8	-
2	Diện tích cây xanh	m <sup>2</sup>	3.840	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>19.200</b>	

*Nguồn: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

**\* Các công trình chính:**

- **Nhà xưởng sản xuất:** Diện tích 3.528m<sup>2</sup> được xây dựng 1 tầng. Kết cấu nhà khung bê tông cốt thép chịu lực. Móng bê tông cốt thép toàn khối sử dụng cọc chống, hệ giằng đài móng kết hợp với kết cấu chịu lực cho tường bao. Cột bê tông kích thước 400x600mm, dầm sàn toàn khối dày trung bình 350mm. Vách bao che xung quanh và vách ngăn phòng sử dụng tôn + xốp + tôn để cách âm, cách nhiệt với chiều dày là 50mm. Mái nhà lợp tôn cách nhiệt.

- **Nhà xưởng, kho cho thuê:** Diện tích 5.608,8m<sup>2</sup>, được xây dựng 01 tầng. Kết cấu nhà kho là nhà khung thép zamin, mái lợp tôn chống nóng, tường xây gạch cao 1,5m phía trên bưng tôn. Khu vực được sử dụng để cho thuê.

**\* Các công trình phụ trợ:**

- **Nhà văn phòng:** Diện tích 403,4m<sup>2</sup> được xây dựng 02 tầng. Nhà có kết cấu tường xây gạch, móng và mái đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường được trát vữa và sơn hoàn thiện.

- **Nhà ăn ca:** Diện tích 384m<sup>2</sup> được xây dựng 01 tầng. Nhà có kết cấu tường xây gạch, móng và mái đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường được trát vữa và sơn hoàn thiện.

- Các công trình phụ trợ như: Phòng cơ khí, phòng cân đều có kết cấu đơn giản

**\* Các công trình bảo vệ môi trường:**

- **Kho chứa rác thải nguy hại:** diện tích 150m<sup>2</sup>; nhà xây tôn, nền bê tông xi măng, mái lợp tôn, có bố trí cửa ra vào và biển báo nguy hại theo quy định.

- **Khu vực bãi phế liệu:** chứa rác thải thông thường và phế liệu diện tích: 180m<sup>2</sup>. Các khu vực chứa rác kết cấu là nhà khung thép zamin, mái lợp tôn chống nóng, có biển báo hiệu.

- **Nhà vệ sinh:** gồm có 2 nhà vệ sinh cho công nhân tổng diện tích 84m<sup>2</sup>.

- **Bể xử lý nước thải:** Được xây dựng ngầm trên tổng diện tích 30m<sup>2</sup> tại cuối khu đất của nhà máy.

**\* Hạ tầng kỹ thuật:**

- Hệ thống giao thông: Kết cấu cát lu nền chặt K=0,95, đá cộn lu lèn dày 20cm, trên đổ bê tông #250. Dọc đường nội bộ có các cột điện chiếu sáng.

**- Hệ thống cấp điện:**

Nguồn điện để phục vụ quá trình sản xuất, chiếu sáng của Nhà máy được lấy từ

---

*Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương*  
*Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương*

lưới cáp điện khu vực. Nguồn điện trước khi đưa vào sản xuất được đi qua tủ điện tổng sau đó phân nhánh cáp cho từng bộ phận sản xuất và chiếu sáng. Hệ thống dây dẫn điện dùng dây vỏ bọc ACV 35 và có các aptomat để bảo vệ các thiết bị điện. Đối với điện chiếu sáng ngoài trời dùng đèn pha chiếu sáng rộng, thiết bị chiếu sáng trong nhà dùng đèn huỳnh quang. Để đảm bảo ổn định nhu cầu về điện phục vụ sản xuất, Công ty đã có 01 trạm biến áp công suất 400kVA.

- **Hệ thống cấp nước:** Nước cấp cho nhà máy chủ yếu phục vụ vào mục đích sinh hoạt, PCCC, vệ sinh sân đường, tưới cây. Nước được lấy từ đường ống cấp nước sạch của địa phương. Nước sạch qua đồng hồ đo, chảy vào bể chứa nước của nhà máy và được bơm lên các bồn chứa nước inox cấp cho các khu vực sử dụng.

- **Hệ thống phòng cháy chữa cháy:** Ngoài trạm cấp nước và mạng lưới cấp nước chữa cháy bên ngoài đã có, các nhà xưởng cũng lắp đặt hệ thống chữa cháy vách tường, chữa cháy tự động và trang bị các bình bột chữa cháy theo đúng tiêu chuẩn hiện hành. Bể nước PCCC được xây ngầm, 01 bể có diện tích 55m<sup>2</sup> (bể sâu 3m). Hệ thống PCCC bao gồm:

- + Hệ thống báo cháy tự động.
- + Hệ thống chữa cháy vách tường.
- + Hệ thống cấp nước chữa cháy bên ngoài.
- + Các bình chữa cháy xách tay gồm: bình chữa cháy loại MFZ4, MT3, MFZT35.

- **Hệ thống chống sét:**

- + Cột thu lôi lắp đặt tại vị trí cao nhất của công trình (đỉnh nóc nhà xưởng).
- + Trị số điện trở tiếp địa tại các trạm điện chính nhỏ hơn 0,5Ω.
- + Trị số điện trở tiếp địa tại các phân xưởng nhỏ hơn 4 Ω.
- + Trị số điện trở tiếp địa tại các khu vực khác nhỏ hơn 10 Ω.
- + Thực hiện nối đất cho tất cả các thiết bị điện.
- + Lắp đặt hệ thống lưới chống sét cho các công trình không phải là kim loại có độ cao > 15m gồm các cột thu lôi bố trí quanh mái.
- + Điện trở tiếp đất xung kích của hệ thống chống sét ≤ 10 Ω khi điện trở suất của đất < 50.000 Ω/cm<sup>2</sup> và ≥ 10 Ω khi điện trở suất của đất > 50.000 Ω/cm<sup>2</sup>.

- **Hệ thống thông gió:** Nhà xưởng được thông gió tự nhiên với hệ thống các cửa sổ thông thoáng xung quanh nhà xưởng kết hợp với các cửa chính và quạt thông gió bố trí trên tường. Ngoài ra, lắp đặt điều hòa dân dụng tại các phòng ban.

- **Hệ thống thoát nước mưa:**

- + Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trên mái: nước mưa theo ống dẫn PVC D90 từ trên mái chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở dưới xung quanh nhà máy.
- + Hệ thống thoát nước mưa bề mặt: Bố trí hệ thống đường ống thu gom nước

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

mưa xung quanh nhà máy BTCT đặt sâu từ 0,7m-1,2m trên đây tấm đan; độ dốc 2-3%, trong đó: Ống cống bê tông  $\Phi 300$  dài 250m, ống BTCT  $\Phi 400$  dài 470m. Bố trí tổng số 46 hố ga kích thước 1mx1mx1m xem kỹ dọc tuyến cống. Nước mưa được thu gom theo hệ thống cống và chảy về kênh tiếp nhận phía Đông Nam giáp cống phụ Công ty tại 1 điểm xả.

Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ ):  
X(m): 2317.006; Y(m): 660.183.

#### - Hệ thống thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ qua bể phốt sau đó thu gom theo đường ống PVC  $\Phi 110$  tổng chiều dài 260m và đi qua 8 hố ga có kích thước 1mx1mx1m để lắng cặn để và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

Toàn bộ nước thải sau xử lý theo ống cống BTCT  $\Phi 400$ , chiều dài 70m chảy vào kênh tiếp nhận phía Đông Nam của nhà máy tại 1 điểm xả. Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ ): X(m): 2317148; Y(m): 660266.

Hiện tại, hệ thống thu gom, thoát nước của nhà máy đang hoạt động tốt, không có hiện tượng ngập úng xảy ra.

### 5.3. Máy móc thiết bị dự án

Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của dự án như sau:

**Bảng 5. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất**

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng hoạt động
1	Máy may trụ 2 kim	Cái	17	Đài Loan	2003	HD tốt
2	Máy may trụ 1 kim	Cái	21	Đài Loan	2003	HD tốt
3	Máy may trụ 2 kim kiểu chân vịt	Cái	31	Đài Loan	2003	HD tốt
4	Máy may viên	Cái	2	Đài Loan	2003	HD tốt
5	Máy may bàn 2 kim kiểu chân vịt	Cái	9	Đài Loan	2003	HD tốt
6	Máy đánh chỉ	Cái	1	Đài Loan	2003	HD tốt
7	Máy gò mũi	Cái	2	Đài Loan	2003	HD tốt
8	Máy tán khuy ô zê	Cái	2	Đài Loan	2003	HD tốt
9	Máy gò gót	Cái	1	Đài Loan	2003	HD tốt

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương



Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

10	Máy may bàn 2 kim	Cái	2	Đài Loan	2003	HB tốt
11	Máy may bàn 1 kim T&Y	Cái	17	Trung Quốc	2010	HB tốt
12	Máy may bàn 2 kim T&Y	Cái	16	Trung Quốc	2010	HB tốt
13	Máy may trụ 1 kim T&Y	Cái	12	Trung Quốc	2010	HB tốt
14	Máy may Zic Zag T&Y	Cái	8	Trung Quốc	2010	HB tốt
15	Máy dẩy da	Cái	2	Trung Quốc	2010	HB tốt
16	Máy ép đế T&Y	Cái	1	Trung Quốc	2010	HB tốt
17	Máy ép thủy lực	Cái	1	Đài Loan	2004	HB tốt
18	Máy nén khí	Cái	2	Việt Nam	2003	HB tốt
19	Máy ép kiểu đứng	Cái	1	Việt Nam	2003	HB tốt
20	Máy ép nhiệt 2 vị trí	Cái	1	Việt Nam	2003	HB tốt
21	Máy định hình lạnh	Cái	1	Việt Nam	2003	HB tốt
22	Máy ép toàn phần	Cái	1	Việt Nam	2003	HB tốt
23	Máy gò gót giày tự động	Cái	1	Việt Nam	2003	HB tốt
24	Máy đốt teo chỉ	Cái	10	Việt Nam	2003	HB tốt
25	Máy may bàn 1 kim	Cái	10	Đài Loan	2003	HB tốt
26	Máy may Ziczac	Cái	19	Đài Loan	2003	HB tốt
27	Máy may trụ 1 kim	Cái	2	Đài Loan	2003	HB tốt
28	Máy KT đình	Cái	1	Đài Loan	2003	HB tốt
29	Máy quét keo	Cái	3	Đài Loan	2003	HB tốt
30	Máy may trụ lola 1 kim	Cái	4	Đài Loan	2003	HB tốt

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

31	Máy may đế giữa	Cái	1	Đài Loan	2003	HĐ tốt
32	Máy dầy da	Cái	4	Việt Nam	2003	HĐ tốt
33	Máy kẻ vẽ	Cái	1	Việt Nam	2003	HĐ tốt
34	Máy thử độ bám dính	Cái	1	Đài Loan	2003	HĐ tốt
35	Máy chặt nguyên liệu	Cái	5	Đài Loan	2009	HĐ tốt
36	Máy gò gót giày, dép	Cái	1	Đài Loan	2009	HĐ tốt
37	Máy chặt nguyên liệu giày dép	Cái	1	Đài Loan	2009	HĐ tốt
38	Máy dò kim	Cái	1	Đài Loan	2009	HĐ tốt
39	Hệ thống chuyên gò giày thể thao đồng bộ	HT	1	Trung Quốc	2009	HĐ tốt
40	Máy ép đế giày	Cái	1	Trung Quốc	2009	HĐ tốt
41	Máy ép lót giày	Cái	1	Trung Quốc	2009	HĐ tốt
42	Máy may ziczac	Cái	10	Trung Quốc	2017	HĐ tốt
43	Máy làm nóng định hình giày	Cái	1	Trung Quốc	2017	HĐ tốt
44	Máy làm lạnh, làm đông cứng keo	Cái	1	Trung Quốc	2017	HĐ tốt
45	Máy làm khô keo chống vàng đế giày	Cái	1	Trung Quốc	2017	HĐ tốt
46	Máy hút ẩm không khí	Cái	2	Trung Quốc	2017	HĐ tốt
47	Máy may trụ 1 kim	Cái	47	Trung Quốc	2017	HĐ tốt
48	Máy may trụ 2 kim	Cái	24	Trung Quốc	2017	HĐ tốt
49	Máy may viền 1 kim	Cái	4	Trung Quốc	2017	HĐ tốt

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

50	Máy chặt nguyên vật liệu	Cái	4	Trung Quốc	2017	HD tốt
51	Máy ép đế giày	Cái	2	Đài Loan	2018	HD tốt
52	Máy gò mũi giày	Cái	3	Đài Loan	2018	HD tốt
53	Máy gò hậu giày	Cái	2	Đài Loan	2018	HD tốt
54	Máy gò hậu giày	Cái	1	Đài Loan	2019	HD tốt
55	Máy ép đế giày	Cái	1	Đài Loan	2019	HD tốt
<b>II</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>					
1	Máy tính	Cái	4	Trung Quốc	2017	HD tốt
2	Máy copy	Cái	1	Đài Loan	2013	HD tốt

Nguồn: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

#### 5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

##### 5.4.1. Tiến độ thực hiện dự án

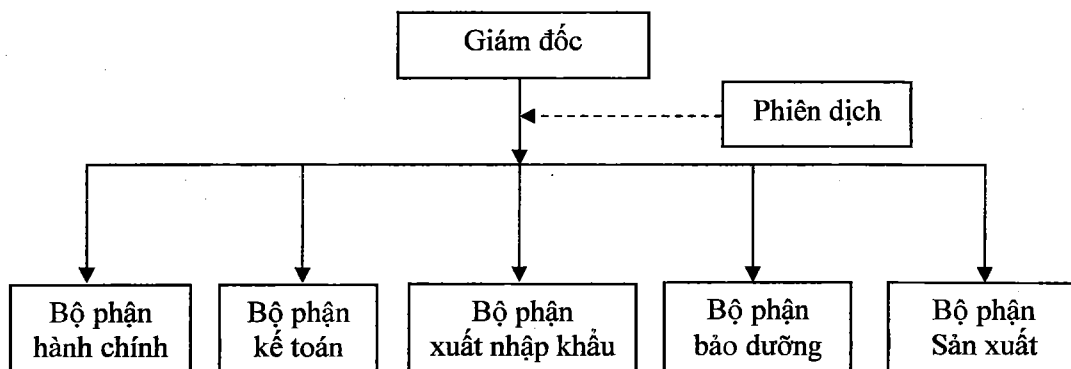
- Thời gian hoàn thiện thủ tục môi trường: Tháng 7/2024 đến tháng 9/2024

##### 5.4.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của dự án: 20.985.000.000 VND (Hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu đồng)

##### 5.4.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

###### a. Sơ đồ tổ chức của Nhà máy



Hình 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý sản xuất của Nhà máy

###### b. Nhu cầu về lao động

- Số lượng cán bộ công nhân viên nhà máy hiện tại: 300 người. Khi hoạt động ổn định tổng lượng công nhân là 400 người (bao gồm cả công nhân của đơn vị thuê nhà xưởng).

###### c. Chế độ làm việc

- Số ngày làm việc trong năm: 312 ngày/năm

*Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu*  
*Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

---

- Số ca làm việc trong ngày: 1 ca/ngày
- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ và quyền lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

## **CHƯƠNG II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch**

Hiện tại quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch về phân vùng môi trường của tỉnh Hải Dương chưa được ban hành.

Vị trí dự án nằm tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, dự án của Công ty giấy Bình Dương (TNHH) phù hợp với các quy hoạch, cụ thể như sau:

- Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2015, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Thành đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2024 - 2030.

- Dự án nằm giáp đường quốc lộ 5A nên việc vận chuyển diễn ra rất thuận lợi. Dự án không nằm trong khu vực có công trình văn hóa, tôn giáo và di tích lịch sử.

#### **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Khi dự án hoạt động phát sinh chất thải ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí

- Đối với nước thải: Nước thải thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT thoát ra kênh tiếp nhận phía Đông Nam của nhà máy. Đây là kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục thuộc lưu vực tiêu trạm bơm Kim Lương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đối với khí thải: Hoạt động sản xuất của dự án phát sinh lượng khí thải nhỏ không chứa các thành phần nguy hại ảnh hưởng đến môi trường và con người.

- Đối với chất thải rắn: Chất thải rắn từ dự án đều được thu gom và xử lý theo quy định. Đối với từng loại chất thải, Công ty có phương án thu gom, xử lý phù hợp.

**\* Đánh giá hiện trạng nguồn tiếp nhận nước thải**

Nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty là kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục thuộc lưu vực tiêu trạm bơm Kim Lương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Kênh tiếp nhận nước thải của dự án là kênh thoát nước chung của khu vực. Kênh rộng 5m; sâu 1,5m và hiện trạng mương chưa có hiện tượng ngập úng.

- Nước thải sau xử lý của Công ty đạt mức B của QCVN14:2008/BTNMT với  $K=1,2$  và mức B của QCVN40:2011/BTNMT với  $K_q=0,9$ ;  $K_f = 1,2$  tự chảy vào kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục thuộc lưu vực tiêu trạm bơm Kim Lương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Việc đánh giá khả năng tiếp nhận của nguồn nước được tính toán, đánh giá với khả năng tiếp nhận của mương. Các bước đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 76/2017/TT-BTNMT.

Phương pháp đánh giá sử dụng là phương pháp đánh giá gián tiếp được quy định tại Điều 9 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 và Khoản 2, Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

**\* Dữ liệu đầu vào để tính toán**

- Thông số đánh giá:

Theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và Điều 82, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT thì các thông số sử dụng đánh giá là COD, BOD<sub>5</sub>, Amoni, tổng Nitơ và Tổng phốt pho.

- Dữ liệu đầu vào nguồn xả thải:

+ Lưu lượng nước thải lớn nhất: 20 m<sup>3</sup>/ngđ, tương đương 0,00023 m<sup>3</sup>/s.

+ Chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B với  $K = 1,2$  và Quy chuẩn 40:2011/BTNMT, cột B với  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,2$ . Nồng độ các thông số sử dụng để tính toán được lấy từ kết quả quan trắc định kỳ nước thải tháng 12/2023, cụ thể như sau:

**Bảng 6. Nồng độ các thông số tính toán trong nước thải**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nước thải sau xử lý	QCVN 40:2011/BTNMT Mức B
1	TSS	mg/l	92	108
2	COD	mg/l	116	162

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	43	54
4	Tổng P	mg/l	5,45	6,48
5	Tổng Nito	mg/l	37,7	43,2

- Dữ liệu đầu vào nguồn tiếp nhận:

+ Lưu lượng dòng chảy: Nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty là kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục thuộc lưu vực tiêu trạm bơm Kim Lương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Kênh tiếp nhận nước thải của dự án là kênh thoát nước chung của khu vực do xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện Kim Thành quản lý. Kênh rộng 5m; sâu 1,5m và hiện trạng mương chưa có hiện tượng ngập úng.

+ Chất lượng nguồn nước: Đánh giá chất lượng nguồn nước theo mức B, QCVN 08:2023/BTNMT. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận được xác định bằng kết quả quan trắc nguồn nước mặt tại mương do phòng thử nghiệm đã được cấp chứng nhận hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCESTS 210 của Công ty cổ phần Công nghệ và Phân tích chất lượng cao Hải Dương, địa chỉ số 47, Đại lộ Lê Duẩn, Khu đô thị Ecorivers, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương thực hiện quan trắc vào ngày 24/7/2024, kết quả quan trắc như sau:

**Bảng 7. Nồng độ các thông số tính toán trong nước mặt**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nguồn nước tiếp nhận (C <sub>nn</sub> )	QCVN 08:2023/BTNMT (cột B)
1	TSS	mg/l	38	100
2	COD	mg/l	12	15
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	6	6
4	Tổng Nitơ	mg/l	0,3	1,5
5	Tổng photpho	mg/l	0,006	0,3
6	Amoni	mg/l	0,08	0,3

+ Hệ số F<sub>s</sub>: Hệ số an toàn:

Hệ số an toàn, lấy F<sub>s</sub> = 0,4 (theo Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT thì F<sub>s</sub> = 0,3 - 0,7. Trong trường hợp này, lấy F<sub>s</sub> = 0,4, là giá trị tiệm cận với mức thấp nhất theo quy định, nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao cho nguồn nước tiếp nhận nước thải sau xử lý.

\* Kết quả tính toán

- Tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm:

Tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn thải có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm được tính theo công thức sau:  $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$

Trong đó:

C<sub>qc</sub>: Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn mương, đơn vị tính là mg/l; Lấy Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)  
 theo giá trị cột B của QCVN 08:2023/BTNMT.

$Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của mương (đoạn tiếp nhận nước từ hạ lưu kênh Lương Xá,  $Q_s = 0,16 \text{ m}^3/\text{s}$ ).

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l,  $\text{m}^3/\text{s}$  thành đơn vị tính là kg/ngày).

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của các chất ô nhiễm trên sông Kinh Môn (ngay tại cửa xả nước thải từ kênh dẫn) như sau:

**Bảng 8. Tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm**

TT	Chỉ tiêu	Giá trị tính toán		
		$C_{qc}$ (mg/l)	$Q_s$ ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	$L_{td}$ (kg/ngày)
1	TSS	100	0,16	1.382
2	COD	15	0,16	207,36
3	BOD <sub>5</sub>	6	0,16	82,94
4	Tổng Nitơ	1,5	0,16	20,73
5	Tổng photpho	0,3	0,16	4,14

- Tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước: Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn tiếp nhận đối với từng chất ô nhiễm được tính toán theo công thức sau:  $L_{nn} = Q_s \times C_{nn} \times 86,4$

Trong đó:

$C_{nn}$ : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l.

$Q_s$ : lưu lượng dòng chảy của đoạn mương đánh giá, đơn vị tính là  $\text{m}^3/\text{s}$ .

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm sẵn có như sau:

**Bảng 9. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên sông Kinh Môn (ngay tại điểm tiếp nhận nước từ kênh dẫn hạ lưu Cổ Phục)**

TT	Chỉ tiêu	Ngay tại điểm tiếp nhận nước từ kênh dẫn hạ lưu Lương Xá Bắc		
		$Q_s$ ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	$C_{nn}$ (mg/l)	$L_{nn}$ (kg/ngày)
1	TSS	0,16	38	511,48
2	COD	0,16	12	165,88
3	BOD <sub>5</sub>	0,16	6	69,12
4	Tổng Nitơ	0,16	0,3	4,147
5	Tổng photpho	0,16	0,006	0,0829

- Tính toán tải lượng của chất ô nhiễm đưa vào nguồn tiếp nhận:

Tải lượng của một chất ô nhiễm cụ thể từ nguồn xả thải đưa vào nguồn nước tiếp nhận được tính theo công thức:  $L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương

Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương



Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

Trong đó:

$C_t$ : Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn mương, mg/l.

$Q_t$ : lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào kênh,  $m^3/s$ .

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm từ nguồn xả thải như sau:

**Bảng 10. Tải lượng ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn tiếp nhận**

TT	Chỉ tiêu	$Q_t$ ( $m^3/s$ )	$C_t$ (mg/l)	$L_t$ (kg/ngày)
1	TSS	0,00023	92	0,55642
2	COD	0,00023	116	2,1263
3	BOD <sub>5</sub>	0,00023	43	0,8545
4	Tổng Nitơ	0,00023	37,7	0,71937
5	Tổng photpho	0,00023	5,45	0,10333

- Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải:

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với từng chất ô nhiễm được đánh giá theo phương pháp gián tiếp dựa vào công thức sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_t) \times F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

$L_{tn}$ : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày.

$L_{td}$ ,  $F_s$ : Được xác định theo quy định tại Điểm b, Điểm d Khoản 1 Điều 9, Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT.

$L_{mn}$ : Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn mương và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT, đơn vị tính là kg/ngày.

$L_t$ : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải và được xác định theo quy định tại Điều 12 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT, đơn vị tính là kg/ngày.

$NP_{td}$ : Tải lượng cực đại của thông số mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn mương tưới tiêu, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị  $NP_{td}$  phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này. Trong tính toán chọn  $NP_{td} = 0$ .

$F_s$ : Hệ số an toàn;  $K=0,4$

Kết quả đánh giá như sau:

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

**Bảng 11. Khả năng tiếp nhận nguồn nước thải**

TT	Thông số	$L_{td}$ kg/ngày	$L_{nn}$ kg/ngày	$L_t$ kg/ngày	$L_{tn}$ kg/ngày
1	TSS	1.382	511,48	0,55642	869,96
2	COD	207,36	165,88	2,1263	20,217
3	BOD <sub>5</sub>	82,94	69,12	0,8545	12,96
4	Tổng Nitơ	20,73	4,147	0,71937	15,863
5	Tổng photpho	4,14	0,0829	0,10333	3,953

**Nhận xét:**

- Qua bảng trên cho thấy, nguồn nước sông Kinh Môn tại điểm xả thải đều có khả năng tiếp nhận đối với cả 6 thông số, áp dụng với QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với  $K = 1,2$  và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,2$

### **CHƯƠNG III**

## **ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật**

#### **1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường**

Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án bao gồm: đất, nước, không khí, hệ sinh thái khu vực. Tuy nhiên các loại chất thải này đều được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Vì vậy các tác động của dự án đến môi trường đều được khống chế.

- Dự án có vị trí tại thôn Lương Xá, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, thuộc đất cụm công nghiệp do vậy không ảnh hưởng đến cơ cấu đất nông nghiệp của khu vực. Toàn bộ nước thải, nước mưa của dự án được đầu nối vào mương tiêu chung của khu vực. Đây là mương tiêu nước của khu vực. Toàn bộ lượng nước thải trước khi đầu nối vào mương đều được xử lý đạt quy chuẩn nên hầu như không tác động đến môi trường, hệ sinh thái của khu vực.

#### **1.2. Đối tượng nhạy cảm về môi trường, hiện trạng tài nguyên sinh học**

- Đối tượng nhạy cảm: Dự án nằm giáp quốc lộ 5A nên việc vận chuyển ít nhiều sẽ cộng hưởng với hoạt động đi lại của khu vực. Dự án nằm xa khu dân cư, không nằm trong khu vực có công trình văn hóa, tôn giáo và di tích lịch sử.

- Hiện trạng tài nguyên sinh học: Khu vực dự án hoạt động từ năm 2003 do đó tài nguyên sinh học không đa dạng, chỉ có cây cỏ bụi và các loài như ếch, nhái, chuột.

### **2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án**

#### **2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

Môi trường tiếp nhận nước thải của toàn bộ dự án là mương thoát nước chung của khu vực (kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục). Mương có độ rộng B = 5m, dài 250m. Mương do Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện Kim Thành quản lý. Hiện trạng 2 bên bờ mương có nhiều bụi cỏ, kênh đất và chưa được kè.

#### **2.2. Hoạt động khai thác sử dụng nước**

Tại mương tiếp nhận nước thải của dự án không có hoạt động khai thác sử dụng nước vào mục đích khác. Xung quanh điểm xả thải của dự án có các điểm tiếp nhận nước thải của dân cư xung quanh khu vực.

### **3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí**

Dự án hoạt động đã ổn định và không có sự thay đổi trong toàn bộ quá trình sản xuất. Để đánh giá hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, chúng tôi sử dụng kết quả quan trắc định kỳ tháng 12/2023.

### 3.1. Đối với môi trường không khí

- Kết quả hiện trạng môi trường cụ thể như sau:

**Bảng 12. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí  
 trong các khu vực sản xuất**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 03:2019/BYT
			SX01	SX02	SX03	SX04	SX04	
1	Nhiệt độ	°C	18,9	18,4	18,8	18,2	18,1	18 – 32 <sup>(1)</sup>
2	Độ ẩm	%	58,2	57,6	56,8	56	57,4	40 – 80 <sup>(1)</sup>
3	Tốc độ gió	m/s	0,31	0,28	0,36	0,26	0,23	0,2 – 1,5 <sup>(1)</sup>
4	Tiếng ồn LAeq	dB(A)	71,3	72,6	71,9	71,6	73,7	85 <sup>(1)</sup>
5	Tiếng ồn LAmax	dB(A)	75,8	76,5	74,6	82,8	77,2	115 <sup>(1)</sup>
6	Bụi tổng	mg/m <sup>3</sup>	0,54	0,37	0,44	0,30	0,42	8 <sup>(1)</sup>
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	<7	<7	<7	<7	<7	20
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	5
9	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	5
10	Hơi dung môi	mg/m <sup>3</sup>	-	-	KPH	KPH	-	-

**Ghi chú:**

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA).
- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu.
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp.
- (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA).
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- (-): Không quy định/không thực hiện.
- SX01: Khu vực chặt
- SX02: Khu vực đầu chuyên
- SX03: Khu vực bôi keo dán đế
- SX04: Khu vực hoàn thiện
- SX05: Khu vực may

**Nhận xét:**

Kết quả quan trắc tại các khu vực sản xuất cho thấy: Nồng độ các khí CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> và bụi tổng tại các vị trí lấy mẫu có giá trị đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT; QCVN03:2019/BYT.

**Bảng 13. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực cổng**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN05:2023/ BTNMT (trung bình 1 giờ)
1	Nhiệt độ	°C	17,8	-
2	Độ ẩm	%	58	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,36	-
4	Tiếng ồn Laeq	dBA	69,8	-
5	Tiếng ồn LAmax	dBA	74,2	-
6	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (75)	350
7	CO	µg/m <sup>3</sup>	<7.000	30.000
8	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (36)	200
9	Bụi TSP	µg/m <sup>3</sup>	200	300

**Ghi chú:**

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- XQ01: Khu vực đường giao thông (cổng vào)

**Nhận xét:**

Kết quả quan trắc tại cổng công ty cho thấy: Nồng độ bụi, khí thải phát sinh đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

**3.2. Đối với môi trường nước**

Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sau hệ thống xử lý được thể hiện trong bảng dưới đây:

**Bảng 14. Kết quả phân tích chất lượng thải sau hệ thống xử lý**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT mức B với Kq = 0,9; Kf=1,2	QCVN 14:2008/BTNMT Mức B với K = 1,2
1	pH	-	8,0	5,5 - 9	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	92	108	120
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	116	162	-

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT mức B với Kq = 0,9; Kf=1,2	QCVN 14:2008/BTNMT Mức B với K = 1,2
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	43	54	60
5	Tổng Nitơ (N)	mg/L	37,7	43,2	-
6	Tổng Phospho (P)	mg/L	5,45	6,48	-
7	Mangan	mg/L	0,031	1,08	-
8	Chì	mg/L	0,022	0,54	-
9	Cadimi	mg/L	KPH	0,108	-
10	Asen	mg/L	<0,003	0,108	-
11	Thủy ngân	mg/L	<0,0009	0,0108	-
12	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	<1	-	24
13	Coliform	MPN/ 100mL	3.900	5.000	5.000

**Ghi chú:**

- QCVN40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng cột B với Kq=0,9; Kf = 1,2.

- QCVN14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, áp dụng cột B với K = 1,2.

**Nhận xét:**

Qua kết quả phân tích cho thấy các thông số cần phân tích trong mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép.

**\* Đánh giá chung**

- Theo kết quả quan trắc cho thấy trong các khu vực sản xuất trong thời điểm hoạt động bình thường các chỉ tiêu tiếng ồn, bụi đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép. Hoạt động sản xuất không làm ảnh hưởng nhiều đến khu vực.

- Đối với chất lượng nguồn nước tiếp nhận (tiếp nhận nước từ kênh dẫn hạ lưu cống Cỏ Phục) cho thấy chất lượng nước sông Kinh Môn còn tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

**\* Môi trường quan của vị trí dự án với các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội**

Vị trí dự án không nằm trong khu vực có các di sản văn hóa, đình chùa, cách xa khu vực trường học. Khu vực có điều kiện văn hóa, kinh tế xã hội phát triển do đó rất thuận lợi cho việc tiếp tục phát triển dự án. Khu vực có nguồn nhân lực dồi dào thuận lợi cho việc tuyển lao động.

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

## CHƯƠNG IV

### ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

#### 1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành ổn định

##### 1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

###### 1.1.1 Về hệ thống thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trên mái: nước mưa theo ống dẫn PVC D90 từ trên mái chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở dưới xung quanh nhà máy.

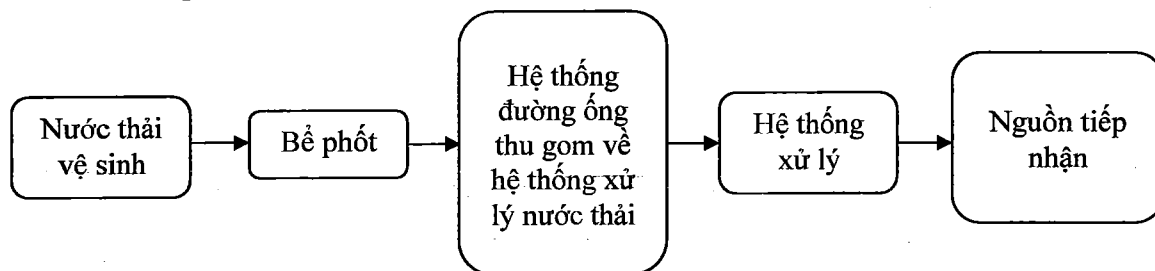
- Hệ thống thoát nước mưa bề mặt: Bố trí hệ thống đường ống thu gom nước mưa xung quanh nhà máy BTCT đặt sâu từ 0,7m-1,2m trên đây tấm đan; độ dốc 2-3%, trong đó: Ống cống bê tông  $\Phi 300$  dài 250m, ống BTCT  $\Phi 400$  dài 470m. Bố trí tổng số 46 hố ga kích thước 1mx1mx1m xem kế dọc tuyến cống. Nước mưa được thu gom theo hệ thống cống và chảy về kênh tiếp nhận phía Đông Nam giáp cống phụ Công ty tại 1 điểm xả.

Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ ):  
X(m): 2317006; Y(m): 660183.

Hệ thống này không thay đổi khi dự án đi vào hoạt động ổn định.

###### 1.1.2. Về hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Sơ đồ thu gom nước thải của Công ty như sau:



Hình 3. Sơ đồ phân lập và thu gom nước thải của cơ sở

Nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ qua bể phốt sau đó thu gom theo đường ống PVC  $\Phi 110$  tổng chiều dài 260m và đi qua 8 hố ga có kích thước 1mx1mx1m để lắng cặn để và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

Toàn bộ nước thải sau xử lý theo ống cống BTCT  $\Phi 400$ , chiều dài 70m chảy vào kênh tiếp nhận phía Đông Nam của nhà máy tại 1 điểm xả. Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ ): X(m): 2317148; Y(m): 660266.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thực hiện tương tự báo cáo bản đăng

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được phê duyệt. Công trình không thay đổi khi dự án đi vào hoạt động ổn định.

### 1.1.3 Về công trình xử lý nước thải

- Hiện tại, dự án chưa có hoạt động cho thuê nhà xưởng, mới chỉ có hoạt động sản xuất giấy thể thao xuất khẩu. Hoạt động sản xuất của Công ty chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt. Hiện tại Công ty có 300 công nhân, lượng nước phát sinh theo hóa đơn nước 3 tháng gần nhất là 12,6m<sup>3</sup>/ngày. Toàn bộ lượng nước này đều được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể phốt sau đó được dẫn về hệ thống xử lý chung có công suất 20m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Khi hoạt động ổn định, lượng công nhân của toàn dự án dự kiến là 400 người (bao gồm cả công nhân của đơn vị thuê nhà xưởng), lượng nước thải dự kiến là 16,8m<sup>3</sup>/ng.đ. Như vậy với lượng nước thải này, hệ thống xử lý chung vẫn đáp ứng để xử lý mà không cần cải tạo thêm.

#### a. Công trình xử lý nước thải sơ bộ

- Công ty có 4 bể phốt đặt ngầm dưới nhà vệ sinh với tổng thể tích 43m<sup>3</sup>.
- Thông số kỹ thuật của các bể phốt như sau:

**Bảng 15. Thông số kỹ thuật của bể phốt**

TT	Vị trí	Kích thước	Số lượng
1	Bể phốt dưới nhà điều hành	2,5m x 2,0m x 1,0m = 5m <sup>3</sup> /cái	02 cái
2	Bể phốt khu nhà vệ sinh công nhân	5m x 2,0m x 3,0m = 30m <sup>3</sup> /bể	02 cái
3	Bể phốt nhà vệ sinh kho	1,5m x 2,0m x 1,0m = 3m <sup>3</sup>	01 cái
Kết cấu các bể		Bể tự hoại, bể tách mỡ được xây bằng gạch chỉ đặc vữa xi măng mác 75# vữa trát bể dùng vữa xi măng mác 50# thành trong đáy, tấm đan, giằng dầm đỡ BTCT	

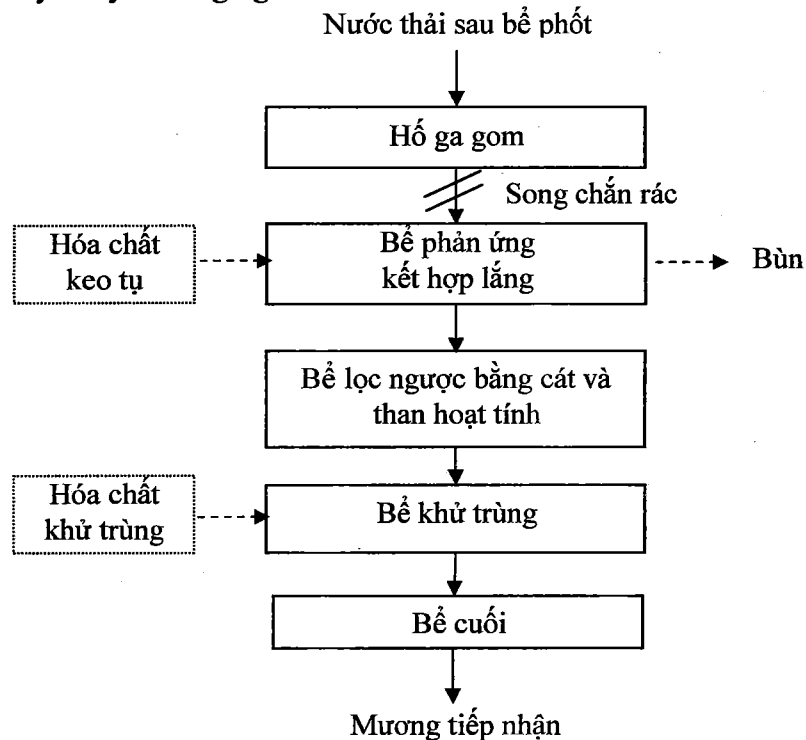
- Quá trình xử lý nước thải trong bể phốt: Nước thải đưa vào ngăn thứ 1 của bể có chức năng lắng – lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Các ngăn cuối là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.



## b. Công trình xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải chung: công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Sơ đồ dây chuyền công nghệ như sau:



**Hình 4. Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt**

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom vào hồ ga sau đó theo đường ống vào ngăn phản ứng tạo bông kết hợp lắng. Bông bùn lắng xuống đáy bể nước trong được dẫn sang hệ thống gồm 3 bể lọc ngược bằng than hoạt tính và cát để lọc các thành phần lơ lửng. Sau khi lọc, nước được đưa sang bể khử trùng, sang bể cuối để thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

Hệ thống bể được chia làm 6 ngăn, nước chảy theo đường zig zắc để nâng cao hiệu quả lọc, lắng cặn. Tổng thể tích bể là 60m<sup>3</sup>. Kích thước bể là 2mx15mx 2m. Các ngăn có thể tích cụ thể như sau:

- Ngăn phản ứng kết hợp lắng: 10m<sup>3</sup> (2mx2mx 2,5m)
- 3 ngăn lọc ngược: 40m<sup>3</sup> (2mx2mx 10m)
- Ngăn khử trùng: 2,5m<sup>3</sup> (0,5mx2mx2,5m)
- Ngăn cuối: 7,5m<sup>3</sup> (1,5mx2,mx2,5m).

Hóa chất khử trùng là clorua. Nước sau khi qua khử trùng được chảy sang ngăn xả thải và được bơm ra ngoài. Nước thải sau khi được xử lý sẽ đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra mương tiếp nhận.

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

**\* Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý**

**Bảng 16. Các công trình, thiết bị chính của hệ thống xử lý**

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Thể tích/ số lượng
<b>I</b>	<b>Các hạng mục công trình</b>		
1	Hố gom nước thải	Hố được xây gạch, trát xi măng chống thấm, phía trên đặt tấm đan	3 m <sup>3</sup>
2	Hệ thống bể 6 ngăn	Bể xây gạch, trát xi măng chống thấm, phía trên đặt tấm đan	60m <sup>3</sup> (2mx2mx15m)
	Ngăn phản ứng kết hợp lắng	Có kích thước: 2,0mx2,0mx2,5m	10m <sup>3</sup>
	3 ngăn lọc ngược	Có kích thước: 2,0mx2,0mx10m	40m <sup>3</sup>
	Ngăn khử trùng	Có kích thước: 0,5mx2,0mx1,5m	2,5m <sup>3</sup>
	Ngăn cuối	Có kích thước: 1,5mx2,0mx2,5m	7,5m <sup>3</sup>
<b>II</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Bồn chứa chất đông keo tụ	Thể tích 2m <sup>3</sup> , loại thùng nhựa có lắp đặt	01 thiết bị
2	Thiết bị khuấy trộn	-	02 thiết bị
3	Bơm nước thải	5,5KW- 60m <sup>3</sup> /h	06 thiết bị
4	Bồn chứa và thiết bị định lượng chất khử trùng	Thể tích 2m <sup>3</sup> , loại thùng nhựa có lắp đặt	01 thiết bị
5	Lớp vật liệu lọc cát và than hoạt tính	Dày 20cm, được bọc trong lưới nilon	-
6	Sàn đỡ vật liệu lọc	Tám bê tông có thiết kế đục lỗ Φ30 sử dụng để đỡ lớp vật liệu lọc. Diện tích 40m <sup>2</sup> chia làm 3 tấm	-
7	Hệ thống đường ống dẫn	Đường ống nhựa PVC Φ60	-

**\* Hoá chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải**

Hệ thống lọc ngược sử dụng chất đông keo tụ và chất khử trùng. Khối lượng cụ thể như sau:

**Bảng 17. Danh mục hóa chất sử dụng**

TT	Loại hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Khối lượng	Xuất xứ
1	Hóa chất keo tụ PAC	Dạng bột, màu vàng	720kg/năm	Trung Quốc

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

2	Hóa chất khử trùng	Chất ô xi hóa mạnh	600kg/năm	Việt Nam
---	--------------------	--------------------	-----------	----------

## 1.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 1.2.1 Đối với hoạt động thuê nhà xưởng

Đối với hoạt động thuê nhà xưởng, kho sẽ được thể hiện trong các hồ sơ môi trường cụ thể của từng đơn vị vào thuê.

### 1.2.2. Đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Bụi, khí thải phát sinh của dự án chủ yếu từ hoạt động gồm:

- Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm.
- Bụi từ hoạt động cắt, may mũ giày.
- Bụi từ hoạt động mài đế.
- Bụi, hơi dung môi từ quá trình quét keo, gia nhiệt và hoàn thiện giày.

Dự án thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và con người từ hoạt động sản xuất của dự án như sau:

#### a. Đối với bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm

Trong quá trình hoạt động của Nhà máy, việc vận chuyển, phân phối nguyên liệu và sản phẩm được thực hiện bởi các phương tiện vận tải. Các phương tiện này chủ yếu sử dụng nhiên liệu dầu DO nên sẽ thải ra môi trường không khí một lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm như  $\text{NO}_2$ ,  $\text{C}_x\text{H}_y$ , CO,  $\text{CO}_2$ , ...

Chủ dự án đưa ra các biện pháp thực hiện để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, cụ thể như sau:

- Nhà xe được bố trí gần cổng ra vào nhằm giảm bụi, khí thải phát tán bên trong khuôn viên nhà máy.
- Yêu cầu CBCNV đi xe máy tắt xe, dẫn bộ khi vào nhà để xe.
- Vệ sinh đường nội bộ sạch sẽ, giảm bụi bốc lên từ mặt đường.

#### b. Đối với bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

##### b1. Bụi, khí thải từ công đoạn cắt, may mũ giày

Hoạt động cắt, may mũ giày phát sinh bụi, tiếng ồn trực tiếp ra bên ngoài, tuy nhiên lượng bụi này phát sinh không nhiều và chủ yếu là bụi thô không phát tán xa ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và môi trường.

Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp thông gió tự nhiên kết hợp thông gió cưỡng bức bằng quạt thông gió để đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân, cụ thể như sau:

Vị trí lắp đặt	Số lượng quạt	Thông số kỹ thuật
Nhà xưởng sản xuất	30	Công suất 1000W, kích thước
Kho nguyên liệu	04	1000x1000x400, lưu lượng gió 9000m <sup>3</sup> /h,

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

Kho thành phẩm	04	đường kính cánh: 850mm, xuất xứ: Việt Nam.
Khu vực may	25	Công suất 750W, kích thước 900x900x400,
Khu vực dán keo, hoàn thiện	40	lưu lượng gió 6000m <sup>3</sup> /h, đường kính cánh: 850mm, xuất xứ: Việt Nam.

**\* Đánh giá hiệu quả**

Để đánh giá hiệu quả biện pháp của nhà máy đang áp dụng, dựa vào kết quả quan trắc khí thải năm định kỳ trong khu vực làm việc của nhà máy 2023 cho thấy: Vi khí hậu, tiếng ồn, khí thải (NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO) trong nhà xưởng sản xuất tại các thời điểm quan trắc đều có giá trị đạt QCCP. Do vậy biện pháp áp dụng của nhà máy đang đạt hiệu quả tốt.

**b2. Bụi, khí thải từ công đoạn quét keo, gia nhiệt và hoàn thiện**

Các công đoạn quét keo, gia nhiệt, hoàn thiện (gò, ép,...) dẫn đến phát sinh một lượng hơi dung môi, khí thải từ dung môi trong keo. Hơi dung môi nếu không được xử lý triệt để ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân.

- Theo hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, dự án thực hiện thu gom khí thải từ các hoạt động dán keo, hoàn thiện để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tuy nhiên, thực tế dự án chỉ hoạt động sản xuất đối với loại hình sản xuất giấy thể thao, do vậy lượng keo sử dụng ít và sử dụng keo thân thiện với môi trường hơn.

Mặt khác, nhà máy đầu tư hệ thống máy móc hiện đại, kiểm soát tốt được nhiệt độ và kỹ thuật sản xuất nên giảm thiểu tối đa lượng hơi dung môi phát sinh và máy móc đều được thiết kế kín.

Do vậy lượng hơi dung môi phát sinh từ hoạt động này thực tế không đáng kể, nhà máy không tiến hành lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải mà thực hiện các biện pháp thông gió đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

- Đối với hoạt động mài đế giày: Đối với một số sản phẩm đế giày bị lỗi như sản sùi mà cắt gọt không hết được đưa qua khu vực máy mài. Hoạt động này không thực hiện liên tục mà chỉ khi có sản phẩm lỗi. Tại máy mài được bố trí miệng thu hút trực tiếp để thu gom toàn bộ lượng bụi và đưa về kho xử lý như chất thải rắn thông thường.

**\* Đánh giá hiệu quả**

Để đánh giá hiệu quả biện pháp của nhà máy đang áp dụng, dựa vào kết quả quan trắc khí thải năm định kỳ trong khu vực dán keo và hoàn thiện của nhà máy 2023 cho thấy: Vi khí hậu, tiếng ồn, khí thải (NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO) trong nhà xưởng sản xuất tại các thời điểm quan trắc đều có giá trị đạt QCCP và nồng độ hơi dung môi phát sinh rất nhỏ. Do vậy biện pháp áp dụng của nhà máy đang đạt hiệu quả tốt.

**\* Các thiết bị, hệ thống quan trắc tự động**

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo

*Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương*

*Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương*

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thẻ thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Do đó cơ sở không phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động.

### 1.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

#### 1.3.1. Đối với hoạt động của các đơn vị vào thuê nhà xưởng

Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn của các đơn vị vào thuê nhà xưởng sẽ được trình bày cụ thể trong các hồ sơ môi trường cụ thể.

#### 1.3.2 Đối với hoạt động sản xuất của Công ty

##### a. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Theo biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải thông thường cần xử lý thời điểm hiện tại, khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh như sau:

**Bảng 18. Loại và khối lượng chất thải công nghiệp thông thường của nhà máy**

TT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)	
			Hiện tại	Ổn định
1	Bavia, đế giày hỏng, bụi	03 02 12	4.720	7.866
2	Vải vụn, chỉ thừa	12 09 09		
3	Bao bì carton hỏng, rách	18 01 05		
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	10.000	16.000
<b>Tổng</b>			<b>14.720</b>	<b>23.866</b>

Để giảm thiểu tác động của chất thải rắn sản xuất, hiện tại Công ty đã tiến hành các biện pháp tương ứng với từng loại rác thải sau:

- Tiến hành phân loại từng loại chất thải phát sinh;
- Đối với các loại bavia, vải vụn, bao bì hỏng được tập hợp về chứa tại nền nhà phế liệu;
- Công ty bố trí nhà phế liệu có diện tích 180m<sup>2</sup>, giáp khu vực kho chứa chất thải nguy hại. Khu vực có kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền xi măng chống thấm.
- Kí hợp đồng với Cơ sở thu gom vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp Công Thương (Địa chỉ: Xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) để thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

Các công trình và biện pháp trên sẽ tiếp tục được áp dụng khi dự án đi vào hoạt động ổn định.

##### b. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt phát sinh bao gồm thức ăn, thực phẩm thừa, chai lọ, bao gói, giấy lau.

- Khối lượng phát sinh hiện tại với lượng công nhân 300 người khoảng 90kg/ngày.
- Khi hoạt động ổn định lượng công nhân khoảng 400 người thì khối lượng CTR

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

*Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu*  
*Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

SH khoảng 120 kg/ngày.

Để giảm thiểu tác động của loại rác thải này, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tại nhà ăn, Công ty tiến hành phân loại tại nguồn, cụ thể như sau: Trang bị 3 thùng loại 120 lít/thùng (loại có nắp đậy, bánh xe) để lưu giữ chất thải.

Sau mỗi ca làm việc, công nhân phụ trách phải có trách nhiệm thu gom và tập chung vào 04 thùng rác loại 500 lít/thùng, có bánh xe, nắp đậy đặt tại giáp kho keo.

- Kí hợp đồng số 01062024/HĐKT ngày 01/6/2024 với Cơ sở thu gom vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp công thương (xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) về việc vận chuyển và xử lý rác thải thông thường.

Khi hoạt động ổn định, Công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp trên.

### **c. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại**

Dựa vào biên lai thu chất thải hàng năm, khối lượng và loại chất thải nguy hại phát sinh cụ thể như sau:

**Bảng 19. Loại và khối lượng chất thải nguy hại của nhà máy**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	
			Hiện tại	100% công suất
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2	4
2	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (thùng phi, hộp keo)	18 01 02	1.405	2.810
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	18 01 03	11,5	23
4	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	138,5	277
<b>Tổng</b>			<b>1.557</b>	<b>3.114</b>

Hiện tại, Công ty đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh

- Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 150m<sup>2</sup>, bố trí cửa ra vào, dán biển báo trên cửa ra vào, bên trong bố trí biển báo từng loại chất thải. Trong kho được chia thành 03 ngăn lửng để chứa và phân loại chất thải, dán biển báo và mã chất thải tương ứng tại từng ngăn.

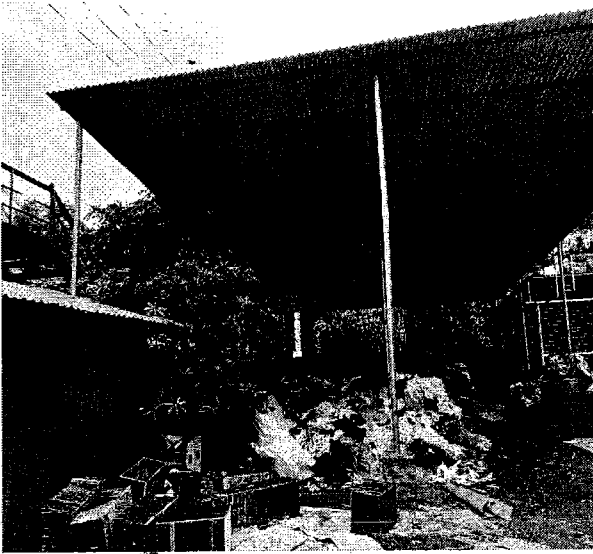
- Công ty kí hợp đồng số 454/2024/HĐKT/AS-GBD ngày 01/6/2024 với Công ty CP Công nghệ môi trường An Sinh (địa chỉ: thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với tần suất 6 tháng/lần hoặc ngay sau khi có yêu cầu của Công ty.

*Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương*  
*Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương*

*Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

Khi hoạt động ổn định, Công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp trên.

**Hình ảnh thùng rác, xe rác của Công ty:**



Khu vực chứa phế liệu



Khu tập kết rác thải sinh hoạt



Kho chứa CTNH

#### **1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đối với phương tiện giao thông: Thời gian vận chuyển giữa các chuyến xe lớn nên ta có thể coi các xe vận chuyển như là một nguồn điểm phát ra tiếng ồn. Theo tính toán thì mức ồn trung bình của xe tải tại khoảng cách 2m là 88 dBA, còn tại khoảng cách 50m mức ồn giảm xuống còn 54 dBA, nhỏ hơn quy chuẩn cho phép - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Mặt khác, mật độ xe ra vào dự án không lớn. Như vậy ảnh hưởng của tiếng ồn phát ra từ các xe vận chuyển hàng hóa tới môi trường là không đáng kể.

- Đối với hoạt động sản xuất: Tiếng ồn, rung động phát sinh từ các chuyền sản xuất đặc biệt là khu vực chắt, may. Do vậy nếu không có biện pháp xử lý, giảm thiểu sẽ ảnh hưởng đến môi trường đặc biệt là ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân làm việc

*Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương*

*Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu*  
*Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

tại khu vực. Công nhân tiếp xúc thường xuyên với nguồn ồn làm sẽ ức chế thần kinh trung ương, gây trạng thái mệt mỏi khó chịu và làm giảm năng suất lao động, dễ dẫn đến tai nạn lao động.

Để giảm thiểu tác động do tiếng ồn trong sản xuất, Công ty thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

- Lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại có độ ồn nhỏ.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn: Tiếng ồn phát sinh trong nhà xưởng sản xuất theo các kết quả quan trắc định kỳ 2023 của nhà máy đều có giá trị đạt quy chuẩn QCVN24:2016/TT – BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

### **1.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải**

Trong quá trình sản xuất có thể xảy ra các sự cố cháy nổ, chập điện. Các khu vực dễ xảy ra sự cố cháy nổ như trạm biến áp, tủ phân phối điện, tại các chuyền sản xuất. Các nguyên nhân dẫn đến cháy nổ trong nhà máy có thể do các nguyên nhân: cháy do dùng điện quá tải; cháy do chập mạch; cháy do mối nối dây không tốt (lỏng, hở); cháy do phóng điện sét; cháy do máy móc, thiết bị vận hành sai quy trình dẫn tới chập điện hoặc trong quá trình máy móc hoạt động tỏa nhiệt; do sơ ý bất cẩn của công nhân như để các chất dễ cháy gần các nguồn nhiệt dễ cháy. Khi xảy ra cháy nổ ảnh hưởng rất lớn đến con người, môi trường và các đơn vị sản xuất xung quanh dự án; gây thiệt hại về tài sản cho doanh nghiệp. Gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do khi cháy sẽ tạo ra một lượng lớn bụi và khí độc hại: SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, H<sub>2</sub>S, CO, HC. Mức độ ảnh hưởng của sự cố này có thể lan rộng ra xung quanh.

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố khi vận hành hệ thống xử lý nước thải, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra các đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các bơm, hệ thống

*Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương*  
*Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương*



điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống.

- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý thường xuyên để sớm phát hiện các sự cố.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Trang bị các thiết bị dự phòng: 01 Bơm nước thải công suất 5,5KW để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, tùy theo từng loại sự cố Công ty thực hiện các biện pháp ứng phó như sau:

+ Đối với lỗi sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống: Nhà máy bố trí các hệ thống đường ống ở những vị trí dễ thay thế, định kỳ kiểm tra bảo dưỡng.

+ Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí,...): Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đều được trang bị các thiết bị dự phòng.

+ Đối với lỗi sự cố do quá trình vận hành: Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và công nhân vận hành phải rà soát lại toàn bộ các thông số vận hành để điều chỉnh theo đúng thiết kế; Nếu sự cố vượt quá khả năng của Nhà máy, nhà máy mời chuyên gia về xử lý nước thải về kiểm tra điều chỉnh.

+ Đối với sự cố nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả thải: Nước thải sẽ được lưu giữ tại hệ thống bể xử lý, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

## **b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

### **\* Biện pháp phòng ngừa**

Công tác phòng chống cháy nổ là một trong những ưu tiên hàng đầu trong hoạt động sản xuất của Công ty nhằm ngăn ngừa thiệt hại kinh tế và ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường. Vì vậy, ngay khi tiến hành thiết kế Công ty đã tiến hành thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy, chữa cháy. Cụ thể như sau:

- Thiết kế và xây dựng nhà xưởng theo cấp chịu lửa, bố trí cửa thoát nạn và thang thoát nạn. Tại các phòng lắp đặt các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu tĩnh điện tích tụ theo quy phạm chống sét cho các công trình xây dựng.

- Hệ thống báo cháy và hệ thống chữa cháy được đầu tư đồng bộ, thiết kế theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành. Hệ thống báo cháy tự động với những thiết bị hiện đại đảm bảo độ tin cậy, chính xác, phát hiện cháy nhanh chóng kịp thời để chữa cháy có hiệu quả được thẩm định theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong khuôn viên các khu vực, Công ty bố trí bảng nội quy PCCC, cấm lửa

và lắp đặt hệ thống họng nước cứu hỏa, hệ thống bơm, lấy nước từ hồ chứa nước chữa cháy.

- Hệ thống chữa cháy ban đầu: Trong trường hợp đám cháy mới phát sinh với diện tích nhỏ có thể sử dụng các bình chữa cháy xách tay để chữa. Bình chữa cháy cầm tay trang bị cho công trình là loại bình bột MFZ4, CO<sub>2</sub>, MT3.

**\* Biện pháp ứng phó**

Khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên phải thông báo đến phụ trách nhà máy:

- Ngắt ngay cầu dao điện.
- Báo động bằng bất cứ hình thức nào.
- Huy động mọi người sử dụng các phương tiện chữa cháy hiện có như bình chữa cháy cầm tay, vòi nước cứu hỏa,...
- Thông báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy 114.
- Gọi cấp cứu y tế 115.

**c. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông**

Khi dự án đi vào hoạt động làm tăng mật độ hoạt động giao thông trong khu vực, nên trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu cũng như hàng hóa có thể gây cản trở giao thông, đặc biệt tại điểm đầu nối với quốc lộ 5A. Khi xảy ra sự cố mất an toàn giao thông sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý của người lao động đồng thời gây thiệt hại về tài sản, uy tín của Doanh nghiệp.

Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông Công ty thực hiện bao gồm:

- Phân luồng giao thông phù hợp, có kế hoạch điều động xe vận tải một cách khoa học nhằm tránh hiện tượng kẹt xe nhất là vào giờ cao điểm.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe nhằm phòng tránh tai nạn giao thông, rò rỉ nhiên liệu và cháy nổ thùng xe.
- Nghiêm cấm vận tải vượt quá tải trọng của xe quy định.
- Nghiêm cấm lái xe hút thuốc, uống rượu khi lái xe và vận tải xăng dầu.
- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục lái xe tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông.
- Công ty thực hiện chia ca, bố trí thời gian tan ca khác nhau đối với từng phân xưởng, tránh tan ca cũng một lúc gây tắc đường trong giờ cao điểm.

**d. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động**

Các nguyên nhân gây mất an toàn lao động bao gồm: Không trang bị hoặc có nhưng công nhân không sử dụng các bảo hộ lao động; Các dụng cụ bảo hộ lao động quá cũ hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn; Việc vận hành thiết bị, máy móc không đúng quy trình; Công nhân không được đào tạo bài bản việc vận hành máy móc thiết bị;

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

Công nhân không được tập huấn các biện pháp an toàn và sơ cứu tạm thời khi xảy ra tai nạn lao động; Công nhân không chấp hành đúng các nội quy của công ty; Chế độ bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị diễn ra không đúng định kỳ; điều kiện sức khỏe lao động không đảm bảo. Khi sự cố mất an toàn lao động xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của công nhân lao động và tài sản của Công ty, đồng thời làm mất uy tín của Công ty.

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố mất an toàn lao động, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Lập chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động: găng tay, giày, ủng, quần áo, khẩu trang đầy đủ cho công nhân.
- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động.
- Tại nhà xưởng sản xuất, lập bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị.
- Nghiêm cấm những người không phận sự thì không được vào khu vực sản xuất.
- Xây dựng kế hoạch, phối hợp với y tế địa phương để kịp thời cấp cứu trong trường hợp có tai nạn xảy ra.
- Có phương án phòng ngừa, ứng phó cụ thể khi có dịch bệnh xảy ra.
- Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp.

## 2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

### 2.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

**Bảng 20. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

TT	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án	
1	Nước thải	- Hệ thống đường ống thu gom nước mưa, nước thải
		- Hệ thống bể phốt nhà vệ sinh
		- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống thu gom nước thải, nước mưa và bể phốt
		- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 20m <sup>3</sup> /ng.đ
2	Khí thải	- Thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng
		- Lắp đặt hệ thống điều hòa, hệ thống quạt thông gió
3	Chất thải rắn, CTNH	- Bố trí các khu vực chứa rác
		- Trang bị các thùng chứa rác phù hợp
		- Ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng
4	Các hạng mục	- Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố và các công trình khác	- Hệ thống phòng chống cháy nổ
	- Biện pháp an toàn giao thông
	- Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

**2.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục**

- Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải, nước thải tự động liên tục.

- Các công trình đã hoàn thiện từ năm 2003 và hiện đang hoạt động ổn định.

**2.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

**Bảng 21. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

TT	Các biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch tổ chức thực hiện
1	Hệ thống thu gom riêng-biệt nước mưa, nước thải; các bể tự hoại	Trong quá trình hoạt động của dự án
2	Vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải	Trong quá trình hoạt động của dự án
3	Bố trí các kho chứa rác thải, đầu tư các hệ thống thùng chứa	
4	Lắp đặt và vận hành hệ thống PCCC	
5	Lắp đặt các thiết bị chống sét	
6	Thực hiện các biện pháp an toàn lao động	
7	Thực hiện các biện pháp an toàn giao thông	
8	Thực hiện các biện pháp an toàn PCCC và chống sét	Trong quá trình hoạt động của dự án
9	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự cố của hệ thống xử lý nước thải	

**2.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT**

**Bảng 22. Kinh phí đầu tư các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

TT	Nội Dung	Đơn vị	Kinh phí
1	Vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải	VNĐ	50.000.000
2	Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường	VNĐ	30.000.000
3	Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông	VNĐ	15.000.000
4	Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại	VNĐ	15.000.000
5	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự cố nước thải	VNĐ	15.000.000
6	Tập huấn về phòng ngừa sự cố PCCC	VNĐ	30.000.000

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### **2.5. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường**

Công tác quản lý, vận hành công trình bảo vệ môi trường của Công ty giấy Bình Dương (TNHH) được lồng ghép và thực hiện liên tục trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Công ty thành lập các tổ phụ trách riêng cho từng bộ phận, thực hiện theo phân công công việc được giao bao gồm:

- Đối với các công trình trong nhà xưởng như hệ thống PCCC, điện, hệ thống điều hòa không khí: Nhà máy thành lập tổ cơ điện gồm 02 kỹ sư có chuyên môn thực hiện vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định. Bố trí lên kế hoạch cụ thể và có sổ ghi chép công việc thực hiện hàng ngày.

- Đối với công tác quản lý môi trường: Công ty bố trí cán bộ phụ trách môi trường, lao động gồm 01 người có chuyên môn thực hiện các công việc bao gồm: Quản lý chất thải phát sinh, an toàn lao động.

- Đối với thu gom chất thải: Công nhân sau mỗi ca thực hiện thu gom rác thải từ khu vực phát sinh vận chuyển về kho chứa và phân loại theo quy định; vệ sinh nhà xưởng.

### **3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy, chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo**

Tất cả các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo trên đều được tham chiếu từ các tư liệu chính thống đã và đang được áp dụng tại Việt Nam. Các sách giáo khoa, giáo trình đang được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và tham khảo tại các trường Đại học như ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Xây dựng, ĐH Kiến trúc... Các tài liệu, dữ liệu thống kê về tình hình KT - XH khu vực dự án được các nhà khoa học, cơ quan chính quyền theo dõi, tính toán, đo đạc rất cụ thể nên kết quả cũng đáng tin cậy.

- Về nội dung của báo cáo đề xuất giấy phép môi trường: Thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn tại Phụ lục XI của Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Báo cáo được nêu chi tiết và đánh giá đầy đủ về các tác động môi trường, các rủi ro về sự cố môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án.

## CHƯƠNG V

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn nước thải phát sinh: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải chung đạt mức B của QCVN14:2008/BTNMT giá trị C<sub>max</sub> với K=1,2.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN14:2008/BTNMT giá trị C <sub>max</sub> với K=1,2)
1	pH	-	5-9
2	TSS	mg/l	120
3	TDS	mg/l	1.200
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất HDBM	mg/l	12
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả thải:

+ Vị trí xả thải: Tại kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục do Xí nghiệp khai thác các công trình thủy lợi Kim Thành quản lý (phía Đông Nam của Công ty). Tọa độ điểm xả (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°): X(m): 2317148; Y(m): 660266.

- + Phương thức xả thải: xả thải liên tục 24/24h.

+ Nguồn tiếp nhận: Kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục do Xí nghiệp khai thác các công trình thủy lợi Kim Thành quản lý (phía Đông Nam của Công ty).

#### 2. Nội dung đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tọa độ vị trí đại diện (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°): X(m) 2317105; Y(m): 660127.
- Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu  
 Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/ BTNMT  
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

### 3. Nội dung yêu cầu về quản lý đối với chất thải

- Nguồn và khối lượng:

+ Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Bavia, đế giày hồng, bụi	03 02 12	7.866
2	Vải vụn, chỉ thừa	12 09 09	
3	Bao bì carton hồng, rách	18 01 05	
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	16.000
<b>Tổng</b>			<b>23.866</b>

+ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	4
2	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (thùng phi, hộp keo)	18 01 02	2.810
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	18 01 03	23
4	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	277
<b>Tổng</b>			<b>3.114</b>

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 37,44 tấn/năm.

### 4. Đề xuất thời hạn của Giấy phép môi trường

- Căn cứ điểm d, khoản 4, điều 40 Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- Căn cứ mục 6: Thời gian hoạt động của dự án 25 năm, kể từ ngày 10/9/2003.

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương  
 Địa chỉ: số 47, Lê Duẩn, KĐT Ecoriver, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

*Dự án: Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu*  
*Chủ đầu tư: Công ty giấy Bình Dương (TNHH)*

---

Công ty giấy Bình Dương (TNHH) xin đề nghị tới Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành thời hạn Giấy phép môi trường của dự án Công ty giấy Bình Dương (TNHH) từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực đến hết ngày 10/9/2028.



## **CHƯƠNG VI**

### **KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

#### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

Thời điểm hiện tại, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Công ty đang hoạt động ổn định. Vì vậy, theo Điểm e, Khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Công ty không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

#### **2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**

##### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

- Căn cứ vào Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải (Lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất là 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

##### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

- Không có.

#### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

- Kinh phí dự kiến cho hoạt động giám sát môi trường: Không.

- Báo cáo giám sát môi trường định kỳ được gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Thành.

## **CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường**

- Công ty đảm bảo về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

### **2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan**

Công ty cam kết về việc thực hiện xử lý chất thải nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và cam kết thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, cụ thể như sau:

- Công ty cam kết thu hồi và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh và xử lý đạt mức B của QCVN14:2008/BTNMT với  $K = 1,2$  trước khi thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

- Công ty cam kết duy trì các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh có giá trị nằm trong giới hạn của QCVN26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

- Thu gom rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp thông thường và xử lý theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022.

- Thu gom, lưu giữ, bảo quản và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022.

- Báo cáo giám sát môi trường định kỳ được gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Thành.

- Bảo dưỡng, duy trì hệ thống PCCC theo đúng các quy định về PCCC.

- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng khu vực Công ty.

- Trong trường hợp để xảy ra các sự cố ảnh hưởng tới các cơ sở xung quanh, Công ty phải tiến hành khắc phục sự cố đồng thời đền bù thiệt hại do mình đã gây ra.

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Văn bản chấp thuận thực hiện dự án của UBND tỉnh Hải Dương.
- Giấy tờ về đất đai.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường: HTXL nước thải sinh hoạt.
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao HTXL nước thải sinh hoạt.
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở.
- Các giấy tờ khác liên quan của cơ sở: Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Hợp đồng thuê thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; Hóa đơn sử dụng điện nước và Bản vẽ mặt bằng tổng thể.



**CÔNG TY  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
BÌNH DƯƠNG  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0800280268**

*Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 05 năm 2003*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 12 tháng 05 năm 2020*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: **BINH DUONG CO.,LTD**

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Km77+500, quốc lộ 5, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Điện thoại: **0220.3721735**

Fax: **0220.3721737**

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ 18.550.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Mười tám tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	Số 50 ngõ 244, phố Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	8.652.000.000	46,640	031166001020	
2	LÊ VĂN CƯỜNG	Số 24, phố An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	8.298.000.000	44,730	031063001289	
3	LÊ THUY DƯƠNG	Số 24 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	1.600.000.000	8,630	031196001040	



**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* **Họ và tên:** LÊ VĂN CƯỜNG

**Giới tính:** Nam

**Chức danh:** Tổng giám đốc

**Sinh ngày:** 10/02/1963

**Dân tộc:** Kinh

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:** Chứng minh nhân dân

**Số giấy chứng thực cá nhân:** 031063001289

**Ngày cấp:** 28/09/2015

**Nơi cấp:** Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

**Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số 24, phố An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Chỗ ở hiện tại:** Số 24, phố An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

*Shao*



**TRƯỞNG PHÒNG**

**TRƯỞNG PHÒNG**

*Vũ Huy Cường*



CÔNG TY BAN NHÂN DÂN  
Tỉnh Hải Dương  
Số 067 /CV-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 25 tháng 11 năm 2002

## VĂN BẢN CHẤP THUẬN CỦA UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

Về Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy xuất khẩu của Công ty TNHH Bình Dương-thành phố Hải Dương

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND (Sửa đổi) ngày 21-6-1994.
- Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8-7-1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5-5-2000 của Chính Phủ.
- Căn cứ Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai.

Sau khi xem xét Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy xuất khẩu của Công ty TNHH Bình Dương-thành phố Hải Dương và Trình đề nghị chấp thuận số: 1146/KH-ĐT ngày 15/10/2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Hải Dương có ý kiến như sau:

1- Chấp thuận Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy xuất khẩu của Công ty TNHH Bình Dương-thành phố Hải Dương với các nội dung cơ bản như sau:

1- **Tên dự án:** Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy xuất khẩu của Công ty TNHH Bình Dương-thành phố Hải Dương.

2- **Vị trí khu đất thuê:** Khu đất thuê nằm ở phía bắc Quốc lộ 5A thuộc thôn Cổ.Phục, xã Kim Lương, huyện Kim Thành.

Phía Đông giáp nương thủy lợi (160m).

Phía Tây giáp ruộng canh tác (160m).

Phía Nam giáp lưu không Quốc lộ 5A (120m).

Phía Bắc giáp ruộng canh tác (120m).

\* **Tổng diện tích đất xin thuê (tạm tính):** 21.600,0m<sup>2</sup>

Trong đó:

- Diện tích xin thuê xây dựng: 19.200,0m<sup>2</sup>

- Diện tích lưu không Quốc lộ 5A: 2.400,0m<sup>2</sup>

3- **Hình thức đầu tư:** Đầu tư trực tiếp xây dựng mới.

4- **Quy mô sản xuất kinh doanh và đầu tư:**

a- **Quy mô sản xuất kinh doanh:**

\* **Lĩnh vực hoạt động của dự án:** Sản xuất giấy và nguyên liệu giấy phục vụ xuất khẩu.



\* Công suất sản xuất:

- Giấy thẻ thao xuất khẩu: 1.500.000 đôi/năm.

- Đế giấy EVA: 5.625.000 đôi/năm

\* Doanh thu: 94.050,0 triệu đồng/năm.

\* Nộp ngân sách: 476,3,0 triệu đồng/năm.

\* Sử dụng lao động: Khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động, số lao động sử dụng từ 1200-1500 người.

(Chi tiết về quy mô sản xuất như trong dự án đầu tư)

b- Máy móc, thiết bị đầu tư: Trên khu đất xin thuê, Công ty sẽ tổ chức 2 dây chuyền sản xuất giấy và 2 dây chuyền sản xuất đế giấy. Toàn bộ máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ nhập khẩu từ Đài Loan và được chế tạo từ năm 2000 theo công nghệ tiên tiến. Ngoài ra, sẽ đầu tư các thiết bị phụ trợ, thiết bị văn phòng để phục vụ cho sản xuất và công tác quản lý điều hành (chi tiết về máy móc, thiết bị đầu tư như trong dự án đầu tư).

c- Quy mô đầu tư xây dựng:

- Nhà xưởng sản xuất+kho nguyên liệu, thành phẩm (1 tầng): Diện tích xây dựng 8000m<sup>2</sup>.

- Bãi trung chuyển phế liệu (250m<sup>2</sup>).

- Nhà điều hành sản xuất (1 tầng): Diện tích xây dựng 290m<sup>2</sup>.

- Nhà thiết kế mẫu (1 tầng): Diện tích xây dựng 220m<sup>2</sup>.

- Nhà làm việc của chuyên gia (2 tầng): Diện tích xây dựng 240m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng 480m<sup>2</sup>.

- Bếp+ nhà ăn ca của công nhân: Diện tích xây dựng 520m<sup>2</sup>.

- Nhà để xe của công nhân (390m<sup>2</sup>).

- Khu vệ sinh (90m<sup>2</sup>).

- Cổng, hàng rào.

- Sân đường nội bộ, hệ thống cây xanh (3000m<sup>2</sup>).

- Hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải.

- Hệ thống cấp điện, phòng chống cháy nổ.

Chi tiết về quy mô, kiến trúc, kết cấu và hoàn thiện các hạng mục xây dựng như trong dự án đầu tư và phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kiến trúc chung của khu vực.

Yêu cầu khi xây dựng tuyến đường vào phải đảm bảo tiêu thoát nước của khu vực.

5- Khái toán vốn đầu tư:

Tổng khái toán vốn đầu tư:

- Giá trị xây lắp:

20.985,0 triệu đồng

- Giá trị thiết bị:

9.315,0 ..

- Kiến thiết cơ bản khác:

9.120,0 ..

2.550,0 ..

7- Thời gian hoàn vốn: 5 năm.

8- Thời gian thuê đất: 25 năm.

9- **Nguồn vốn đầu tư:** Sử dụng nguồn vốn tự có, vốn tự huy động của Công ty và vay của các tổ chức tín dụng để đầu tư xây dựng.

10- **Thời gian xây dựng và hoàn thành:** Năm 2003-2004.

**II- Tổ chức thực hiện:**

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bình Dương-thành phố Hải Dương.
- Thiết kế, thi công: Thực hiện theo quy định về chế độ quản lý đầu tư XDCB hiện hành của Nhà nước.
- Sở Địa chính, Sở Xây dựng và UBND huyện Kim Thành căn cứ vào quy mô đầu tư xây dựng của dự án với các nội dung cơ bản đã nêu ở trên và quy hoạch tổng thể của khu vực để trình UBND tỉnh phê duyệt Công ty TNHH Bình Dương được thuê đất để thực hiện dự án theo đúng quy định về quản lý và sử dụng đất đai hiện hành của Nhà nước.
- Công ty TNHH Bình Dương tự quyết định đầu tư và chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về đăng ký kinh doanh, sử dụng đất đai, quản lý đầu tư và xây dựng, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và những vấn đề có liên quan khác khi triển khai thực hiện dự án, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kiến trúc chung trong khu vực.

Nếu sau một năm kể từ khi có Văn bản chấp thuận đầu tư, Công ty TNHH Bình Dương không triển khai thực hiện dự án hoặc dự án không hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo tiến độ nêu trên, UBND tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng với các sở: Xây dựng, Địa chính và các ngành có liên quan lập báo cáo trình UBND tỉnh thu hồi chấp thuận đầu tư và diện tích đất cho thuê. Khi đó Công ty TNHH Bình Dương phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

III- **Giao trách nhiệm cho Giám đốc các sở:** Kế hoạch và Đầu tư, Địa chính, Tài chính Vật giá, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ tịch UBND huyện Kim Thành và thủ trưởng các ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc Công ty TNHH Bình Dương-thành phố Hải Dương thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện dự án đầu tư được thuận lợi, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. / *Puu*



**Nơi nhận:**

- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND huyện Kim Thành;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Cty TNHH Bình Dương;
- Các chuyên viên liên quan;
- Lưu VP.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
K T CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Bùi Văn Xuyên*



*lau*

CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Thị Thúy Lan*

CHUNG NHẬN BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH SỞ QUYỀN SỞ TÀI NGUYÊN... NGÀY... 10/... 2.12005..





ỦY BAN NHÂN DÂN  
Tỉnh Hải Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 704 /CV-UB

Hải Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2003

### VĂN BẢN CHẤP THUẬN CỦA UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

*Về việc cho phép Công ty Giấy Bình Dương làm chủ đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy thay thế chủ đầu tư cũ là Công ty TNHH Bình Dương*

BẢN SAO

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã có Văn bản chấp thuận đầu tư số 967/CV-UB ngày 25/11/2002 về việc chấp thuận Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy của Công ty TNHH Bình Dương; Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 07/01/2003 về việc cho phép Công ty TNHH Bình Dương được thuê 19.200 m<sup>2</sup> đất xã Kim Lương, huyện Kim Thành để triển khai thực hiện dự án.

Sau khi xem xét:

- Tờ trình số 19/TT-BD ngày 02/6/2003 của Công ty TNHH Bình Dương về việc xin chuyển giao cho chủ đầu tư mới là Công ty Giấy Bình Dương để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy.

- Tờ trình số 1148/KH-ĐT ngày 16/7/2003 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị cho phép chấp thuận thay đổi chủ đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy từ chủ đầu tư cũ là Công ty TNHH Bình Dương sang chủ đầu tư mới là Công ty Giấy Bình Dương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho phép Công ty Giấy Bình Dương tiếp nhận mặt bằng và tài sản để làm chủ đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy trên khu đất có diện tích 19.200 m<sup>2</sup> tại xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thay cho chủ đầu tư cũ là Công ty TNHH Bình Dương.

Hai doanh nghiệp có trách nhiệm làm các thủ tục để chuyển giao mặt bằng và tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

2. Công ty Giấy Bình Dương có trách nhiệm thực hiện các nội dung khác của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy theo Văn bản chấp thuận đầu tư số 967/CV-UB ngày 25/11/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

3. Giao cho Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính Vật giá, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Kim Thành và thủ trưởng các ngành có liên quan hướng dẫn, đơn đốc Công ty TNHH Bình Dương và Công ty Giấy Bình Dương thực hiện việc chuyển giao mặt bằng và tài sản để triển khai dự án đầu tư được thuận lợi, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước./.

Văn bản này thay cho Văn bản số 685/CV-UB ngày 21/8/2003 về việc cho phép Công ty TNHH Giấy Bình Dương làm chủ đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy thay thế chủ đầu tư cũ là Công ty TNHH Bình Dương. *W*

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch &ĐT, Tài chính VG, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Kim Thành;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Cty TNHH Bình Dương;
- Cty Giấy Bình Dương;
- CV: Phúc, Hải, Huy;
- Lưu VP.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
K/T CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



UBND XÃ KIM LƯƠNG  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số Quyển: 01... Số TT: 26  
Ngày: 16 tháng 01 năm 2015.

Bùi Văn Xuyên



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
PHẠM VĂN THUẬN

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1588/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu (điều chỉnh lần thứ hai)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2001/BC-SKHĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Hồ sơ đề xuất điều chỉnh Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu của Công ty giấy Bình Dương (TNHH).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu (điều chỉnh lần thứ hai) như sau:

1. Nhà đầu tư và thông tin về Nhà đầu tư: CÔNG TY GIÀY BÌNH DƯƠNG (TNHH), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0800280268, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 12 tháng 5 năm 2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY THỂ THAO XUẤT KHẨU.**

3. Mục tiêu dự án: Sản xuất giày thể thao xuất khẩu và cho thuê nhà xưởng, kho đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4. Quy mô dự án:

4.1. Quy mô sản xuất:

a) Sản xuất giày thể thao xuất khẩu: 1.000.000 đôi/năm.

b) Cho thuê nhà xưởng, kho với diện tích cho thuê 5.608,8 m<sup>2</sup>.

4.2. Diện tích đất sử dụng: 19.200,0 m<sup>2</sup> (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 447619 do UBND tỉnh đã cấp cho Công ty giày Bình Dương (TNHH) ngày 20 tháng 5 năm 2016).

4.3. Quy mô xây dựng: Theo quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tổng vốn đầu tư dự án: 20.985.000.000 VND (Hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu đồng).

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 25 năm, kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2003.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Cụm công nghiệp Kim Lương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đã đầu tư xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động từ năm 2004.

## **Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên.

2. Tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, kinh doanh bất động sản, phòng, chống cháy nổ và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Thực hiện cho thuê tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng, kho) đã được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

**Điều 3. Thời hạn hiệu lực**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này thay thế Công văn số 967/CV-UB ngày 25 tháng 11 năm 2002 và Công văn số 704/CV-UB ngày 26 tháng 8 năm 2003 của UBND tỉnh.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kim Thành; Người đại diện theo pháp luật của Công ty giấy Bình Dương (TNHH) và Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *Mca*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND xã Kim Liên (huyện Kim Thành);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Mạnh (12b) *ca*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Quân**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 11-07-2024

Số chứng thực..... quyền số.....-SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Bùi Thị Giang*





Handwritten text in Arabic script, appearing to be a title or header, located in the center of the page. The text is faint and difficult to read.





Mẫu số 4

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 306 / HĐ - TĐ

Hải Dương, ngày 18 tháng 9 năm 2003

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6 năm 2001.

- Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính Phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2001 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính Phủ.

- Căn cứ Thông tư số 2074/TT-TCĐC ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn trình tự lập, xét duyệt hồ sơ xin giao đất, thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước.

- Căn cứ quyết định số 3637/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của UBND tỉnh Hải Dương V/v: Cho Công ty giấy Bình Dương thuê đất.

- Căn cứ quyết định số 3701/QĐ-UB ngày 12 tháng 9 năm 2003 của UBND tỉnh Hải Dương: V/v Phê duyệt phương án bồi thường, giải thuê đất khi thu hồi đất cho Công ty Giấy Bình Dương thuê.

**1. Bên cho thuê đất (Bên A):**

Đại diện Bên A- Sở Tài nguyên và Môi trường

Họ tên: NGUYỄN TÁ DƯỚC

Chức vụ: Giám đốc

Trụ sở: Xã Tứ Minh - Thành Phố Hải Dương- tỉnh Hải Dương.

Tài khoản: 311-01-00-00161 Kho bạc Nhà nước tỉnh Hải Dương

**2. Bên thuê đất (Bên B):**

Đại diện bên B- Công ty Giấy Bình Dương

Họ tên: LÊ VĂN CƯỜNG

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trụ sở: Xã Kim Lương- huyện Kim Thành- tỉnh Hải Dương

Tài khoản: 710 A 04296 Ngân hàng Công thương tỉnh Hải Dương



3. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau:  
**Điều 1:** Bên A cho bên B thuê khu đất sau:

1- Diện tích đất 19.200 m<sup>2</sup> (Mười chín nghìn hai trăm mét vuông)

Vị trí thuộc: Xã Kim Lương - Huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

Để sử dụng vào mục đích xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy.

2- Vị trí khu đất nói trên được xác định theo tờ bản đồ số 10 tỷ lệ 1/2000 do UBND xã Kim Lương, phòng Địa chính Kim Thành và sở Tài nguyên và Môi trường Hải Dương xác lập ngày 25/12/2002.

3- Thời hạn thuê đất: 25 (Hai mươi năm) năm. Kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2003 đến ngày 10 tháng 9 năm 2028.

4- Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 2.:** Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo đúng quy định.

1. Giá tiền thuê đất là: 978,54 đ/m<sup>2</sup>/năm hoặc 9.785.400 đ/năm

Mức nộp tiền thuê đất một năm là: 18.788.000 đồng/năm (Mười tám triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng).

2. Tiền thuê đất tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2003 và nộp tại kho bạc Nhà Nước tỉnh Hải Dương,

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm.

**Điều 3.**

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của hợp đồng này.

**Điều 4.**

1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được chuyển quyền sử dụng đất thuê nếu không đủ các điều kiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp Luật Đất Đai.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A đảm bảo quyền sử dụng đất của bên B, không chuyển giao quyền sử dụng đất trên cho các tổ chức và cá nhân khác khi chưa được bên B thoả thuận.

2. Trường hợp bên B bị chia tách, sát nhập hoặc chuyển đổi ngành nghề hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác mà tạo nên pháp nhân mới thì pháp nhân mới phải làm lại thủ tục thuê đất. Thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của Hợp đồng này, Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh để chuyển giao khu đất thuê cho pháp nhân mới.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì Bên B phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 15



tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

a- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

b- Do đề nghị của một bên hoặc các bên và được cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp nhận.

c- Bên B bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.

d- Bên B bị cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thu hồi đất do vi phạm các quy định của Pháp Luật về Đất Đai.

**Điều 5:**

Hai bên thoả thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc hợp đồng này theo quy định của Pháp Luật.

**Điều 6:**

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp Luật.

**Điều 7.**

Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của Pháp Luật.

Các cam kết khác (nếu có): (Không)

**Điều 8:**

Hợp đồng này được ký tại sở Tài nguyên và Môi trường ngày 09 tháng 09 năm 2003, được lập thành 6 (sáu) bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi một bản hợp đồng thuê đất đến cơ quan Tài chính, Thuế, Kho bạc nhà nước cấp Tỉnh, Ủy ban nhân dân và cơ quan cấp trên trực tiếp.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

**BÊN THUÊ ĐẤT**  
(Ký tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Cường*

K/CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
ĐÌNH CÔNG HẠY



48%

YÊN NÁT  
(ông chủ)

31/09/2003  
48%



BẢN SAO

TR  
PH  
G  
S  
S  
\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty giấy Bình Dương (TNHH)**  
GCNĐKDN số: 0800280268 do phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp  
Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21/10/2015  
Địa chỉ trụ sở chính: Km77+500, quốc lộ 5,  
xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

CD 447619

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 464      Tờ bản đồ số: 09  
b) Địa chỉ: Xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương  
c) Diện tích: 19.200,0 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Mười chín nghìn, hai trăm mét vuông)  
    Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng  
d) Mục đích sử dụng: Đất cụm công nghiệp  
đ) Thời hạn sử dụng: 25 năm (kể từ ngày 10/9/2003)  
e) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

### 2. Công trình xây dựng:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn /cs	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng sản xuất giấy (1)	3.528,0	3.528,0	Sở hữu riêng	4	-/-
Nhà điều hành sản xuất (4)	403,4	856,7	Sở hữu riêng	4	-/-
Nhà kho (12)	5.608,8	5.608,8	Sở hữu riêng	4	-/-
Nhà điều hành kho (15)	39,1	39,1	Sở hữu riêng	4	-/-

### 3. Ghi chú:

Ngoài ra cho phép đơn vị được tạm thời quản lý, sử dụng 3.851,0 m<sup>2</sup> thuộc hành lang đường theo quy định, việc sử dụng phải theo qui định của pháp luật.



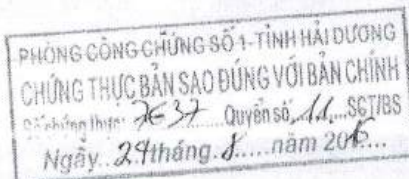
CÔNG CHỨNG VIÊN  
Phạm Thị Thu Hằng

Số đăng ký cấp GCN: CT 00109

Hải Dương, Ngày 20 tháng 5 năm 2016  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG



PHÓ CHỦ TỊCH  
NGUYỄN ANH CƯỜNG




**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Thửa đất số: 464

Tờ bản đồ số: 09

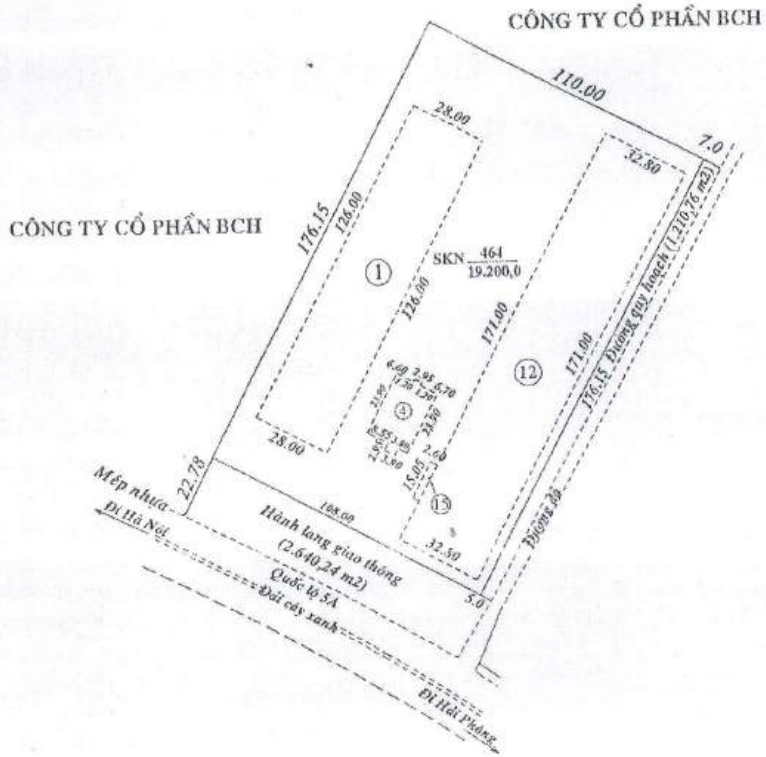
Số phát hành GCN: CD 447 619

Số vào sổ cấp GCN: CT00.109

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Ngày 24/8/2016. Thủ chấp bằng tài sản gắn liền với đất đã và sẽ hình thành trong tương lai tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng (Số 32 Tân Phú, Ngõ Quyền, Hải Phòng) thay đổi nội dung thủ chấp thay thế bằng chứng nhận có tài sản thủ chấp từ số BV 459479, số vắn số CT 00116 ngày 06/8/14 sang GCN này; thu hồ sơ số: 000 278-TC-002; q/n số 05, STT: 211 / ĐCTĐ.</p>	<p style="text-align: center;">               GIÁM ĐỐC  <b>ĐOÀN THANH HẢI</b> </p>

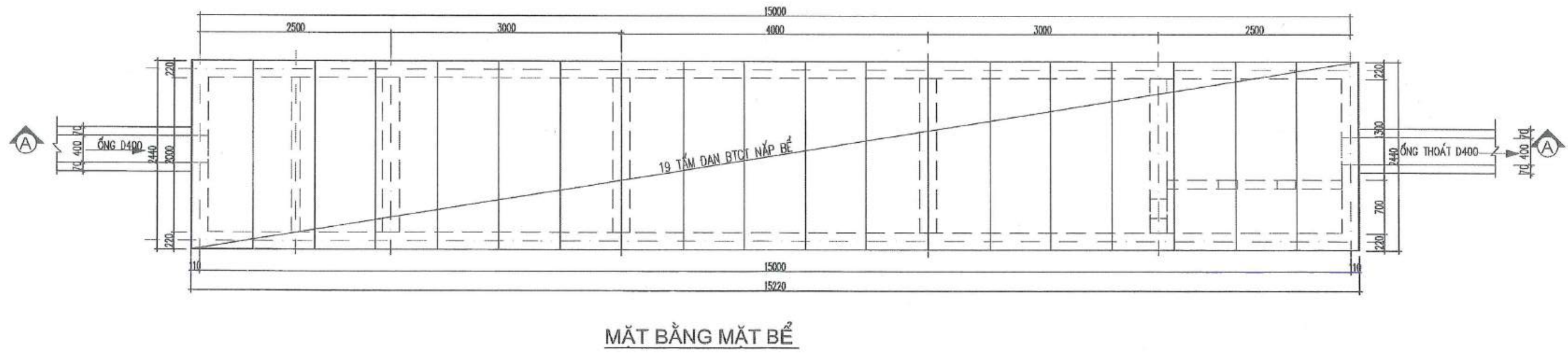
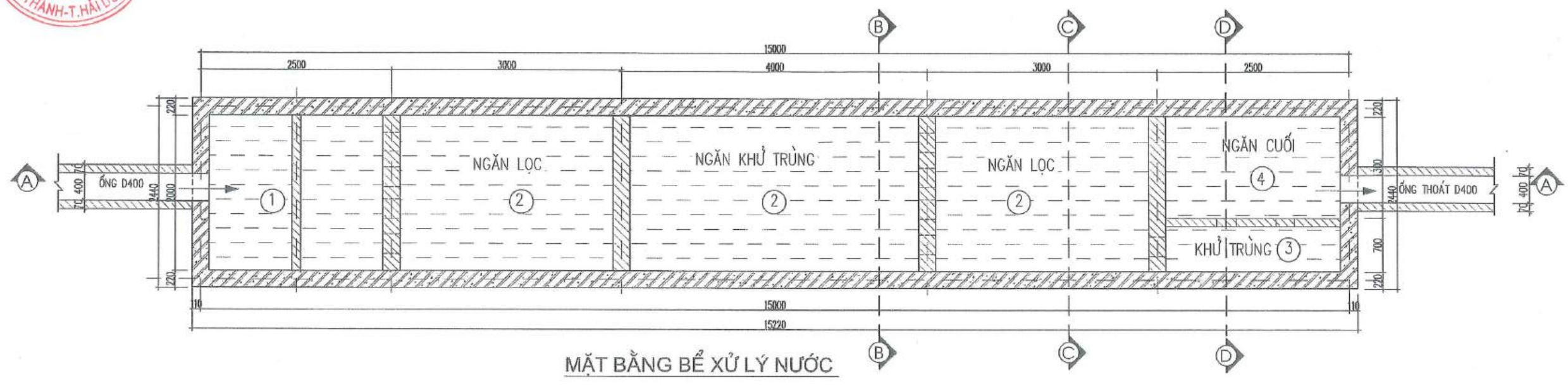
Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



### IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

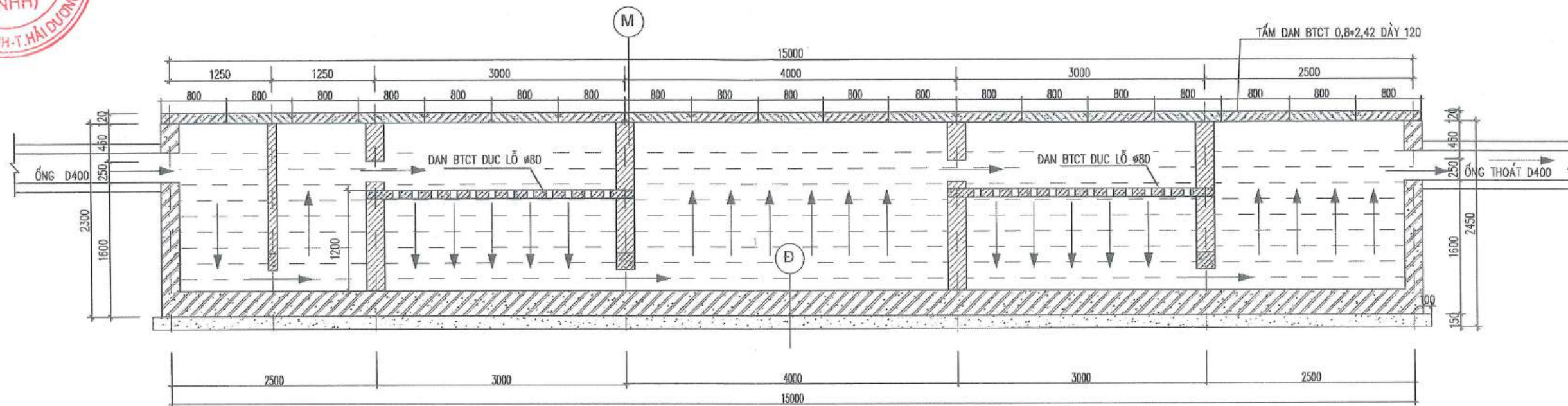


- GHI CHÚ:**
- 1 - NGĂN PHẢN ỨNG KẾT HỢP LẮNG
  - 2 - NGĂN LỌC
  - 3 - NGĂN KHỬ TRÙNG
  - 4 - NGĂN CUỐI, THOÁT RA NGOÀI

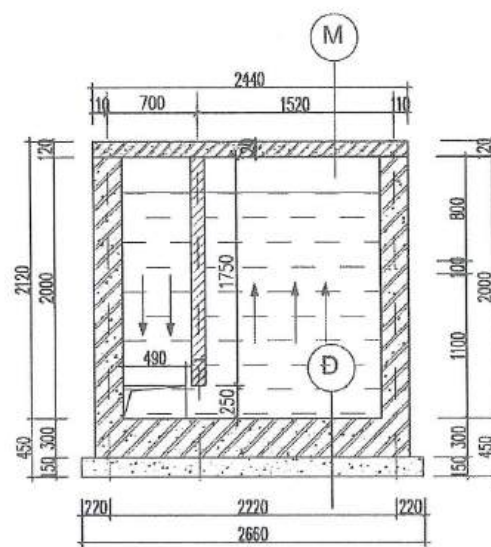
- GHI CHÚ:**
- ĐÂY MÔNG GIA CỘ CỌC TRE D60-80, L= 2.5M, MẬT ĐỘ CỌC 20C/M<sup>2</sup>,
  - LÓT MÔNG BTCT MẮC 100# DÁ 4X6, ĐÁY BỂ VÀ THÀNH XUNG QUANH ĐỒ BTCT DÁ 2X4 MẮC 200#
  - XÂY TƯỜNG NGĂN TRONG BỂ GẠCH CHỈ MẮC 75# VỚI VỎ MẮC 75#
  - TẤM DAN NẮP BỂ BÊ TÔNG ĐỨC SẴN MẮC 200 DÁ 1x2 DÂY 100
  - CỐT THÉP  $\phi \leq 10$  DÙNG THÉP AI CÓ RA = 2100KG/CM<sup>2</sup>
  - CỐT THÉP  $\phi > 10$  DÙNG THÉP AI CÓ RA = 2700KG/CM<sup>2</sup>
  - LIÊN KẾT THÉP BẰNG HÀN ĐIỆN HOẶC DÂY THÉP BƯỚC 1 LY

<b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC</b>	
CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG	GIÁM ĐỐC CÔNG TY
<b>NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY</b>	
<b>MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC</b>	
HOÀN THÀNH: 15 - 04 - 2016	BẢN VẼ SỐ: CTN/04

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*La Văn Lương*



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT D-D

M  
LÁNG VXM DÀY 20 MÁC 75#  
TẤM DAN BÊ TÔNG CỐT THÉP MẶT BỂ  
TƯỜNG XÂY CÁC NGĂN BỂ

Đ  
LÁNG VXM DÀY 30 MÁC 100#  
BÊ TÔNG CỐT HÉP MÓNG BỂ  
BÊ TÔNG LÓT MÓNG M100# DÀY 150  
XỬ LÝ CỌC TRE L=2,5M; 25 CÁI/M<sup>2</sup>  
NỀN ĐẤT TỰ NHIÊN

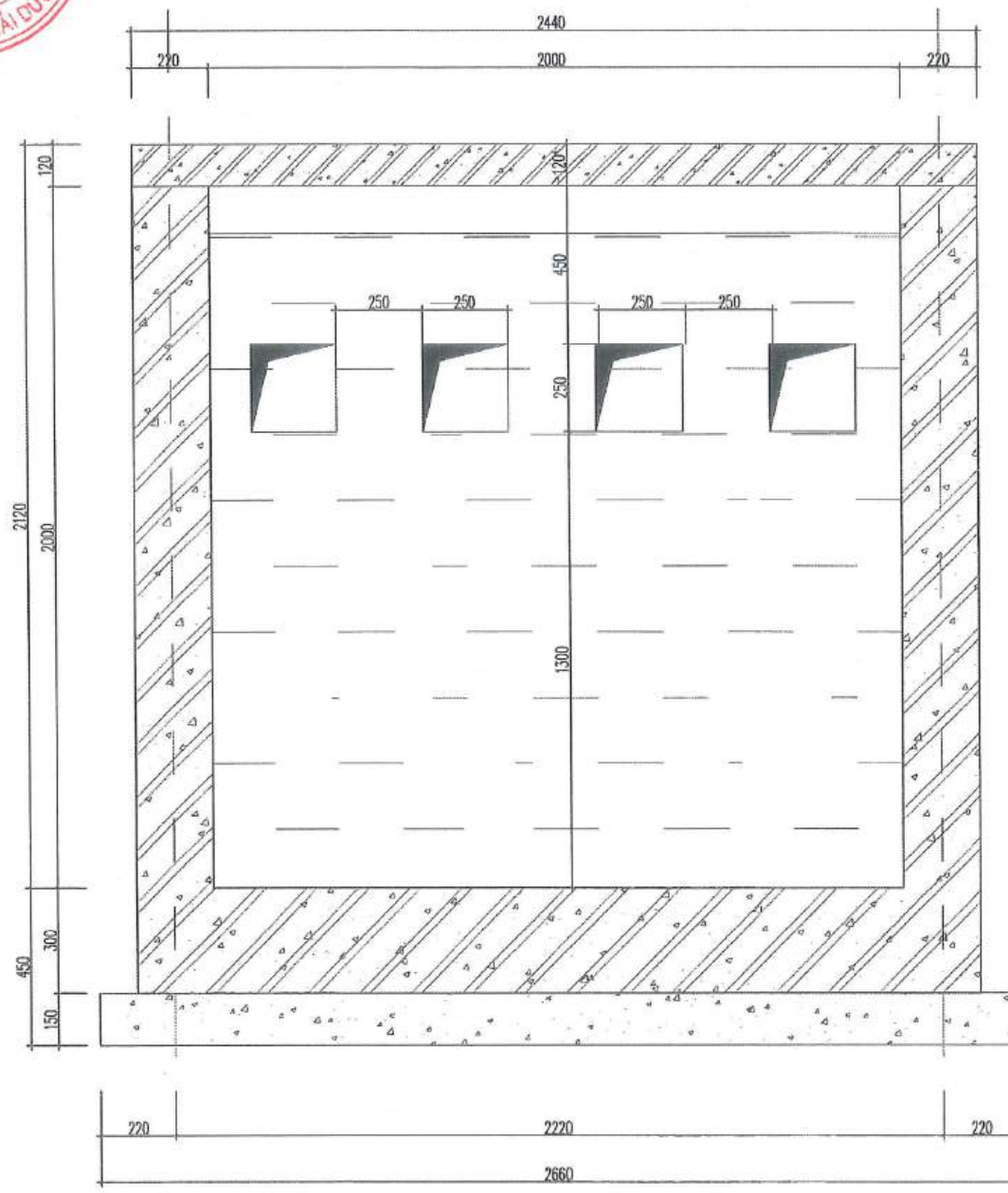
GHI CHÚ :

- LÓT MÓNG BTCT MÁC 100# ĐÁ 4X6, ĐÁY BỂ VÀ THÀNH XUNG QUANH ĐỒ BTCT ĐÁ 2x4 MÁC 200#
- XÂY TƯỜNG NGĂN TRONG BỂ GẠCH CHỈ MÁC 75# VỚI VXM MÁC 75#
- TẤM DAN NẤP BỂ BÊ TÔNG ĐÚC SẴN MÁC 200 ĐÁ 1x2 DÀY 100
- CỐT THÉP  $\phi \leq 10$  DÙNG THÉP AI CỎ RÀ = 2100KG/CM<sup>2</sup>;
- CỐT THÉP  $\phi > 10$  DÙNG THÉP AII CỎ RÀ = 2700KG/CM<sup>2</sup>
- LIÊN KẾT THÉP BẰNG HÀN ĐIỆN HOẶC DÂY THÉP BỤỘC 1 LY

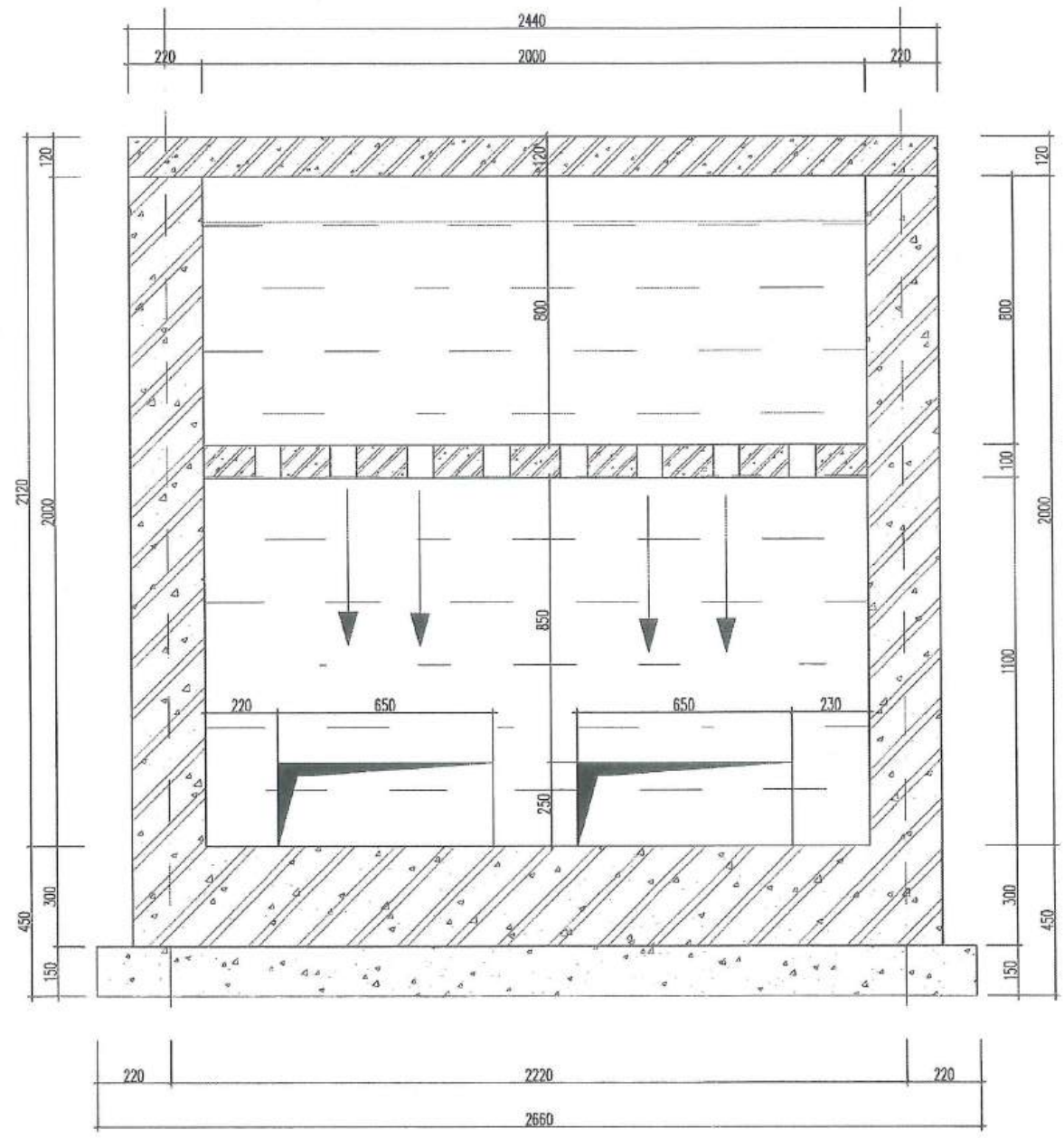
BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC	
CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY	
CẮT A-A; D-D BỂ XỬ LÝ	
HOÀN THÀNH: 15-04-2016	BẢN VẼ SỐ: CTN-05

Lê Văn Cường





MẶT CẮT B - B

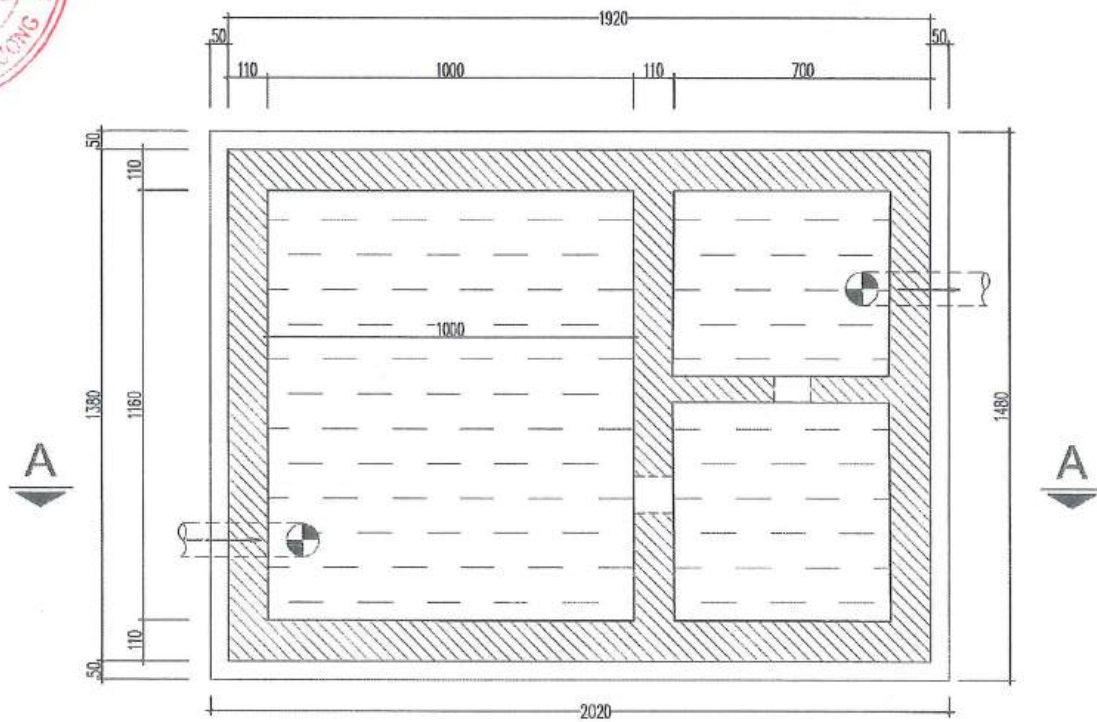


MẶT CẮT C - C

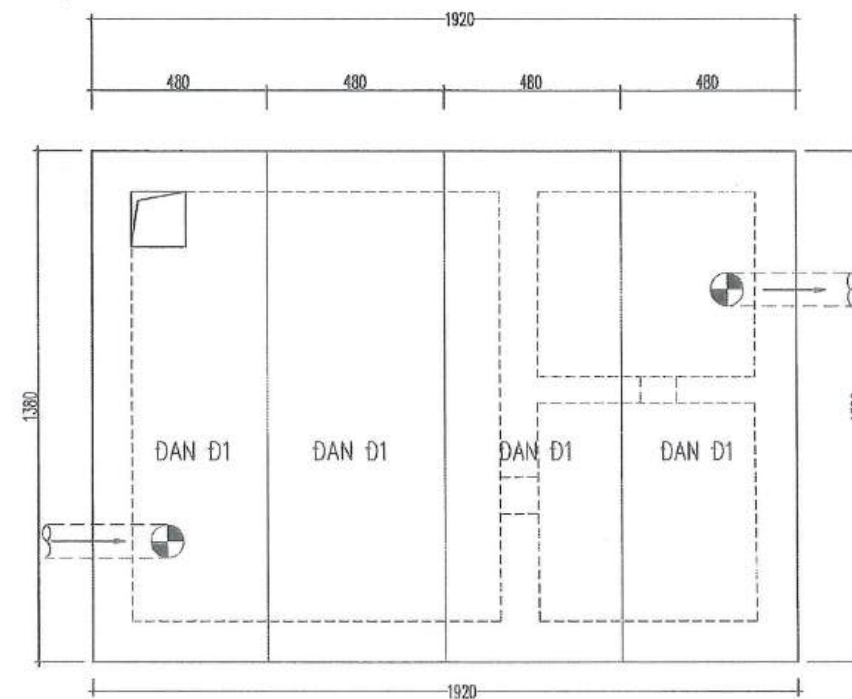
- GHI CHÚ:
- DÂY MÓNG GIA CỐ CỌC TRE D60-80, L= 2,5M, MẬT ĐỘ CỌC 20C/M2,
  - LÓT MÓNG BTCT MÁC 100# ĐÁ 4X6, ĐÁY BỂ VÀ THÀNH XUNG QUANH ĐỒ BTCT ĐÁ 2x4 MÁC 200#
  - XÂY TƯỜNG NGĂN TRONG BỂ GẠCH CHỈ MÁC 75# VỚI VXM MÁC 75#
  - TẤM ĐÀN NẬP BỂ BÊ TÔNG ĐÚC SẴN MÁC 200 ĐÁ 1x2 DÀY 100
  - CỐT THÉP  $\phi \leq 10$  DÙNG THÉP AI CÓ RA = 2100KG/CM2;
  - CỐT THÉP  $\phi > 10$  DÙNG THÉP AII CÓ RA = 2700KG/CM2
  - LIÊN KẾT THÉP BẰNG HÀN ĐIỆN HOẶC DÂY THÉP BƯỚC 1 LY

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC	
CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG	GIÁM ĐỐC CÔNG TY
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY	
CẮT B-B; C-C BỂ XỬ LÝ	
HOÀN THÀNH: 15 - 04 - 2016	BẢN VẼ SỐ: CTN - 06

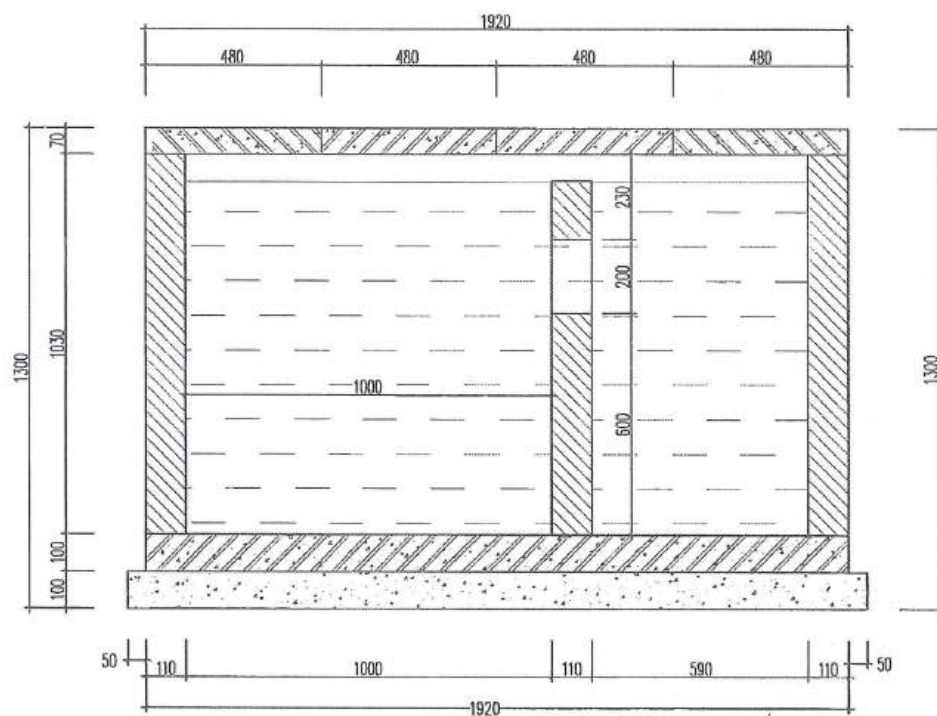
TỔNG GIÁM ĐỐC  
CĐ. Ông. Nguyễn Văn Tuấn



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI



MẶT BẰNG TẤM ĐAN NẮP BỂ



MẶT CẮT A-A

SB

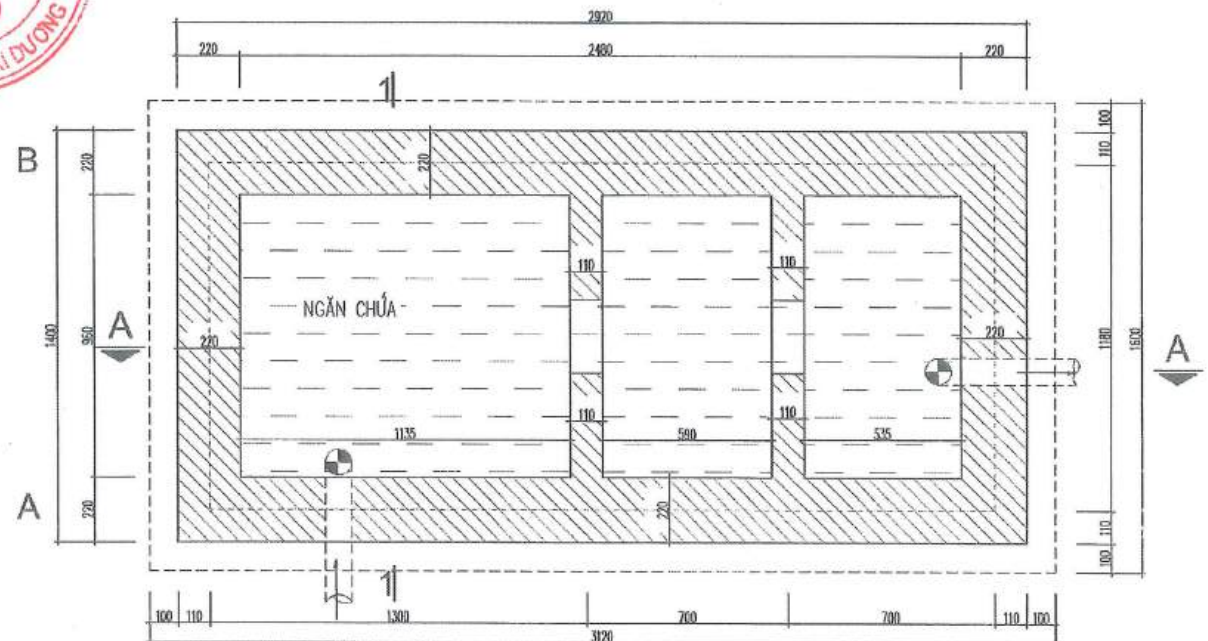
- LÁNG DÂY BÊ CỎ ĐÁNH MÀU
- BÊ TÔNG DÂY BÊ ĐÁ 1X2, MÁC 200
- BÊ TÔNG LÓT MÓNG ĐÁ 4X6 MÁC 100
- NỀN ĐẤT TỰ NHIÊN

GHI CHÚ

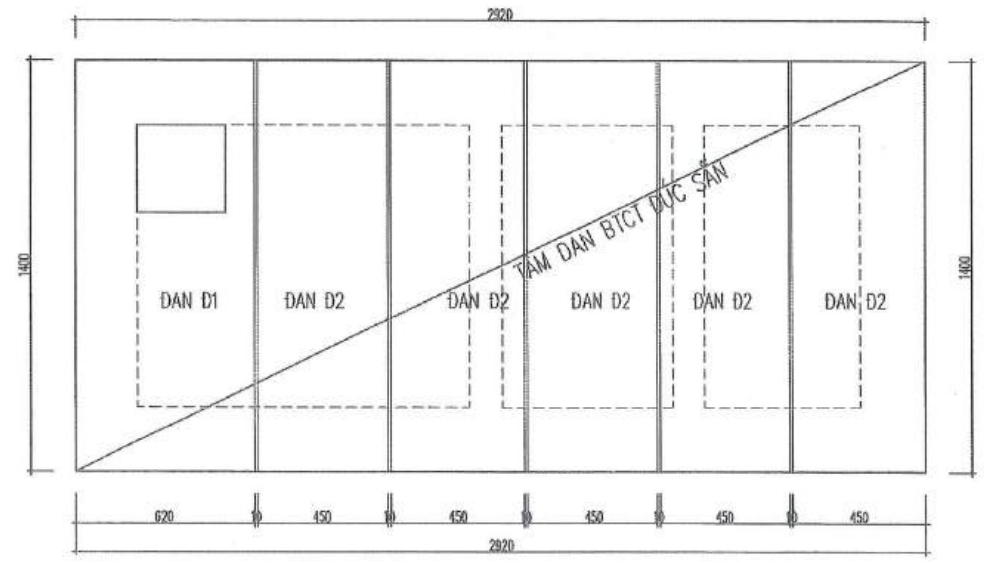
- BÊ TÔNG ĐÁY, THÀNH BÊ ĐÁ 1X2, MÁC 200; TẤM ĐAN BÊ TÔNG DỤC SẴN ĐÁ 1X2, MÁC 250
- XÂY TƯỜNG BÊ GẠCH BLOC BÊ TÔNG, VXM MÁC 75; TRÁT THÀNH BÊ VXM MÁC 75 DÀY 15;
- LÁNG DÂY BÊ CỎ ĐÁNH MÀU VXM MÁC 75
- THÉP  $\phi < 10$   $R_a = 2100$  kg/cm<sup>2</sup>; THÉP  $\phi \geq 10$   $R_a = 2700$  kg/cm<sup>2</sup>

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC	
CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG	GIÁM ĐỐC CÔNG TY
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY	
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI SỐ 1	
HOÀN THÀNH: 15 - 04 - 2016	BẢN VẼ SỐ: CTN - 07

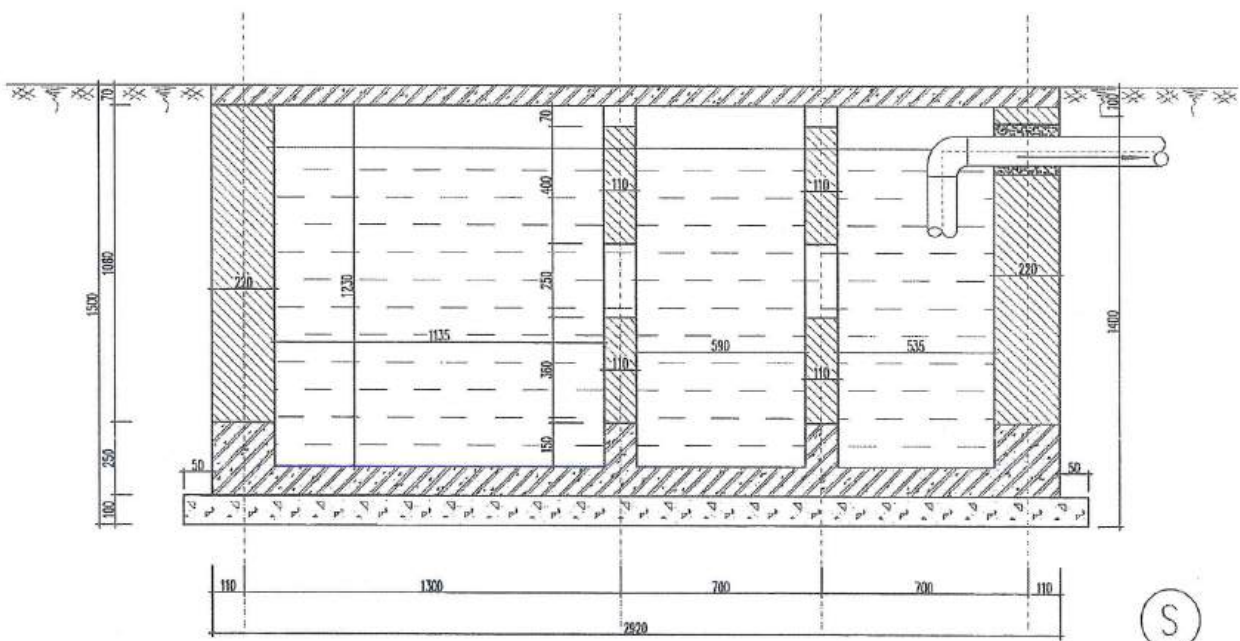
*Bê Văn Cường*



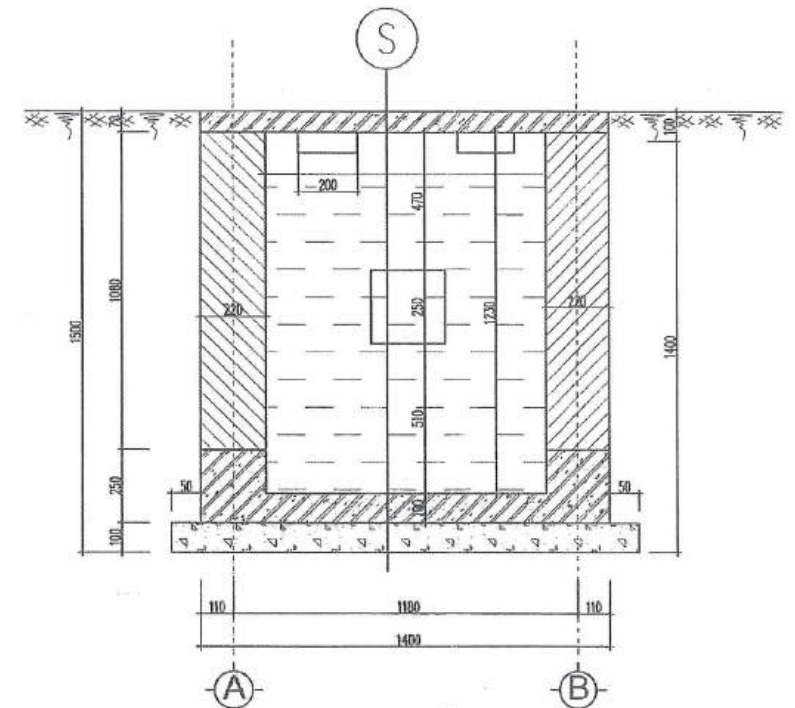
MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI



MẶT BẰNG TẮM ĐẠN



MẶT CẮT 2-2

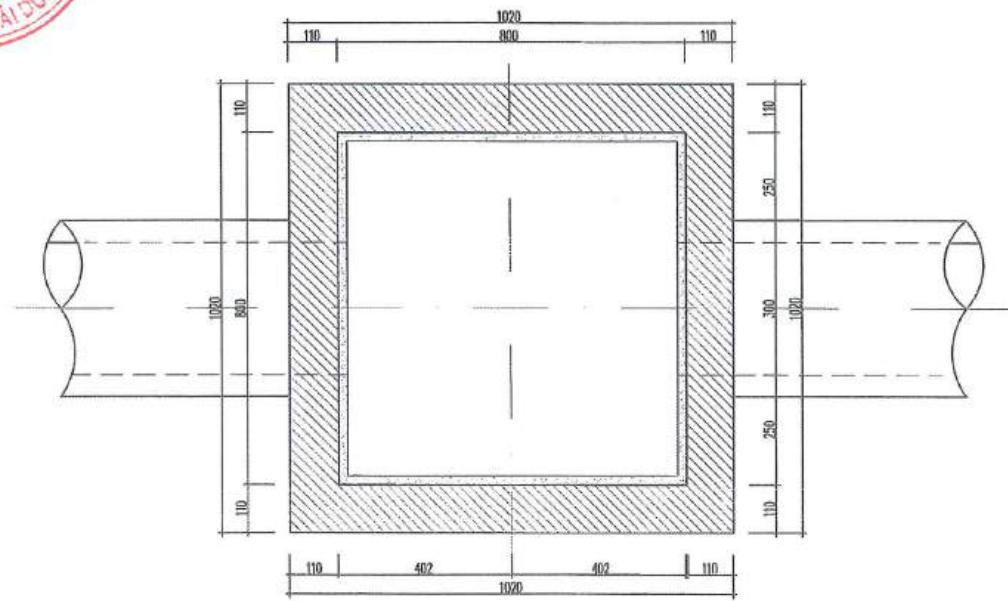


MẶT CẮT 1-1

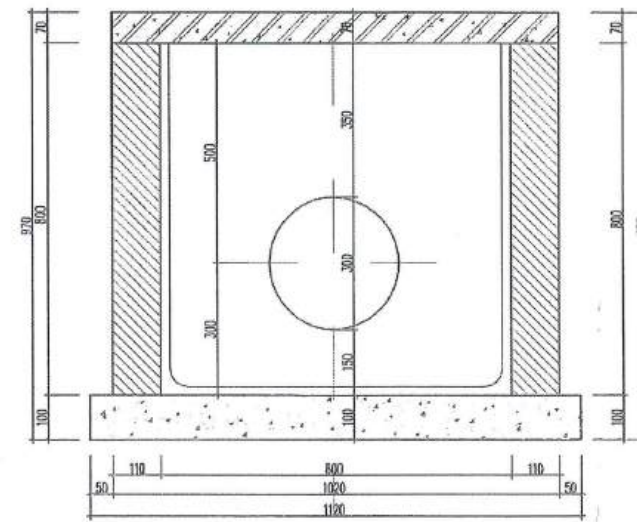
- S TẦM ĐẠN BÊ TÔNG CỐT THÉP DÀY 70
- LĂNG VXM MẮC 100 DÀY 30 ĐÁNH MÀU
- BÊ TÔNG CỐT THÉP DÁ 1X2 MẮC 250# DÀY 100
- BÊ TÔNG DÁ 4X6 150# DÀY 100
- ĐẤT TỰ NHIÊN ĐÁM CHẶT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOẠT NƯỚC	
CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY	
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI SỐ 2	
HOÀN THÀNH: 15 - 04 - 2016	BẢN VẼ SỐ: CTN - 08

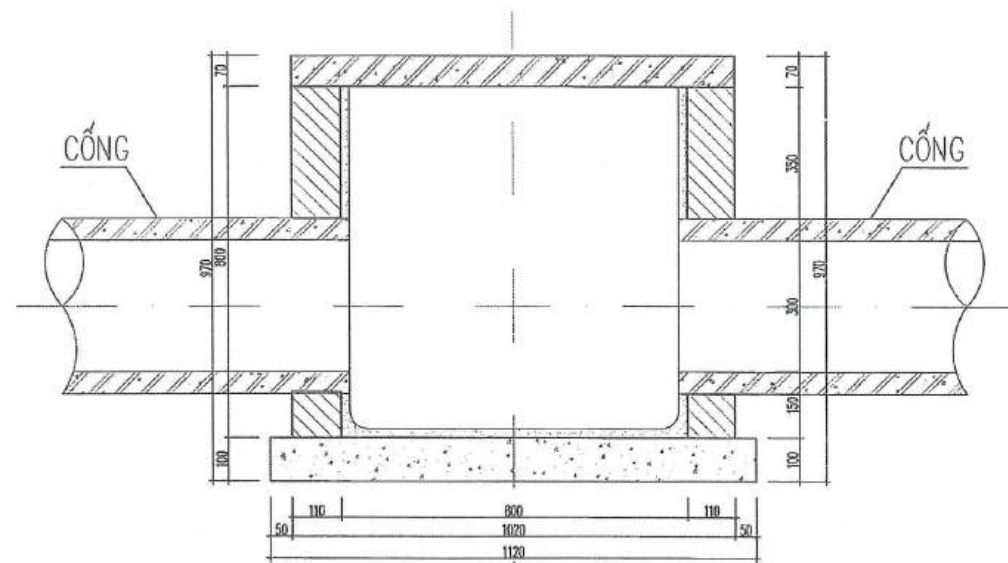
*Lê Văn Cường*



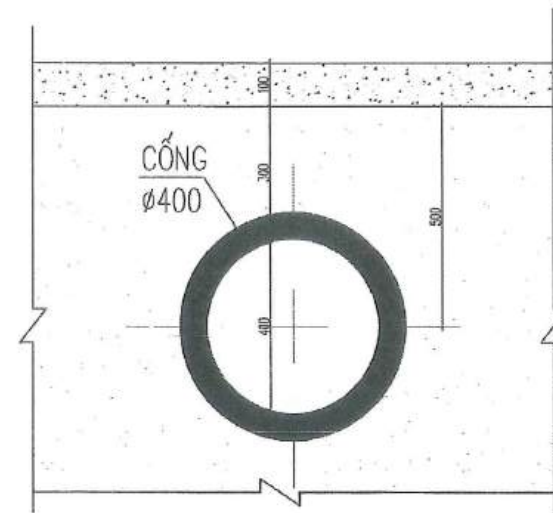
5 HỔ GA (HG-1)



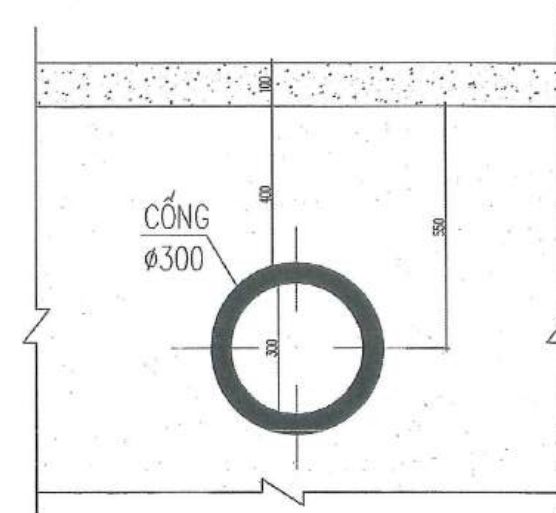
CẮT 1-1



CẮT 1-1



CẮT NGANG CỔNG D400



CẮT CỔNG D300

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC	
CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG	GIÁM ĐỐC CÔNG TY
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY	
HỔ GA + MẶT CẮT NGANG CỔNG	
HOÀN THÀNH: 15 - 04 - 2016	BẢN VẼ SỐ: CTN - 09

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Ph. Văn Cường



CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 15 tháng 4 năm 2016

## BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. **Hạng mục công trình :** Xây dựng hệ thống xử lý nước thải
2. **Địa điểm xây dựng:** Công ty Giấy Bình Dương (TNHH) – Km 77+500, quốc lộ 5, xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**3. Thành phần tham gia nghiệm thu:**

Phía chủ đầu tư (Bên A): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Đại diện Ông Lê Văn Cường

Chức vụ: Tổng giám đốc

b) Đại diện bên thi công xây dựng công trình (Bên B) :

Đại diện Ông Đặng Văn Xen

Chức vụ: Tổ trưởng đội thi công

**4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :**

Bắt đầu : 08<sup>h</sup> ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Kết thúc : 08<sup>h</sup>30 ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Tại: Công ty Giấy Bình Dương (TNHH) – km77+500, quốc lộ 5, xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:**

- a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu: Dự toán thi công
- b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng : Đạt tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật.

**6. Kết luận :**


- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.  
Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ một bản.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Văn Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B

  
Đặng Văn Xen



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG  
Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương  
Điện thoại: 0220.3838298 \* Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Số: 1008-SX01-03/2024.36

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty giấy Bình Dương (TNHH)  
Địa điểm quan trắc : Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương  
Loại mẫu : Không khí môi trường lao động  
Ngày quan trắc : 26/12/2023 - Ngày phân tích: 26/12/2023 - 08/01/2024  
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : SX01/Khu vực chặt  
SX02/Khu vực đầu chuyền  
SX03/Khu vực bồi keo dán đế

### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT
				SX01	SX02	SX03	TWA
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18,9	18,4	18,8	18 + 32 <sup>(1)</sup>
2	Độ ẩm	%		58,2	57,6	56,8	40 + 80 <sup>(1)</sup>
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s		0,31	0,28	0,36	0,2 + 1,5 <sup>(1)</sup>
4	Tiếng ồn LAeq	dBA	TCVN 7878-2:2010	71,3	72,6	71,9	85 <sup>(2)</sup>
5	Tiếng ồn LMax	dBA		75,8	76,5	74,6	115 <sup>(2)</sup>
6	Bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	0,54	0,37	0,44	8 <sup>(3)</sup>
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	QTPT 02/CLC	<7	<7	<7	20
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	KPH (0,075)	KPH (0,075)	KPH (0,075)	5
9	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	KPH (0,036)	KPH (0,036)	KPH (0,036)	5
10	Hơi dung môi	mg/m <sup>3</sup>	MDHS 96	-	-	KPH (0,65)	

#### Ghi chú:

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- (1): QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu - Lao động Trung Bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (3): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA) ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

### BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Hải Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Loan

Phạm Văn Hải

Lê Thị Thảo

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty  
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)  
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại xét quá trình nghiệm của khách hàng



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG  
Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương  
Điện thoại: 0220.3838298 \* Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Số: 1008-SX04-05/2024.37

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty giấy Bình Dương (TNHH)  
Địa điểm quan trắc : Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương  
Loại mẫu : Không khí môi trường lao động  
Ngày quan trắc : 26/12/2023 - Ngày phân tích: 26/12/2023 - 08/01/2024  
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : SX04/Khu vực hoàn thiện  
SX05/Khu vực may

### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN
				SX04	SX05	03:2019/BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18,2	18,1	18 + 32 <sup>(1)</sup>
2	Độ ẩm	%		56,0	57,4	40 ÷ 80 <sup>(1)</sup>
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s		0,26	0,23	0,2 ÷ 1,5 <sup>(1)</sup>
4	Tiếng ồn LAeq	dBA	TCVN 7878-2:2010	71,6	73,7	85 <sup>(2)</sup>
5	Tiếng ồn LAmax	dBA		82,8	77,2	115 <sup>(2)</sup>
6	Bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	0,30	0,42	8 <sup>(3)</sup>
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	QTPT 02/CLC	<7	<7	20
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	KPH (0,075)	KPH (0,075)	5
9	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	KPH (0,036)	KPH (0,036)	5
10	Hơi dung môi	mg/m <sup>3</sup>	MDHS 96	KPH (0,65)	-	-

#### Ghi chú:

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- (1): QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu - Lao động Trung Bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (3): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA) ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Hải Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Loan

Phạm Văn Hải

Lê Thị Thảo

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.  
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)  
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG  
Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương  
Điện thoại: 0220.3838298 \* Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Số: 1008-AS-SX01-05/2023.38

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị được quan trắc : Công ty giấy Bình Dương (TNHH)  
Địa chỉ : Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương  
Loại mẫu : Ánh sáng  
Ngày quan trắc : 26/12/2023

### II. KẾT QUẢ

TT	Vị trí đo	Ký hiệu	Ánh sáng (Lux)	QCVN 22: 2016/BYT
1	Khu vực chặt	SX01	326	300
2	Khu vực đầu chuyển	SX02	315	300
3	Khu vực bồi keo dán đế	SX03	490	300
4	Khu vực hoàn thiện	SX04	320	300
5	Khu vực may	SX05	515	500

Ghi chú:

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng.

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Hải Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Loan

Phạm Văn Hải

Lê Thị Thảo

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.  
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)  
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng





CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG  
Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương  
Điện thoại: 0220.3838298 \* Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Số: 1008-XQ01/2024.39

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty giấy Bình Dương (TNHH)  
Địa điểm quan trắc : Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Ngày quan trắc : 26/12/2023 - Ngày phân tích: 26/12/2023 - 08/01/2024  
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : XQ01/Khu vực công cộng ty

### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				XQ01	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	17,8	-
2	Độ ẩm	%		58,0	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,63	-
4	Tiếng ồn Laeq	dBA	TCVN 7878-2:2010	69,8	70 <sup>(1)</sup>
5	Tiếng ồn LAmax	dBA		74,2	-
6	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	KPH (75)	350
7	CO	µg/m <sup>3</sup>	QTPT 02/CLC	<7.000	30.000
8	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	KPH (36)	200
9	Bụi TSP	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	200	300

#### Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, áp dụng Trung bình 1 giờ;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, áp dụng Giới hạn tối đa cho phép;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

### BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Hải Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Loan

Phạm Văn Hải

Lê Thị Thảo

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.  
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)  
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG  
Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương  
Điện thoại: 0220.3838298 \* Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Số: 1008-NT01/2024.40

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty giấy Bình Dương (TNHH)  
Địa điểm quan trắc : Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương  
Loại mẫu : Nước thải  
Ngày quan trắc : 26/12/2023 - Ngày phân tích: 26/12/2023 - 08/01/2024  
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT01/Nước thải sau xử lý lấy tại ngăn chứa cuối cùng trước khi thải ra môi trường

### II. KẾT QUẢ

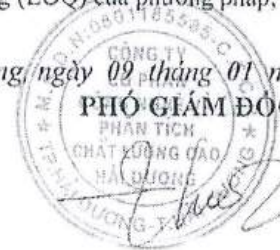
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT01	Cột B - Cmax	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	8,0	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	92	108	120
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	116	162	-
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008	43	54	60
5	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	37,7	43,2	-
6	Tổng Phospho (P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	5,45	6,48	-
7	Mangan (Mn)	mg/L	EPA Method 200.8	0,031	1,08	-
8	Chì (Pb)	mg/L		0,022	0,54	-
9	Cadimi (Cd)	mg/L		KPH(0,001)	0,108	-
10	Asen (As)	mg/L		<0,003	0,108	-
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L		<0,0009	0,0108	-
12	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1	-	24
13	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	3.900	5.000	5.000

#### Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng Cột B - Cmax (K<sub>q</sub>=0,9 và K<sub>l</sub>=1,2);
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, áp dụng cột B, Cmax: K=1,2;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

### BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Hải Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Loan

Phạm Văn Hải

Lê Thị Thảo

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty  
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)  
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



ĐƠN AN TỈNH HẢI DƯƠNG  
Số: 77/TĐ-PCCC 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1  
BH theo Thông tư số 04/2004/TT-BCA  
Ngày 31-3-2004

### GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001,
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số.....ngày...04.../...9.../.....2014

của: ..... **CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)** .....  
Người đại diện là ông/ bà: ..... **NGUYỄN ĐÌNH KHÁI** ..... Chức danh: ..... **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC** .....  
..... **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH** .....

#### CHỨNG NHẬN:

(2)..... **Công trình: KHO CHỨA HÀNG HÓA VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY** .....  
Địa điểm: ..... **Xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương** .....  
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: ..... **CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)** .....  
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: ..... **CÔNG TY TNHH MTV PCCC KIM SƠN** .....  
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: .....

- ..... Tổng mặt bằng xây dựng, hệ thống giao thông, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa của công trình, lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy, chữa cháy tự động;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống điện, hệ thống chống sét;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Các bình chữa cháy ban đầu.

..... theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.  
Các yêu cầu kèm theo: (3) 1- Bể dự trữ nước chữa cháy cho hệ thống chữa cháy tự động, Spinkler có khối tích lớn hơn 390 m<sup>3</sup>.  
2- Thông báo Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH kiểm tra nghiệm thu PCCC công trình theo quy định.

Hải Dương, ngày 11 tháng 9 năm 2014.

Nơi nhận:  
- Công ty Giấy Bình Dương (TNHH);  
- Lưu PCCC&CNCH

(4) **T.Đ. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH** .....  
**TRƯỞNG PHÒNG**

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.  
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (kỳ tên, đóng dấu)



DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Tổng mặt bằng cấp nước chữa cháy, báo cháy	TMB	
2	Mặt bằng bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, vách tường, chi tiết lắp đặt họng nước, trụ nước, máy bơm chữa cháy	CN 01-05	
3	Tổng mặt bằng cấp nước chữa cháy tự động	TMB	
4	Mặt bằng bố trí Spinkler, chi tiết lắp đặt đầu phun, bơm cho hệ thống chữa cháy tự động	TD 01-06	
5	Mặt bằng hệ thống báo cháy, sơ đồ nguyên lý, chi tiết lắp đặt	BC 01-02	
6	Mặt bằng bố trí bình chữa cháy, chi tiết lắp đặt	BB 01	
7	Mặt bằng bố trí đèn chiếu sáng sự cố, thoát nạn	SC 01	
8	Mặt bằng chống sét, chi tiết lắp đặt	CS 01-03	
9	Mặt bằng, mặt cắt nhà kho	BV 02-07	
10	Mặt bằng cấp điện	BV 23	





CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC  
Số: 50 / PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 24 tháng 09 năm 2003

## BẢN CHẤP THUẬN VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

**Công trình:** NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ điều 15 Luật phòng cháy và chữa cháy quy định: " *Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy* ".

- Căn cứ Nghị định số 35/ 2003/ NĐ - CP ngày 4 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Căn cứ công văn số 01/ CVBD ngày 22/9/2003 của công ty TNHH BÌNH DƯƠNG.

Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Hải Dương chấp thuận công trình: Nhà xưởng sản xuất công ty TNHH BÌNH DƯƠNG.

**Địa điểm xây dựng:** Kim Lương - Kim Thành - Hải Dương.

**Với những nội dung sau:**

- Mặt bằng quy hoạch tổng thể các công trình.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy và các bình chữa cháy; hệ thống thu lôi chống sét.

**Kèm theo yêu cầu sau đây:**

- Máy bơm chữa cháy cần đảm bảo  $Q \geq 90 \text{ m}^3/\text{h}$ ; các bình chữa cháy phải là loại ABC; bổ sung thêm các dây hoặc đai thu sét cho xưởng sản xuất.

- Các thiết bị PCCC cần được kiểm định trước khi lắp vào công trình: đơn vị thi công phải có giấy phép hành nghề thi công hệ thống PCCC.

- Khi xây dựng xong, đề nghị chủ đầu tư thông báo để Phòng cảnh sát PCCC - Công an tỉnh Hải Dương kiểm tra nghiệm thu theo quy định .

**Nơi nhận:**

- Công ty giấy BÌNH DƯƠNG.
- C23, Giám đốc CA tỉnh b/c.
- Lưu PCCC.

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
TRUNG TA: NGUYỄN THẾ LÂN



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **23** /GP-UBND

Hải Dương, ngày **15** tháng 01 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC  
THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI **BẢN SAO**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 quy định quy chuẩn quốc gia về môi trường; số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và các quy định hiện hành;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Công ty giấy Bình Dương (TNHH) và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 39/TTr-SNN ngày 07 tháng 01 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép xả nước thải vào công trình thủy lợi với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức xin cấp giấy phép:

- Tên tổ chức xin cấp phép: Công ty giấy Bình Dương (TNHH);

- Địa chỉ: Xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Số điện thoại: 0220.3721635.

2. Tên hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi:

Xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

3. Vị trí xả nước thải:

- Kênh tiếp nhận nước thải: Kênh dẫn hạ lưu cống Cổ Phục thuộc lưu vực tiêu trạm bơm Kim Lương, xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải (Hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN 2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiếu  $6^0$ ):  $X(m) = 2317.148$ ;  $Y(m) = 660.266$ .

4. Lưu lượng, phương thức, chế độ xả nước thải:

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $Q_{max} = 20m^3/ngày\ đêm$ ;
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy;
- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24/24h).

5. Chất lượng nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý và xả vào công trình thủy lợi phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường cho phép; phải đạt mức B theo quy định tại Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của công ty giấy Bình Dương (TNHH) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại phiếu xác nhận số 183/TN&MT ngày 24/10/2003, cụ thể:

- Nước thải sản xuất phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT với giá trị  $C_{max}$  đạt mức B, hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_r = 1,2$ ;

- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT với giá trị  $C_{max}$  đạt mức B, hệ số  $K = 1,2$ .

(Giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải tại Phụ lục kèm theo)

6. Thời hạn của giấy phép: 05 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 2.1.** Công ty giấy Bình Dương (TNHH) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Điều 31 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Yêu cầu đối với Công ty giấy Bình Dương (TNHH):

- Tuân thủ các nội dung quy định của giấy phép. Khi có thay đổi nội dung quy định trong giấy phép phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

- Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 32 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Thực hiện chế độ quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải theo tần suất quan trắc và các thông số quan trắc quy định tại Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Công ty đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước và các quy định hiện hành, trong đó:

+ Quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau xử lý tại vị trí cửa xả nước thải (Hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $6^0$ ):  $X(m) = 2317.148$ ;  $Y(m) = 660.266$ ;

+ Quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận tại kênh dẫn hạ lưu công Cổ Phục thuộc lưu vực tiêu trạm bơm Kim Lương (Cách cửa xả nước thải về phía thượng lưu  $50m$ ).



- Định kỳ xây dựng Báo cáo quý, Báo cáo tổng hợp năm (thay Báo cáo quý IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT, đơn vị khai thác hệ thống công trình thủy lợi và cơ quan quản lý môi trường (trước ngày 25 của tháng cuối quý). Nội dung báo cáo về tình hình thu gom, xử lý nước thải của công ty; xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý và chất lượng nước nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định. Trường hợp đột xuất phải tiến hành lấy mẫu thí nghiệm để kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo tất cả nước thải sau khi xử lý và thải vào nguồn nước của công trình thủy lợi đều phải nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sản xuất QCVN 40:2011/BTNMT, Cmax mức B với hệ số  $K_a = 0,9$ ,  $K_r = 1,2$ . Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cmax mức B với hệ số  $K = 1,2$ .

- Chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Giấy phép xả nước thải của UBND tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị khai thác hệ thống công trình thủy lợi và cơ quan quản lý môi trường theo quy định. Báo cáo kịp thời khi có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty giấy Bình Dương (TNHH) còn nhu cầu tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định. 7. 7

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Công ty giấy Bình Dương (TNHH);
- Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, Ô.Chính (7b) 4

Số chứng thực: 18.2.0...Quyển số: 07...SCT/BS

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Cường



CHỦ TỊCH  
NGHIÊM LÊ CHIẾN





Phụ lục  
**GIỚI HẠN THÔNG SỐ NỒNG ĐỘ CHẤT Ô NHIỄM ĐƯỢC PHÉP XẢ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép số: 25/GP-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Hải Dương)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN14:2008/BTNMT C <sub>max</sub> mức B, K=1,2)	Giá trị giới hạn (QCVN40:2011/BTNMT C <sub>max</sub> mức B, K <sub>q</sub> =0,9, K <sub>f</sub> =1,2)
1	Nhiệt độ	0C	-	40
2	Màu	Pt/Co	-	150
3	PH	-	5-9	5.5-9
4	BOD5 (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	60	54
5	COD	mg/l	-	162
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	108
7	Asen (As)	mg/l	-	0.108
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	0.0108
9	Chì (Pb)	mg/l	-	0.54
10	Cadimi (Cd)	mg/l	-	0.108
11	Crom (VI)	mg/l	-	0.108
12	Crom (III)	mg/l	-	1.08
13	Đồng (Cu)	mg/l	-	2.16
14	Kẽm (Zn)	mg/l	-	3.24
15	Niken (Ni)	mg/l	-	0.54
16	Mangan (Mn)	mg/l	-	1.08
17	Sắt (Fe)	mg/l	-	5.4
18	Tổng Xianua	mg/l	-	0.108



19	Tổng Phenol	mg/l	-	0.54
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	10.8
21	Sunfua	mg/l	4.8	0.54
22	Florua	mg/l	-	10.8
23	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	12	10.8
24	Tổng Nito	mg/l	-	43.2
25	Tổng phôtpho (tính theo P)	mg/l	-	6.48
26	Clorua	mg/l	-	1080
27	Clo dư	mg/l	-	2.16
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/l	-	0.108
29	Hoá chất bảo vệ thực vật: photpho hữu cơ	mg/l	-	1.08
30	Tổng PCB	mg/l	-	0.0108
31	Colifonn	MPN/100 ml	5.000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	-	0.1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	-	1.0
34	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	-
35	Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) (tính theo N)	mg/l	60	-
36	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	24	-
37	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	-
38	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/l	12	-





BẢN ĐĂNG KÝ

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Số: 183 / TN&MT.

Hải Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2003

**PHIẾU XÁC NHẬN  
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**

Dự án: *Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy thể thao xuất khẩu của Công ty giấy Bình Dương tại xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương*

**GIÁM ĐỐC  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG  
XÁC NHẬN**

**Điều 1:** Dự án " *Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy và nguyên liệu giấy thể thao xuất khẩu của Công ty giấy Bình Dương tại xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương* " đã trình báo cáo Nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 29 tháng 9 năm 2003.

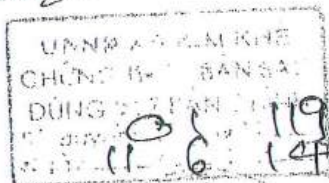
**Điều 2:** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường để khống chế ô nhiễm đảm bảo như quy định tại trang 2 của phiếu xác nhận này.

**Điều 3:** Bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4:** Trong quá trình thực hiện các hạng mục công trình (nếu có sự thay đổi hoặc phát sinh) và khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ Dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra và giám sát thực hiện.

Nơi nhận:

- Chủ dự án.
- Bộ TN&MT.
- UBND tỉnh Hải Dương.
- Lưu QLMT.



*[Handwritten Signature]*  
KỶ CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
ĐỖ XUÂN MIỀN

GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Đức*



## CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ MỨC ĐĂNG KÝ

STT	Tên chỉ tiêu thành phần môi trường	Đơn vị tính	Mức đăng ký theo TC quy định	Phương pháp kiểm tra
I	<b>Các yếu tố vật lý</b>		QĐ số 3733/2002/QĐ-BTN	TCVN-2005
	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	$\leq 32^{\circ}\text{C}$	nt
	Độ ẩm	%	$\leq 80$	nt
II	<b>Các loại khí độc</b>		TCVN 5937, 5938-95	TCVN-1995
	Tô luen ( $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_3$ )	$\text{mg}/\text{m}^3$	$\leq 0,6$	nt
	Hơi xăng	$\text{mg}/\text{m}^3$	$\leq 1,5$	nt
	Sun phua rơ ( $\text{SO}_2$ )	$\text{mg}/\text{m}^3$	$\leq 0,5$	nt
	Pe ô xít Nitơ ( $\text{NO}_2$ )	$\text{mg}/\text{m}^3$	$\leq 0,4$	nt
	Bụi	$\text{mg}/\text{m}^3$	$\leq 0,3$	nt
III	<b>Tiếng ồn khu sản xuất nằm xen kẽ trong khu dân cư</b>		TCVN- 5949- 95	TCVN 5949- 1998
	Từ 6h đến 22h	dBA	$< 70$	nt
IV	<b>Nước thải</b>		TCVN- 5945- 95	TCVN- 1995
	Độ pH		5,5 đến 9,0	
	Dầu mỡ khoáng	$\text{mg}/\text{l}$	$< 1,0$	nt
	Chất rắn lơ lửng	$\text{mg}/\text{l}$	$\leq 80,0$	nt
	BOD <sub>5</sub>	$\text{mg}/\text{l}$	$< 50$	nt
	COD	$\text{mg}/\text{l}$	$< 100$	nt
V	<b>Chất thải rắn (rác thải)</b>		Có bể hoặc thùng chứa thu gom và phân loại xử lý theo quy định phù hợp với thành phần rác thải	

### **Yêu cầu cơ sở phải thực hiện các biện pháp xử lý:**

- Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh công nghiệp, kiểm soát định kỳ khống chế ô nhiễm khu vực sản xuất và thực hiện các phương án xử lý ô nhiễm như đã đề xuất trong bản nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Cơ sở.

- Khống chế và xử lý các chất thải đảm bảo các quy định tại tiêu chuẩn môi trường Việt Nam 5939-1995 và 6994-2001; 6991-2001; 5940-1995, 6984-2001 (về nước thải; khí thải công nghiệp).

- Phối hợp cùng địa phương và dân cư lân cận thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại khu vực sản xuất và xung quanh Cơ sở.

- Phiếu xác nhận này được kèm theo nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Cơ sở.

- Yêu cầu cơ sở phải áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp để đảm bảo tiêu chuẩn môi trường cho phép như đã đăng ký trên.

- Mức đăng ký trên là cơ sở cho việc xem xét để cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.

- Khi có thay đổi về công nghệ hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh Cơ sở phải báo với cơ quan cấp đăng ký để bổ sung cho phù hợp.

- Giao cho phòng Quản lý môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Cơ sở.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- &&& -----



**HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI  
THÔNG THƯỜNG**

Số: 01062024/HDKT

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;
  - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
  - Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
  - Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
  - Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về luật bảo vệ môi trường;
  - Căn cứ Giấy phép môi trường số 449/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh ngày 13 tháng 11 năm 2023;
- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Chúng tôi gồm:

**BÊN A: CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH).**

Địa chỉ: Km 77+500, quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Mã số thuế: 0800280268

Điện thoại: 02203 721 635

Fax: 02203 721 737

Tài khoản số: 64179489 tại ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải

Đại diện: Ông Lê Văn Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**BÊN B : CƠ SỞ THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP  
CÔNG THƯƠNG.**

Người Đại Diện : Bà Nguyễn Thị Minh

Chức vụ: Chủ Cơ Sở

Sinh ngày: 15/12/1973 CCCD số: 0301 7300 6988 cấp ngày 18/03/2020

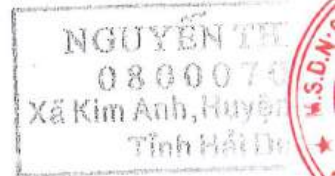
Địa chỉ: Kim Anh – Kim Thành – Hải Dương.

Mã số thuế: 0800070408.

Điện thoại: 0376.727.668

Tài Khoản: 2304205128241 Ngân hàng: Ngân hàng Nông Nghiệp – Phát Triển Nông Thôn huyện Kim Thành.

Sau khi bàn bạc thoả thuận hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:



**Điều 1: Bên A thuê bên B thực hiện công việc sau:**

Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp thông thường và đáp ứng những quy định khác có liên quan.

Bên B được bên A thuê thu gom các loại phế rác thải công nghiệp thông thường.

**Điều 2: Địa điểm, thời hạn giao nhận, số lượng và phương tiện vận chuyển:**

- **Đặc tính rác thải:** Rác thải công nghiệp thường.
- **Địa điểm giao nhận rác thải:** Tại kho lưu trữ rác thải công nghiệp của công ty.
- **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng chuyên vận chuyển rác thải công nghiệp thông thường.
- **Thời gian thu gom rác thải công nghiệp:** Bên A thông báo trước bên B 2 ngày khi cần chuyển rác đi, bên B có trách nhiệm cử người phương tiện thực hiện bốc rác và vận chuyển, cuối mỗi tháng kho rác của bên A phải sạch sẽ gọn gàng,

**Điều 3: Địa điểm xử lý và hình thức xử lý đối với từng loại rác:**

- **Địa điểm xử lý:** Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh
- **Địa chỉ:** thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
- **Hình Thức xử lý:** Đốt

**Điều 4: Đơn giá xử lý và thể thức nghiệm thu thanh toán.**

Căn cứ vào loại rác thải công nghiệp của bên A để tính giá thành vận chuyển và xử lý. Cụ thể đơn giá được tính như sau:

STT	ĐVT	Tên rác thải	Đơn giá
1	Kg	Rác thải công nghiệp thông thường	2.000đ

Đã bao gồm thuế VAT

STT	ĐVT	Phế liệu thu mua	Đơn giá
1	Kg	Bìa cát tông	2.200đ

Thời hạn hợp đồng: được tính từ 01 tháng 06 năm 2024 đến hết ngày 01 tháng 06 năm 2025. Đến khi kết thúc hợp đồng bên B phải chịu trách nhiệm thu dọn hết lượng rác còn lại trong kho chứa rác của bên A.

**Điều 5: Trách nhiệm chung của các bên:**

**- Trách nhiệm của bên A:**

- + Tạo điều kiện cho bên B trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp.
- + Cử người xác nhận khối lượng chất thải công nghiệp cho bên B vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu trọng lượng để thanh toán cho bên B.

**- Trách nhiệm của bên A:**



- + Vận chuyển xử lý chất thải công nghiệp theo quy định về pháp luật hiện hành đảm bảo thời gian và lượng rác công việc.
- + Cung cấp số lượng rác thải công nghiệp, vận chuyển xử lý cho bên A để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán.
- + Cung cấp chứng từ liên quan về xử lý rác thải cho bên A.

**Điều 6: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:**

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì phải giải quyết các bên kịp thời thông báo cho nhau, chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo lợi ích của cả hai bên.
- Trường hợp có vấn đề gì tranh chấp không giải quyết được thì hai bên sẽ khiếu nại với cơ quan chức năng để giải quyết.
- Một trong hai bên vi phạm 5 điều trên thì một trong hai bên có quyền thương lượng hoặc chấm dứt hợp đồng.
- Một trong 2 bên đơn phương chấm dứt hợp đồng thì cần chủ động thông báo cho nhau trước 15 ngày.

**Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng:**

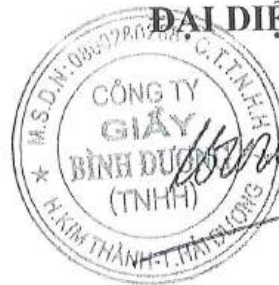
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, nếu có sự thay đổi bên A sẽ thông báo cho bên B trước 1 tháng.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau trước pháp luật.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

NGUYỄN THỊ MINH  
 0800070408  
 Xã Kim Anh, Huyện Kim Thành  
 Tỉnh Hải Dương

*Nguyễn Thị Minh*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Cường*



INH  
 8  
 Thành  
 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

(V/v: thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 454/20240601/HĐKT/AS-GBD

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Giấy phép môi trường số 449/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh ngày 13 tháng 11 năm 2023;

- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải và khả năng hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2024, tại Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)**

Địa chỉ: Km 77+500, quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Mã số thuế: 0800280268

Điện thoại: 02203 721 635

Fax: 02203 721 737

Tài khoản số: 64179489 tại ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải

Đại diện: Ông Lê Văn Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH**

Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Mã số thuế: 0800754983

Điện thoại: 0220 3717555

Fax: 0220 3717555

Tài khoản số: 0341006990138 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông Nguyễn Trọng Quang

Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:



## ĐIỀU I. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A đến địa điểm xử lý tại nhà máy xử lý chất thải của Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

## ĐIỀU II. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, SỐ LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- **Đặc tính chất thải:** Chất thải nguy hại.

- **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại kho lưu giữ chất thải của bên A: Km 77+500, quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- **Địa điểm lưu giữ và xử lý:** Tại nhà máy xử lý chất thải của Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;

- **Số lượng:** Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B.

- **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

- **Thời gian thực hiện:** Trong vòng 48 giờ sau khi nhận được yêu cầu bằng Fax, điện thoại, hoặc email của bên A, bên B sẽ bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

## ĐIỀU III. ĐƠN GIÁ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

### 3.1/ Đơn giá xử lý:

- Đơn giá xử lý trọn gói (bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý) chất thải nguy hại là: **15.000.000 đồng/ năm** (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng một năm./.).

**Ghi chú:** Đơn giá trên là phần bàn giao chất thải  $\leq 1.600$  kg/01 năm và số lần vận chuyển tối đa là 02 lần/01 năm. Nếu khối lượng chất thải bàn giao  $> 1.600$  kg/01 năm thì bên A phải trả thêm cho bên B là 7.000 đồng/01 kg phần vượt thêm đó. Nếu bên A yêu cầu bên B vận chuyển vượt quá 02 lần/01 năm thì bên A phải trả cho bên B là 3.000.000 đồng/01 lần vận chuyển.

- Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT.

### 3.2/ Hình thức thanh toán

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, lập chứng từ xử lý chất thải và tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận của từng chuyến. Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận, biên bản quyết toán giá trị thực hiện phải do đại diện có thẩm quyền ký, đóng dấu mới có giá trị.

- Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng 20 ngày sau khi bên A nhận được Hóa đơn GTGT của bên B. Sau 20 ngày mà bên A chưa thanh toán được cho bên B thì bên A phải có công văn giải trình với bên B về việc chậm thanh toán.

- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản sau:



Tên tài khoản: Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh;

Số tài khoản: 0341006990138 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

**Lưu ý:** Bên B không chấp nhận bất cứ hình thức thanh toán bằng tiền mặt nào mà không có sự xác nhận từ bộ phận kế toán của bên B.

#### **ĐIỀU IV. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

##### **4.1/ Trách nhiệm của bên A:**

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải, bên A phải báo trước 48 giờ cho bên B để bên B bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- Đảm bảo thành phần chất thải không được trộn lẫn với các chất thải khác.
- Hỗ trợ nhân lực và xe nâng hạ giúp bên B bốc xếp chất thải lên xe.
- Cử cán bộ, nhân viên hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

##### **4.2/ Trách nhiệm của bên B:**

- Bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.
- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định khi ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn bên A.
- Thực hiện nhận bàn giao chất thải từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dụng đã được Cục Bảo vệ Môi trường cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Vận chuyển đúng khối lượng và đúng chủng loại chất thải của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng các quy định về vận chuyển và xử lý chất thải. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển (kể từ lúc ra khỏi cổng của bên A).
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải của bên A.
- Xác nhận chứng từ xử lý và xuất hóa đơn tài chính cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.
- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

#### **ĐIỀU V. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG**

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... thì:

B-C  
TY  
JON  
(H)  
T.HAI

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa, các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

## ĐIỀU VI. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng đều phải lập thành phụ lục hợp đồng và là bộ phận không thể tách rời với hợp đồng này.

Hai bên không được chuyển nhượng, giao bán hợp đồng này hay bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào trong hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản giữa hai bên.

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải giữa các bên. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết cuối cùng bởi tòa án kinh tế Hải Dương.

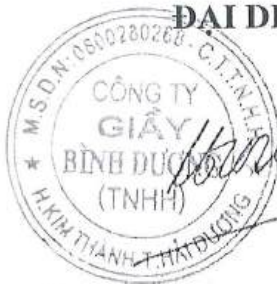
## ĐIỀU VII. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2024 cho đến hết ngày 30/05/2025. Khi hết thời hạn hợp đồng nếu không có gì vướng mắc giữa hai bên thì hợp đồng coi như đã được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo.

Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Cường*

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Trọng Quang*





CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPM

Số (No): 84318

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 15/04/2024	kWh	24.714	-	55.042.196
	(kèm theo bảng kê số 1427952198 ngày 15 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					55.042.196
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.403.376
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 59.445.572

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày 15/04/2024 10:47:51



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TQM  
Số (No): 127

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện năng phân kháng kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 15/04/2024 (kèm theo bảng kê số 1427952199 ngày 15 tháng 04 năm 2024)	kVAh	14.713	-	2.559.462
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.559.462
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 204.757
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.764.219
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm mười chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 15/04/2024 10:47:51



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPM

Số (No): 111685

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2024 từ ngày 16/04/2024 đến ngày 30/04/2024 (kèm theo bảng kê số 1437451433 ngày 02 tháng 05 năm 2024)	kWh	33.096	-	74.292.099
Cộng tiền hàng (Total amount):					74.292.099
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.943.368
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 80.235.467
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 02/05/2024 08:18:35



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPM

Số (No): 84318

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 15/04/2024 (kèm theo bảng kê số 1427952198 ngày 15 tháng 04 năm 2024)	kWh	24.714	-	55.042.196
Cộng tiền hàng (Total amount):					55.042.196
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.403.376
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 59.445.572

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 15/04/2024 10:47:51



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh Kim Thành - Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPM

Số (No): 114977

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 15/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1440860557 ngày 16 tháng 05 năm 2024)	kWh	33.422	-	77.644.973
Cộng tiền hàng (Total amount):					77.644.973
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.211.598
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 83.856.571
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 16/05/2024 14:17:26





CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TQM

Số (No): 169

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phân kháng kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 15/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1440860558 ngày 16 tháng 05 năm 2024)	kVAh	16.922	-	869.624
Cộng tiền hàng (Total amount):					869.624
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 69.570
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 939.194

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín trăm ba mươi chín nghìn một trăm chín mươi bốn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã ký:  Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc  
Ngày ký: 16/05/2024 14:17:26



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPM

Số (No): 139665

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2024 từ ngày 16/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1450018422 ngày 02 tháng 06 năm 2024)	kWh	48.046	-	110.515.984
Cộng tiền hàng (Total amount):					110.515.984
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.841.279
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 119.357.263

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười chín triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 02/06/2024 08:42:18



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TQM

Số (No): 204

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phân kháng kỳ 2 tháng 5 năm 2024 từ ngày 16/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1450018423 ngày 02 tháng 06 năm 2024)	kVAh	24.877	-	1.237.779
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.237.779
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 99.022
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.336.801
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm linh một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày lập: 02/06/2024 08:42:18



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPM

Số (No): 142956

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 15/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1453554885 ngày 17 tháng 06 năm 2024)	kWh	41.899	-	97.335.136
Cộng tiền hàng (Total amount):					97.335.136
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.786.811
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 105.121.947

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh năm triệu một trăm hai mươi một nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 17/06/2024 10:03:04



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TQM

Số (No): 213

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phân kháng kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 15/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1453554890 ngày 17 tháng 06 năm 2024)	kVAth	21.916	-	1.090.154
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.090.154
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 87.212
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.177.366

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày 17/06/2024 10:03:04



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPM

Số (No): 167665

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM11000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 16/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1463296082 ngày 02 tháng 07 năm 2024)	kWh	40.226	-	92.059.284
Cộng tiền hàng (Total amount):					92.059.284
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.364.743
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 99.424.027
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn không trăm hai mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 02/07/2024 08:42:08



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TÔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0800356171

Địa chỉ (Address): Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Số TK: 116000026985 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh KCN Hải Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TQM

Số (No): 249

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Tên đơn vị (Company name): Công ty Giấy Bình Dương (TNHH)

Mã số thuế (Tax code): 0800280268

Địa chỉ (Address): Km77+500 quốc lộ 5 Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PMI1000038065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện năng phân kháng kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 16/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1463296085 ngày 02 tháng 07 năm 2024)	kVAh	23.420	-	4.280.757
Cộng tiền hàng (Total amount):					4.280.757
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 342.461
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 4.623.218
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm mười tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TÔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 02/07/2024 08:32:08



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 22 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): LC24TTB  
Số (No): 00000108



Mã của cơ quan thuế: 0014410EFF20C54AA485C4B0346812D103

Tên đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH BÌNH  
Mã số thuế (TAX code): 0200459760  
Địa chỉ (Address): Thôn Dụ Nghĩa, Xã Lê Thiện, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Số tài khoản (AC No): 2113211000261  
Tại ngân hàng (Bank): Agribank chi nhánh An Hưng

Họ tên người mua hàng (Buyer):  
Tên đơn vị mua hàng (CusName): CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)  
Mã số thuế (Tax code): 0800280268  
Địa chỉ (Address): Km77+500, Quốc lộ 5, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam  
Số tài khoản (AC No):  
Hình thức thanh toán (Method of payment): CK  
Ngân hàng (BankName):

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Nước sạch tháng 05/2024. Chỉ số mới: 4093, chỉ số cũ: 3759	m3	334	15.000	5.010.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.010.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 250.500
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					5.260.500
Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, năm trăm đồng					

NGƯỜI MUA HÀNG  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THUẾ  
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁN HÀNG  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid  
Ký bởi:  
Ký ngày:

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG  
THANH BÌNH  
Ký ngày: 22/05/2024 14:10:30

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 24 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Series): TC24TTB

Số (No): 00000146

Mã của cơ quan thuế: 0077044AD8CE5A4E07947EC63BC30F84F8



Tên đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH BÌNH  
Mã số thuế (TAX code): 0200459760  
Địa chỉ (Address): Thôn Dụ Nghĩa, Xã Lê Thiện, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Số tài khoản (AC No): 2113211000261  
Tại ngân hàng (Bank): Agribank chi nhánh An Hưng

Họ tên người mua hàng (Buyer):  
Tên đơn vị mua hàng (CusName): CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)  
Mã số thuế (Tax code): 0800280268  
Địa chỉ (Address): Km77+500, Quốc lộ 5, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam  
Số tài khoản (AC No):  
Hình thức thanh toán (Method of payment): CK  
Ngân hàng (BankName):

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Nước sạch tháng 06/2024 (từ ngày 05/05/2024 - 16/06/2024). Chi số mới: 4728, chi số cũ: 4093	m3	635	15.000	9.525.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					9.525.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 476.250
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					10.001.250

Số tiền viết bằng chữ (In words): Mười triệu, không trăm linh một nghìn, hai trăm năm mươi đồng

NGƯỜI MUA HÀNG  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THUẾ  
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁN HÀNG  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid  
Ký bởi:  
Ký ngày:

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG  
THANH BÌNH  
Ký ngày: 24/06/2024 05:31:16

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 24 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): IC24TTB  
Số (No): 00000164



Mã của cơ quan thuế: 008775C67CAB3B4DABB15FBBEBFE956A68

Tên đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH BÌNH  
Mã số thuế (TAX code): 0200459760  
Địa chỉ (Address): Thôn Dụ Nghĩa, Xã Lê Thiện, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Số tài khoản (AC No): 2113211000261  
Tại ngân hàng (Bank): Agribank chi nhánh An Hưng

Họ tên người mua hàng (Buyer):  
Tên đơn vị mua hàng (CusName): CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)  
Mã số thuế (Tax code): 0800280268  
Địa chỉ (Address): Km77+500, Quốc lộ 5, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam  
Số tài khoản (AC No):  
Hình thức thanh toán (Method of payment): CK  
Ngân hàng (BankName):

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Nước sạch tháng 7/2024. Chỉ số mới: 5002, chỉ số cũ: 4728	m3	274	15.000	4.110.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					4.110.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 205.500
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					4.315.500
Số tiền viết bằng chữ (In words): Bốn triệu, ba trăm mười lăm nghìn, năm trăm đồng					

NGƯỜI MUA HÀNG  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THUẾ  
(Ký, đóng dấu)

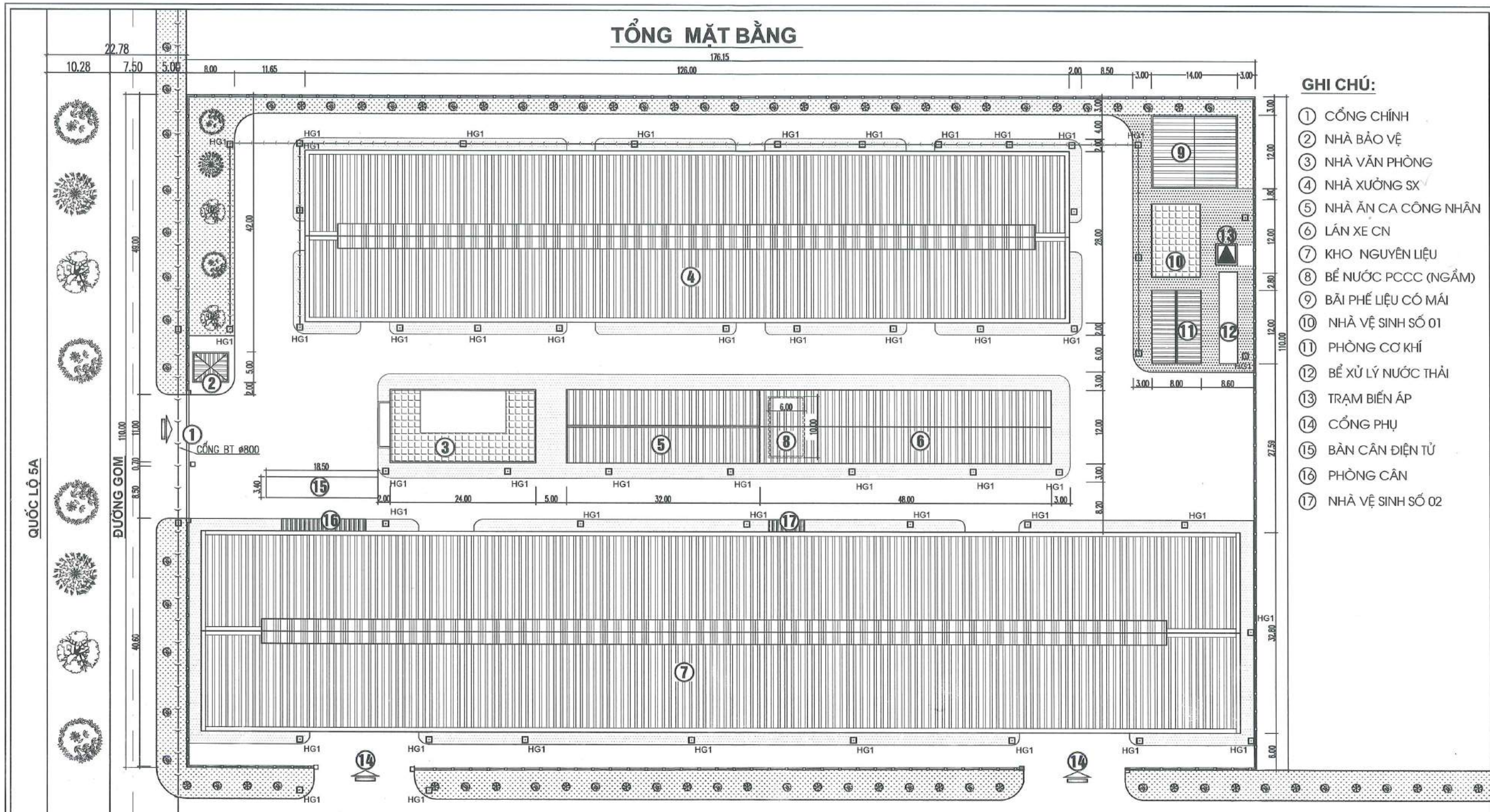
NGƯỜI BÁN HÀNG  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid  
Ký bởi:  
Ký ngày:

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG  
THANH BÌNH  
Ký ngày: 24/07/2024 10:48:25

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

# TỔNG MẶT BẰNG



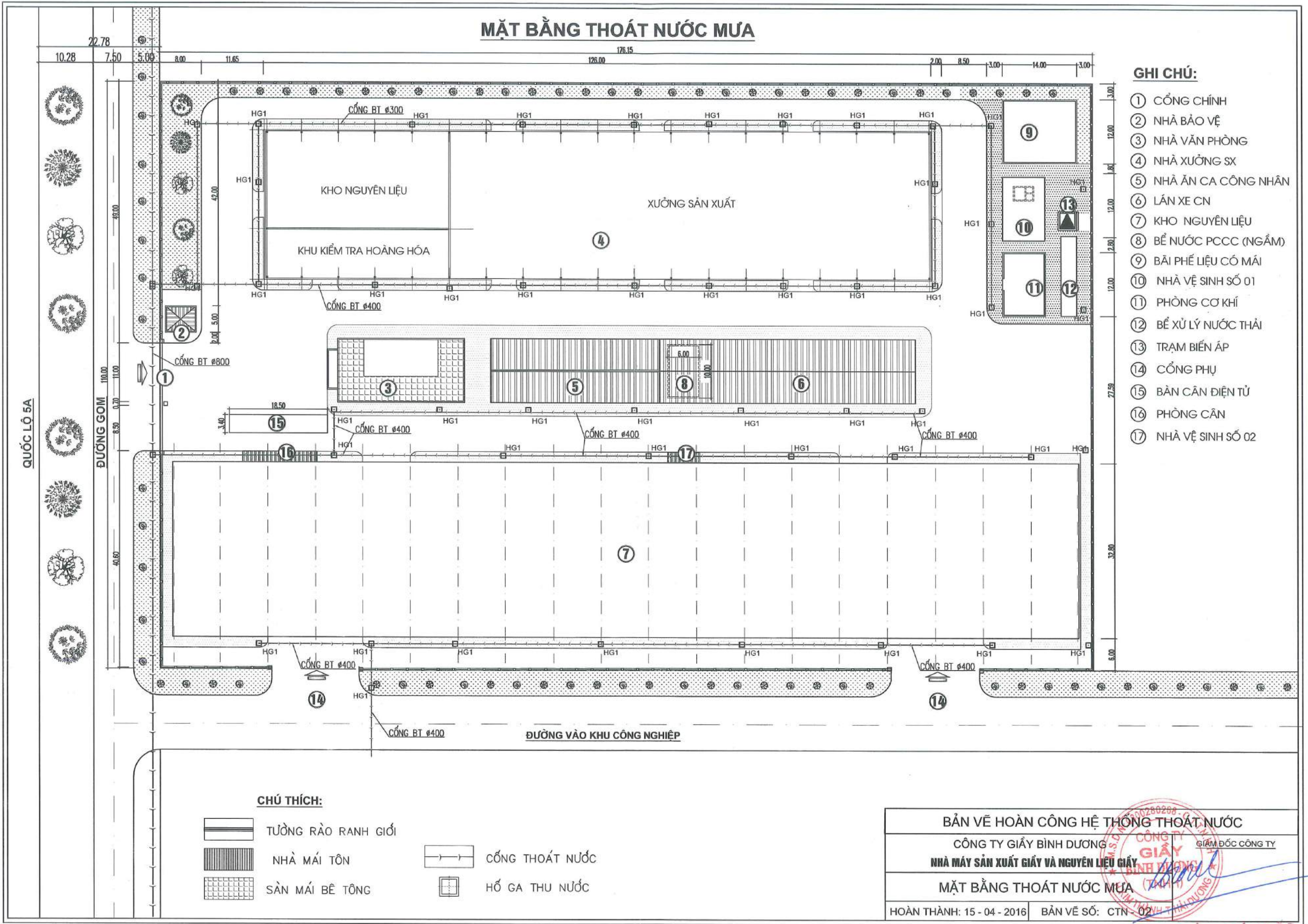
- GHI CHÚ:**
- ① CỔNG CHÍNH
  - ② NHÀ BẢO VỆ
  - ③ NHÀ VĂN PHÒNG
  - ④ NHÀ XƯỞNG SX
  - ⑤ NHÀ ĂN CA CÔNG NHÂN
  - ⑥ LÁN XE CN
  - ⑦ KHO NGUYÊN LIỆU
  - ⑧ BỂ NƯỚC PCCC (NGẮM)
  - ⑨ BÃI PHẾ LIỆU CÓ MÁI
  - ⑩ NHÀ VỆ SINH SỐ 01
  - ⑪ PHÒNG CƠ KHÍ
  - ⑫ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
  - ⑬ TRẠM BIẾN ÁP
  - ⑭ CỔNG PHỤ
  - ⑮ BÀN CÂN ĐIỆN TỬ
  - ⑯ PHÒNG CÂN
  - ⑰ NHÀ VỆ SINH SỐ 02

- CHÚ THÍCH:**
- TƯỜNG RÀO RANH GIỚI
  - NHÀ MÁI TÔN
  - SÀN MÁI BÊ TÔNG
  - CỔNG THOÁT NƯỚC
  - HỖ GA THU NƯỚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC  
 CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY  
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ**  
 HOÀN THÀNH: 15 - 04 - 2016 | BẢN VẼ SỐ: CTN/01

GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
 CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG (TNHH)  
 TÔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Cường*

# MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



## GHI CHÚ:

- ① CỔNG CHÍNH
- ② NHÀ BẢO VỆ
- ③ NHÀ VĂN PHÒNG
- ④ NHÀ XƯỞNG SX
- ⑤ NHÀ ĂN CA CÔNG NHÂN
- ⑥ LÁN XE CN
- ⑦ KHO NGUYÊN LIỆU
- ⑧ BỂ NƯỚC PCCC (NGẦM)
- ⑨ BÃI PHÉ LIỆU CÓ MÁI
- ⑩ NHÀ VỆ SINH SỐ 01
- ⑪ PHÒNG CƠ KHÍ
- ⑫ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑬ TRẠM BIẾN ÁP
- ⑭ CỔNG PHỤ
- ⑮ BÀN CÂN ĐIỆN TỬ
- ⑯ PHÒNG CÂN
- ⑰ NHÀ VỆ SINH SỐ 02

## CHÚ THÍCH:

- TƯỜNG RÀO RANH GIỚI
- NHÀ MÁI TÔN
- SÀN MÁI BÊ TÔNG
- CỔNG THOÁT NƯỚC
- HỒ GA THU NƯỚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

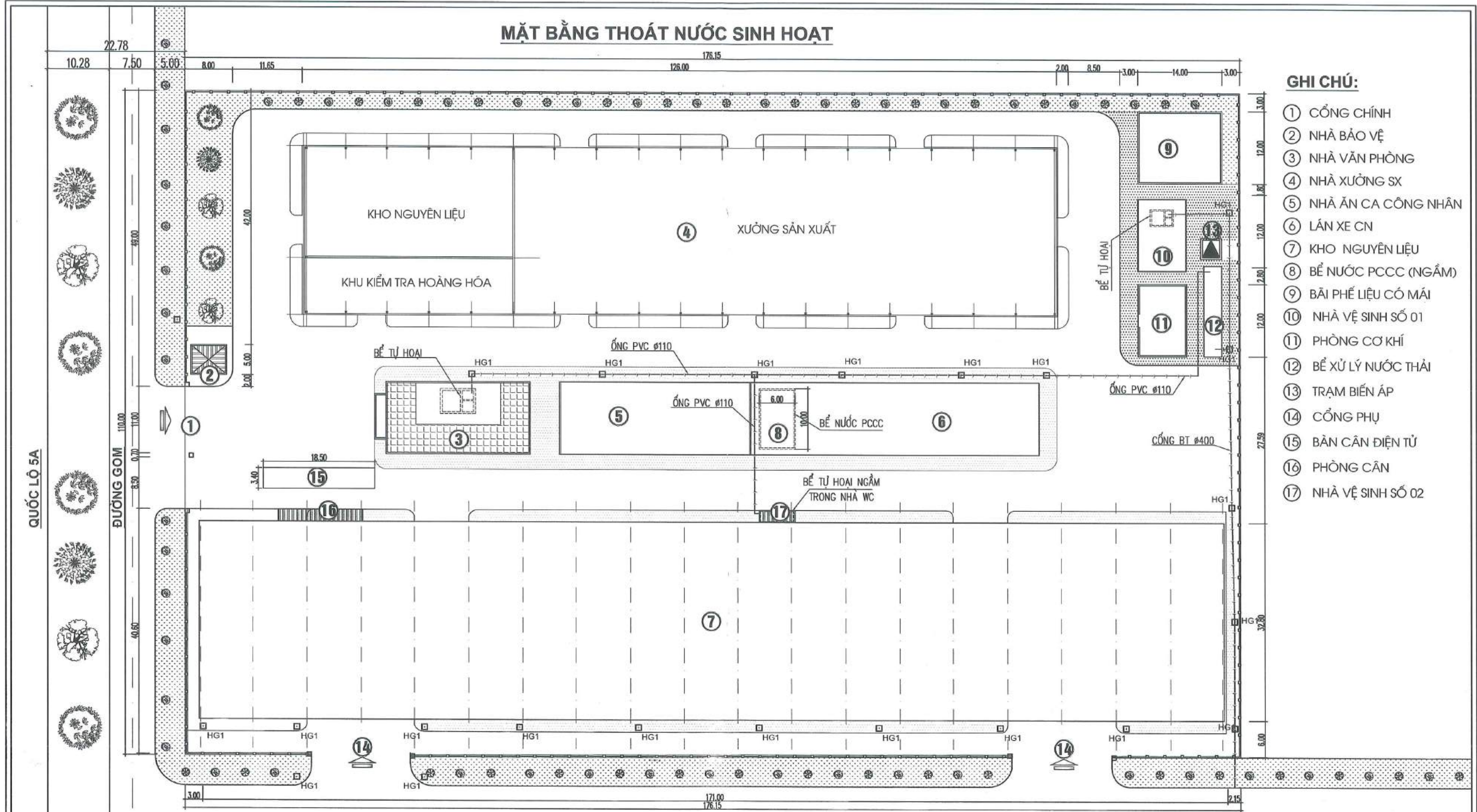
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

HOÀN THÀNH: 15-04-2016 | BẢN VẼ SỐ: CTN-02

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Văn Cường

# MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC SINH HOẠT



## GHI CHÚ:

- ① CỔNG CHÍNH
- ② NHÀ BẢO VỆ
- ③ NHÀ VẬN PHÒNG
- ④ NHÀ XƯỞNG SX
- ⑤ NHÀ ĂN CA CÔNG NHÂN
- ⑥ LÀN XE CN
- ⑦ KHO NGUYÊN LIỆU
- ⑧ BỂ NƯỚC PCCC (NGẦM)
- ⑨ BÃI PHẾ LIỆU CÓ MÁI
- ⑩ NHÀ VỆ SINH SỐ 01
- ⑪ PHÒNG CƠ KHÍ
- ⑫ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑬ TRẠM BIẾN ÁP
- ⑭ CỔNG PHỤ
- ⑮ BÀN CÂN ĐIỆN TỬ
- ⑯ PHÒNG CÁN
- ⑰ NHÀ VỆ SINH SỐ 02

## CHÚ THÍCH:

- TƯỜNG RÀO RANH GIỚI
- NHÀ MÁI TÔN
- SÀN MÁI BÊ TÔNG
- CỔNG THOÁT NƯỚC
- HỐ GA THU NƯỚC

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**  
 CÔNG TY GIẤY BÌNH DƯƠNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
**NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ NGUYÊN LIỆU GIẤY**  
**M.B THOÁT NƯỚC SINH HOẠT**  
 HOÀN THÀNH: 15 - 04 - 2016 | BẢN VẼ SỐ: CTN 03

TÔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Cường*